

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

CÁI CHẾT CỦA...

Truyện

AN TIÊM

cái chết của...

dương nghiêm mậu

In lần thứ nhất: Văn Xã, Sài Gòn 1971

An Tiêm in lần thứ hai có tăng bổ

Paris, 2001

cái chết của...

dương nghiêm mậu

Bìa: *An Tiêm*

Trình bày: *Muôn Phương*

Nguồn: *Internet*

cái chết của...

**DƯƠNG NGHIỄM
MẬU**

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM
3, rue Vincent Van Gogh
95170 Deuil La Barre – France

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã in

Cũng Đành

Gia Tài Người Mẹ

Đêm

Đêm Tóc Rối

Tuổi Nước Độc

Đôi Mắt Trên Trời

Nhan Sắc

Phấn Đấu

Sợi Tóc Tìm Thấy

Kinh Cầu Nguyên

Gào Thét

8 | Dương Nghiễm Mậu

Ngày Lạ Mặt

Địa Ngục Có Thật

Ngã Đạn

Quê người

Mục lục

Mê hà	11
San hậu	35
Người vẽ núi	77
Thủy đạo lan	137
Hồn quê	145
Tiếng gọi người	167
Cái chết của...	177

MÊ HÀ

Anh bạn, có lẽ bình thường thì chẳng bao giờ anh bạn lại nhận được thư này của tôi, đã lâu tôi không còn đụng tới cây bút nữa. Tại sao? Tôi không hề viết để trả lời anh về điều này, chẳng là vì, tối nay, ở một nơi không phải là nhà mình, không phải nơi mình vẫn sống, không ngủ được, rồi lục túi thấy cái thư của anh bạn gửi cho, tình cờ, tôi nghĩ, nhân đây viết cho anh, như một trả lời sau chót, mai này, khi không còn nhận được thư tôi anh cũng đừng lấy thế làm lạ. Kẽ kia có lẽ đã chết. Chết rồi, điều ấy có hệ trọng gì không?

Chẳng là thế này, chiều qua trên đường về nhà tôi đã gặp phải một sự ngộ nhận. Lại ngộ nhận, khổ là thế. Nhưng tôi tin là cũng không đến nỗi nào. Một nhân viên công lực thấy nơi thẻ căn cước của tôi có vẻ gì khả nghi và nhân

12 | Dương Nghiễm Mậu

viên này đã hết sức lễ phép nói với tôi về điều đó và mong tôi hợp tác để cho nhà chức trách xét lại, đây là công việc phải làm để truy lùng những kẻ gian. Tôi thấy không có gì trở ngại, tuy rằng nó cũng có phiền phức cho mình chút đỉnh. Cây ngay đâu có sợ chết đứng. Và tôi nghĩ mai này tôi sẽ được trả về nhà.

Nhất nhật tại tù... anh bạn hản cũng biết tới câu đó. Nhưng đây không phải là tù. Tù thì phải có án, mà mình thì có tội gì đâu mà án. Nhân viên công lực nói với tôi: hồi sau này có nhiều kẻ gian. Anh thấy như thế có nguy hiểm không. Cái gì cũng giả cả, lúc trước đây chả có cả cái vụ công chúa Phi Châu giả đấy thôi. Người cũng giả được thế thì nói gì tới giấy tờ, căn cước, bằng cấp... Cái gì cũng giả cả, điều ấy khiến cho chúng ta hoài nghi. Để phân biệt thật giả đâu phải dễ, sự phân biệt ấy con người với đôi mắt thường cũng không phân biệt được nữa. Thật hay giả cái ranh giới của nó ngày nay chỉ bằng một sợi tóc. Không còn tin nơi khả năng của con người, người ta phải tin vào máy. Tôi đã kê khai rõ ràng cho nhân viên công lực về nơi tôi lập thẻ căn cước, lý lịch của

tôi, bằng cấp của tôi trong đó có 12 năm quân vụ, giấy chứng thương, và tuổi tác của tôi... chừng ấy những sự kiện đủ để thấy không có lý do gì khiến cho tôi phải làm giấy tờ giả để trốn lính.

Nhưng biết đâu tôi phải giả căn cước để làm một việc khác, chẳng hạn như tôi can dự vào một cuộc giết người hay một âm mưu nào đấy trong quá khứ? Có phải anh bạn muốn đặt ra câu hỏi như thế không? Tội cho tôi lắm anh. Tôi không thể làm được những truyện đó.

Thời trước, có lúc tôi làm thơ, nhưng tôi không phải là thi sĩ, chỉ chừng đó thôi, cái ngông nghênh của tôi chỉ tới đó là hết. Sau thì tôi không thể còn ngông nghênh được nữa, gánh nặng gia đình, một vợ, bốn con, cha mẹ già, tôi không thể ngông nghênh với đời sống, tôi phải nghĩ tới mưu sinh. Tôi vút bút, lo sống, trong đầu óc tôi chỉ còn những hạt gạo, những hạt muối, những hộp sữa. Cái đầu óc như thế thì còn đâu chỗ cho chữ nghĩa ở nữa. Thế là tôi đã trả lời cho anh rồi. Tại sao tôi không viết?

14 | Dương Nghiễm Mậu

Nhưng đặt trường hợp bây giờ, dù lý lịch đã cung khai, dù tôi dùng căn cước thật nhưng bây giờ do sự lầm lẫn của máy móc và của người, tờ căn cước của tôi được coi là giả thì sao? Tôi có thể không tin như thế. Và trong lo nghĩ quanh quẩn ấy của tôi lại nhớ tới câu truyện hồi còn nhỏ đại ở nơi đồng ruộng, cái thời mà thật giả còn phân minh, và lúc đó tôi được nghe kể về truyện ông Lê Quý Đôn xuống âm phủ, không phải chỉ một lần mà tới bốn lần, xuống rồi lên, cỡi trần và âm phủ như gần nhau lắm, đi lại dễ dàng nhưng không phải vì thế mà không cần thẻ căn cước đâu. Và tôi muốn kể lại câu truyện ấy cho anh nghe đêm nay.

Thực ra tôi không muốn thức, nhưng khung cảnh tôi đang sống đây không làm tôi ngủ được. Tôi tỉnh ra cho dù tôi muốn ngủ đi cho qua đêm. Ngủ được, anh thấy sung sướng biết chừng nào, vậy mà không ngủ được, không quên đi được trong khi mọi người đều ngủ, đều quên để sống. Như thế thì có phải trời đày riêng tôi không? Chẳng lẽ thế. Truyện thức đêm không ngủ lại khiến tôi nhớ tới cái cảnh của ông Tú Xương khi

xưa: Hàng xóm láng giềng chùng ngủ cả. Tội gì mà thức một mình ta. Rồi cái gì: Đêm sao đêm mãi tối ru mà. Đêm tối bao giờ mới sang cho... Tôi cũng đang trông cho đêm qua đi...

Vậy truyện của ông Lê Quý Đôn như thế nào?

Về ông Lê Quý Đôn là ai anh bạn đã biết rồi, có khi còn biết rõ ông hơn tôi. Học trò thì ai cũng biết tới cái thơ Rắn đầu biếng học của ông. Rắn đầu biếng học lẽ không tha. Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ. Nay thét mai gầm rất cổ cha... Rắn rít đầu mà nhiều thế. Biếng học nhưng thông minh, thi cử đỗ đạt, làm quan, đời của ông dù vậy cũng có lắm điều dị nghị, chẳng hạn như cái vụ ông đi làm giám khảo mà dám sửa bài cho con mình. Gian lận rồi còn gì. Và vì thế bị nghiêm phạt. Hóa ra từ hồi nào, ngay giới sĩ phu cũng có làm điều không được sáng tỏ, cái tình cha con, họ hàng nhiều khi cũng làm cho người ta vướng vào cái gì ngay thẳng. Ấy, tôi không có ý định gì về việc viết lại lịch sử những nhân vật đâu. Anh hiểu cho, chẳng qua vì nói tới, nhắc tới mà có vài lời lạm

16 | Dương Nghiễm Mậu

bàn. Về sĩ phu của ta, tôi không có ý muốn nói tới. Nhất là với lớp sĩ phu ngày nay, bút mực nào mà viết về họ cho hết, toàn là những gương tây liếp cả.

Cái truyện ông Lê Quý Đôn ở đây chỉ là một chuyện kể, nó không phải chính biên gì. Truyện về ông nó cũng không liên hệ gì tới thời thế chúng ta đang sống. Tuyệt nhiên không. Nó như một câu chuyện phiếm, hay có khi nó chỉ là truyện ma mà thôi, truyện giữa người với ma, truyện giữa cõi trần với âm phủ, truyện giữa Diêm Vương với người. Mà đã như thế thì sao lại có thể là truyện thật được?

Hồi nhỏ sống tại quê nhà, giữa những người làm ruộng, giữa sinh hoạt của những người chỉ biết tới công việc đồng áng, tôi đã được học mở lòng bằng ca dao, tục ngữ và truyện cổ tích, sau này tôi thấy có nhiều truyện không hề được ghi chép lại, hoặc đã được ghi chép khác với những truyện tôi đã được nghe kể trong những chiều mùa hè, trong những tối mùa đông. Trong những truyện đó có truyện ông Lê Quý Đôn. Cho nên nếu anh thấy nó vô lý, hoặc không hề biết bao giờ

thì anh cũng đừng ngạc nhiên.

Lại nữa, cho tới nay, anh đã biết đó, trên đầu tôi đã có mấy sợi tóc bạc, ngày tháng mưu sinh, bao nhiêu điều chồng chất lên, trí nhớ hao mòn, nên có nhiều chi tiết tôi cũng không còn nhớ, nhưng không vì thế truyện thành sai đi cái ý của nó. Chẳng hạn như mấy cái câu trong kinh thứ kinh thi gì đó của người nước Lỗ mà ông thầy đồ đã giảng sai nghĩa cho học trò đến cho con trâu ở cái chuồng bên cạnh phải phát điên lên đó thì quả là tôi quên, không nhớ được, nó trùng hợp với cái suy vi của nền Nho học, như vậy thì nó cũng có cái nguyên do của nó.

Truyện ông Lê Quý Đôn thì anh đã biết rồi. Nhưng cái phần sau này thì chắc không. Tôi không thể truy nguyên ra được rằng từ đâu lại có truyện về ông, hay là ông đã viết tiểu sử, viết tự truyện, hồi ký để lại. Hay là ông đã trả lời trong một cuộc phỏng vấn, do đó người ta mới có mà kể lại. Từ những kể lại đó chuyển tới thời tôi, tôi được nghe và nay thì không kể, mà viết ra để anh đọc.

18 | Dương Nghiễm Mậu

Lê Quý Đôn thấy trong người mệt, biết là mình sắp chết liền gọi con cháu lại bên mà dặn dò mọi việc. Sau đấy ông nằm xuống và thiếp đi. Giữa lúc trong nhà tiếng than khóc vang lên thì Lê Quý Đôn thấy mình chơi vơi và lạc vào một cõi khác. Ông đang thơ thẩn không biết đi đường nào thì chợt thấy có nhiều người đang đi về phía trước mặt. Ông liền bước theo. Mọi người đều không vui, kẻ khóc, người mếu, kẻ than, người trách vì mình đã phải chết bỏ lại nào vợ, nào con, nào ơn nghĩa, nào thù hận chưa trả. Lê Quý Đôn thì không có thấy gì phải bận tâm. Rồi mọi người tới một bến sông. Trong ánh sáng nhòa nhuếch, thứ ánh sáng của một đêm có trăng suông nhưng nhiều mây, ông đứng nơi bờ sông mà không nhìn thấy bờ sông bên kia, con sông rộng, nước chảy xiết hơi lạnh bốc lên khiến cho bầu trời trước mặt mù mịt. Ông cất tiếng hỏi:

– Bến gì đây?

Một người ở đằng xa nói vọng lại:

– Đây là Mê Hà, hỏi làm gì?

Mê Hà, hai tiếng ấy gọi cho ông nhớ tới những điều xưa kia đã đọc. Sang bên kia sông, đó là côi âm rồi, và như thế tức là mình sắp phải húp một bát cháo lú, đi qua một cái cầu. Ở bên kia như thế nào? Câu hỏi ấy khiến cho ông thêm tò mò. Nhưng cho tới khi sang tới đó thì mình có còn là mình bấy giờ nữa không? Hay lúc bấy giờ mình đã là một người khác. Qua sông, nghĩ thế ông thấy khiếp.

– Sắp hàng cho thứ tự nào, làm gì mà phải chen nhau...

Tiếng quát lớn khiến ông Lê giật mình. Không chen lên mà ngược lại, ông lùi về phía sau. Ông không đứng vào hàng, lén lén coi xem truyện gì ở phía trước. Ông e ngại nhìn hai tên quý, một đứa mặt trâu, một đứa mặt ngựa mỗi đứa đứng một bên gác cây cầu. Ở dưới, một tên quý mặt trắng ngồi nơi bàn, từng người một tiến lên, đứng trước bàn, trình thẻ tùy thân, tên quý biên tên vào sổ, phát cho một tấm giấy thông hành khác, trước khi bước lên cầu, một tên quý khác múc một bát cháo đưa cho húp. Chưa húp cháo thì còn khóc,

20 | Dương Nghiễm Mậu

còn than, còn buồn rầu, nhưng tới khi húp xong bát cháo, bước lên cầu thì mặt ai cũng tươi tỉnh, huyết sáo, hát vang... Bao nhiêu nợ trần rũ sạch, và như thế là bao nhiêu công lao học sách vở thánh hiền cũng sạch luôn... Cháo lú, cháo quên, quả là người ta nói không có sai. Ông Lê không muốn như thế. Cầm sẵn tấm thông hành nơi tay, ông Lê thu mình chờ đợi.

Bỗng đám người chen nhau, mấy tên quỷ phải lo dẹp, ông Lê nhanh chân lên lên cầu và băng qua. Đi đã lâu ông vẫn không thấy bờ bên kia, nhìn lại cũng không còn thấy đâu bờ mình vừa bỏ, trên cây cầu nhỏ, ông chỉ thấy bốn phía mù mịt, gió lạnh từng cơn thổi lên gây gây lạnh. Qua cái cầu này ông thấy thật gian nan. Ông Lê sợ, hai tay run lên, phải cố gắng hết sức để giữ cho mình khỏi ngã trong khi những người đi trước và đi sau đều ca hát, đùa rớn như ở giữa đám hội. Có lúc dừng lại, nhìn xuống dòng sông, ông thấy như sâu vô tận và tưởng khi mình rơi xuống. Mê Hà, hai tiếng ấy ông không thể quên.

Đi mãi ông Lê cũng tới bờ. Nơi đây khác hẳn

với không khí ở bên kia, trời sáng, khí hậu ấm áp như ở cõi trần, sinh hoạt ở phía xa đông vui. Nơi đây là một cõi sống khác rồi. Đám người mới sang phải đi theo bọn quỷ. Họ được dẫn vào một dinh thự lớn. Ông Lê ở trong đám đó, đây là nơi công đường, chắc là của vị quan sở tại. Mọi người được gọi tên, trình diện. Ông Lê đứng nơi cửa coi thì thấy đây là nơi xét xử những người từ trần xuống, mọi tội được gọi tên, ông ngồi giữa hỏi, người tội sau đó được dẫn đi. Tùy theo tội, tùy theo đức mỗi người được đối xử khác nhau. Kẻ thành bọ, kẻ thành trâu, kẻ thành chó, kẻ bị giam xuống ngục... Đến đây thì ông Lê run và ngồi im chờ đợi. Ông nghĩ, chắc đây là Diêm cung và người ngồi xét công tội kia hẳn là Diêm Vương. Hết người này tới người khác, nhưng không thấy tên mình được gọi và ông là người cuối cùng còn ngồi lại nơi cửa trong khi Diêm Vương đã đứng lên. Chợt Diêm Vương thấy còn người thì ngạc nhiên hỏi:

– Tên nào kia?

Ông Lê đứng dậy lễ độ thưa:

22 | Dương Nghiễm Mậu

– Dạ, tôi là Lê Quý Đôn.

Diêm Vương ngồi xuống mở sổ ra tìm kiếm rồi nhăn mặt hỏi:

– Không có tên trong sổ sao xuống đây?

– Dạ không rõ.

Diêm Vương ngần ngừ một lúc, chùng như phân vân không biết phải làm sao, Diêm Vương lẩm bẩm:

– Chắc là lộn rồi, bọn nó làm ăn không đàng hoàng gì. Thôi cho lên làm người.

Diêm Vương phất tay áo như ra lệnh, một tên lính tới dẫn ông Lê đi. Tên lính dẫn ông đi theo một con đường quanh co khúc khuỷu, hai bên những bức tường cao vút nhưng ông nghe thấy tiếng kêu than. Chắc ở trong đó là nhà ngục. Ông Lê được dẫn tới một gian phòng, nơi đây không có ai. Tên lính hỏi một người ngồi ở đó:

– Tên này được lên làm người. Có ai sắp sinh không?

Người ngồi đó mở sổ ra tìm và nói:

– Có, vợ tên đồ tể sắp sinh mà chưa ai đầu thai. Thôi cho lên cho sớm.

Nói xong người đó đứng lên cầm tay ông Lê dẫn đi vào phía trong mở một cánh cửa nhỏ, đẩy ông Lê vào và đóng lại. Chưa kịp lấy lại bình tĩnh ông Lê thấy như mình bị hút đi, mở mắt ra thì thấy mình đang nằm trên một cái chõng, chẳng có quần áo gì. Ông biết là đã đầu thai trở lại làm người.

Ông Lê nghe thấy tiếng hỏi:

– Con trai hả?

Người đàn bà đang lo tắm cho ông nói, vẻ vui mừng:

– Con trai.

Sau khi được tắm rửa sạch sẽ, quần vải đặt lên, ông Lê thấy mình vẫn như ngày nào, ông nhìn người đàn bà mỉm cười. Rồi không nhin được, ông đứng lên bước đi và nói:

24 | Dương Nghiễm Mậu

– Tôi là Lê Quý Đôn đây mà...

Vừa lúc đó người đồ tể mở cửa bước vào nhìn thấy Lê Quý Đôn đang đứng, miệng cười tay vẫy, hân ta kinh hãi hỏi:

– Nó là con tôi sao?

Ông Lê nói:

– Không, tôi là Lê Quý Đôn chỉ mượn xác đầu thai thôi...

Người mẹ, người đàn bà, tất cả mọi người bỏ chạy và kêu la thất thanh. Người đồ tể lấy con dao giết lợn bước đến vừa nói vừa hạ dao:

– Quái thai rồi, quái thai rồi, nó hại tôi, phải trừ đi.

Thế là chỉ trong mấy phút, Lê Quý Đôn lại phải trở lại bờ Mê Hà.

Trở lại Mê Hà lần này thì ông Lê đã thuộc cả. Ông thấy tiếc về những điều ông không được biết nơi đời sống cõi âm. Ông nghĩ lần này sang ông phải nhân cơ hội mà đi cho hết xem ở dưới

địa ngục ra sao, ma quỷ sống ra sao, có giống với đời sống của người ta ở trên cõi trần không.

Tới nơi bến Mê Hà lần này ông không cần vội, ông nhẫn nha chờ cơ hội lẻn sang bên kia. Khung cảnh vẫn như lần trước nhưng lần này có một chuyện lạ, một người đàn ông khóc thảm thiết sau khi húp một bát cháo lú rồi vẫn khóc than, không cười đùa nhảy múa. Tên quý gác cầu túm ngay lại:

– Cái thằng này phải cho nó húp hai bát mới quên được, bị phụ tình mà.

Thêm một bát cháo nữa quả người kia đổi khác, không còn than khóc như trước. Bỗng tiếng la lối vang lên, đám người nhốn nháo, có hai người đánh nhau. Ông Lê nhanh chân vượt lên cầu, rồi đứng lại coi chuyện gì. Trong đám đông có hai người đang đánh nhau chí mạng. Hai tên quý phải tới kéo ra, dẫn tới chỗ nôi cháo. Một tên cần nhân:

– Hai thằng này nó vừa giết nhau ở trên, xuống đây còn muốn giết nhau nữa.

26 | Dương Nghiễm Mậu

Hai người kia vẫn nhìn nhau găm gù, nhưng sau khi ăn cháo, bước lên cầu thì cả hai mặt mày tươi tỉnh, dắt tay nhau mà nhẩy chân sáo. Ông Lê nghĩ thầm: cái cháo này mà nó ở trên trần cho người ta húp mỗi người một muỗng thôi thì tốt biết mấy, chẳng còn thù hằn, chẳng còn chiến tranh nữa...

Qua cầu lần này ông Lê không còn lo sợ, ông đi nhanh và tới bờ. Không bước vào Diêm cung vội, ông tìm cách lén đi coi, nhưng tứ phía chỉ thấy những bức thành cao chẳng làm sao mà vào đâu được. Nơi mỗi cửa thì quỷ dữ đứng gác ông không dám đến gần. Ông thơ thẩn như thế mãi chợt thấy có đám quan quân đi tới, ông nép vào một bên nhưng không kịp. Đám quan quân dừng lại. Ông Lê thấy Diêm Vương ngồi trên kiệu nhìn xuống nói:

– Sao tên kia còn ở đây, tao cho lên làm người rồi mà?

Ông Lê bước lại khoanh tay thưa:

– Tôi vừa lên tới nơi thì bị đâm chết vì tôi đầu thai vào nhà một tên đồ tể.

– Tự nhiên nó giết chết sao?...

– Dạ, tôi vừa đứng lên cười và nói tôi là Lê Quý Đôn thì tên đồ tể xách dao giết heo tới đâm chết, hẳn tưởng là quái thai.

Diêm Vương giận dữ:

– Cái thằng này, vừa đẻ ra đã đứng dậy, đã nói, giết là phải, chỉ làm phiền, cho lên làm rắn...

Diêm Vương phát tay áo. Ông Lê bị lôi đi và lần này ông được dẫn tới một chỗ khác. Tên quỷ nhìn ông Lê khó chịu, bực tức:

– Làm người không muốn lại muốn làm rắn. Đáng kiếp...

Chưa kịp trả lời ông Lê đã được vút xuống một giếng sâu, mặt mũi tối tăm lại. Lúc mở mắt ra thì thấy mình đã thành một con rắn nằm nơi một bụi tre. Nằm im, nhìn lên những ngọn tre cao vút, ông nhớ tới lũ trẻ làng. Ông nghe văng vẳng tiếng sáo thổi đâu đây, ông bò tới phía tiếng sáo véo von. Chỉ bò một quãng ngắn ông đã thấy đám mục đồng đang ngồi nơi bờ ruộng, chúng

đang thổi sáo cho nhau nghe. Ông bò lại gần hơn. Chợt một đứa nhìn ra con rắn, hấn kêu lớn:

– Rắn, rắn bọn mày ơi...

– Rắn độc, rắn độc, chạy đi...

Ông Lê muốn nói ông không phải rắn độc, nhưng là rắn, ông không thể nói được. Ông nằm im, vươn cổ lắc đầu như ra hiệu cho bọn mục đồng. Nhưng vô ích, bỏ chạy, một đứa đứng im, nhanh tay cầm cái roi đánh trâu đập xuống và con rắn chết. Ông Lê được giải thoát khỏi kiếp rắn và ông lại trở về Mê Hà.

Làm người không xong, làm rắn cũng đoán mệnh, ông Lê thấy mình quả cũng đã làm phiền Diêm Vương quá. Nhưng ông vẫn thấy là không nên húp cháo lú và ông lại tìm cách lén qua, cái thẻ tùy thân vẫn mang theo, tránh để không có tên trong sổ tử, không húp cháo, nhờ thông minh, lanh lợi ông vẫn qua được cửa ải dễ dàng. Lần này ông Lê vào thẳng Diêm cung, ông thực có ý muốn chịu lỗi, nhưng vừa thấy mặt ông, Diêm Vương đã tức giận:

– Lại cái thằng kia...

Ông Lê định phân bày, nhưng Diêm Vương như chưa nguôi và thấy mình bị làm phiền quá, Diêm Vương phát tay áo phán:

– Nó không muốn làm người, không muốn làm rắn, cho nó lên làm kiếp trâu cày cho người ta hành hạ, đánh đập.

Không kịp nói một tiếng, ông bị lôi đi và khi tỉnh lại thì thấy mình là một con trâu đen đũi, nặng nề. Làm kiếp trâu cày, ông đành vậ và tuân theo mọi điều, ăn cỏ, đi cày, nằm trong chuồng hôi thối đầy ruồi muỗi... Kiếp trâu khổ nhưng ông không phải trở lại Diêm cung ngay. Ông muốn là trâu mà nhìn đời sống của người. Làm trâu kéo cày cho một nhà giàu, có bát ăn bát để, cũng chính vì thế mà mệt nhọc hơn. Một ngày kia nhà giàu này đón một thầy về dạy học cho con, phòng học ở bên ngay cạnh chuồng trâu. Một đêm nằm bên chuồng nghe thầy đồ giảng sách, Lê Quý Đôn bỗng tỉnh ra, ông thấy thầy đồ dốt quá, giảng sai hết cả nghĩa sách. Không nhịn được, ông lồng lên phá chuồng vì không thể nói

30 | Dương Nghiễm Mậu

được thành tiếng. Với hai sừng dài ông húc liên hồi vào tường, rống lên...

Người chủ cho là trâu điên sợ húc chết người nên kêu tá điền mang búa tới đập chết. Thoát khỏi kiếp trâu.

Ông Lê thở dài: làm trâu cũng không xong e phen này phải làm chó không chừng, hay phải vào địa ngục mà chịu gia hình, những bàn chông, những cột lửa, những móc mắt, cắt lưỡi, mổ bụng. Hay là mình húp một bát cháo, đổi một giấy thông hành khác cho xong? Nghĩ đi nghĩ lại ông vẫn tiếc cái trí nhớ của mình.

Qua bến Mê trở lại Diêm cung, lần này ông Lê thấy mệt nhọc quá rồi. Ông tự hỏi mình sẽ phải qua những kiếp gì nữa. Quả là ông ngại thái độ của Diêm Vương, cho nên khi bước vào ông thấy mất bình tĩnh. Ngồi lạ cho tới người chột, như lần đầu Diêm Vương ngạc nhiên:

– Lại cái anh này, chưa tới số mà sao đã trở lại.

Chưa tới số. Như thế là mình đã chống số sao. Ông Lê trầm nghĩ. Diêm Vương nói:

– Anh đang làm kiếp trâu mà?

– Dạ, nhưng tại tên thầy đồ...

– Trâu thì liên hệ gì tới thầy đồ, người ta đã bảo dốt như trâu.

– Dạ, tên thầy đồ dốt quá, giảng sai cả nghĩa sách mà tôi không biết làm sao để sửa cho hẳn được...

– Thế sao lại chết?

– Dạ, không nói được nên tôi húc, tôi rống và tá điền vác búa đập vào đầu.

– Đã làm trâu mà còn nghe giảng sách. Dốt thì kệ người ta có xong không?

– Dạ làm sao mà im được khi nghe những điều sai quấy.

Diêm Vương như đã nguôi giận, ngồi ngả người ra sau vẻ thoải mái:

32 | Dương Nghiễm Mậu

– Vậy nhà người có muốn lên làm người không?

– Dạ, ngài dạy sao nghe vậy...

– Không, phải trả lời cho rõ: có muốn làm người nữa không?

– Dạ, tôi muốn được làm người nữa.

Diêm Vương cười ha hả:

– Vẫn còn muốn làm người. kể cũng giỏi, vậy ta cho lên làm người nhưng thế này...

Diêm Vương ngần ngừ, giọng trầm xuống:

– Anh phải biết đó, làm người, làm rắn, làm trâu, làm chó gì thì cũng có cái phận của nó, có như thế mới sống được. Làm trâu phải ăn cỏ, đi cày, làm chó phải ăn phân... nếu không người ta sẽ đập cho chết. Làm người cũng vậy, đẻ ra dù có biết mười mươi đi nữa thì cũng cứ phải nằm ngửa mà khóc, rồi phải bú, phải... phải sống như mọi người. Phải chấp nhận cái đó như mọi đứa trẻ khác, làm khác là quái thai. Hiểu chưa?

Lê Quý Đôn nghe thấm thía vô cùng. Ông gật đầu nói xin vâng.

Diêm Vương đứng lên ân cần:

– Nhớ chưa, lên làm người thì anh phải sống như người ta, đừng để cho người ta lại đập chết mà xuống đây làm phiền tôi. Tôi không có nhiều thì giờ gì. Anh nhớ chưa? Sống như mọi người.

Nói xong Diêm Vương bỏ đi. Ông Lê được dẫn đi đầu thai. Ông nhớ lời dặn: sống như mọi người.

Anh bạn, câu chuyện ông Lê Quý Đôn mà tôi muốn kể cho anh nghe là như thế. Tôi cũng không có điều gì để nói thêm với anh. Câu chuyện như thế tưởng đã đủ. Trời như đã chạng vạng. Có lẽ sắp sáng rồi. Tôi đang đợi, đợi một bình minh đến với mình. Tôi cố để tin như thế.

SAN HẬU

*Nguyễn Huệ là một bậc anh hùng
cái thế trong lịch sử. Đó không phải
là điều để bàn luận...*

Bầu trời Thăng Long không một vệt khói, không một tiếng súng, không một tiếng trống trận, tất cả lặng lẽ. Nhưng người dân kinh thành thì nhộn nhạo như sóng cồn, từng lớp người hỗn loạn đổ xô túa ra các cửa thành, kẻ tay bông tay bế, kẻ tay xách nách mang, kẻ dắt díu trẻ nhỏ, người già hốt hoảng, lo âu lộ trên nét mặt thất thần. Mặt đất, bầu trời như đang rùng rùng tiếng cười của lửa, tiếng hăng giọng của gươm đao...

Tin quân Tây Sơn dưới quyền của Vũ Văn Nhậm tiến chiếm Nghệ An như một tiếng sét

36 | Dương Nghiễm Mậu

ngang trời. Người ta không thể quên được cuộc tiến quân thần tốc ngày nào của Nguyễn Huệ ra Bắc diệt nhà Trịnh. Nhưng lần này chắc không chỉ có thế trong khi Nguyễn Hữu Chỉnh đang nắm quyền bính ở đất Bắc. Nhiều năm sống trong máu lửa can qua, người dân như con vật bị thương tích nhiều lần nên cứ thấy một dấu hiệu nhỏ của biến động là phóng chạy cho dù chạy nhiều khi cũng đâu thoát chết, tên bay, đạn lạc...

Trước cơn náo loạn của dân, Hữu Chỉnh cho lính ngăn dân lại, nhưng không nổi. Trong hoảng hốt người lại nhớ tới những điềm gở từng được loan truyền: núi vua Hùng tự nhiên sụt sâu hơn hai mươi thước, sông Thiên Đức cạn hẳn một ngày một đêm làm vô số những con cá chép to bằng cái quạt nan nằm phơi mình cho người ta tới bắt. Đến năm Giáp Dần, giữa đêm mồng một tháng sáu hồ Thủy binh thành linh có tiếng gầm dưới đáy, nước hồ sôi lên sùng sục, sáng mai mặt hồ đầy xác cá tôm. Cũng năm ấy những ngọn cây trong phủ chúa có mấy trăm con quạ ở đâu kéo tới bay lượn kêu gào suốt mấy ngày đêm, quân sỹ mang súng thần công ra bắn chúng cũng khô-

ng đi mà còn kéo tới nhiều hơn trước. Sự náo động của kinh thành lan vào cung cấm, có đình thần tâu với vua Lê, Chiêu Thống cho triệu Hữu Chỉnh vào chầu.

Từ hôm nhận được thư của Vũ Văn Nhậm, Hữu Chỉnh rất lo nhưng cũng còn đoán già đoán non về nội tình Đảng Trong, vì thế cố gắng bình tĩnh. Trước mặt vua, Hữu Chỉnh tâu:

– Quân Tây Sơn kéo ra đánh chiếm Nghệ An là có thực, nhưng theo hạ thần đó chỉ là trò huê dạng nhằm che dấu cuộc xung đột sống chết giữa anh em nhà Tây Sơn với nhau. Có lẽ Huệ nhằm đưa Nhậm ra xa Phú Xuân vì sợ Nhậm là con rể của Nhạc. Chúa Thượng hãy nhớ lúc Huệ ra Thăng Long lần trước, Nhạc chỉ mang theo một rúm binh sĩ ngày đêm ra Bắc, thần ở dưới trướng Huệ biết rõ hơn ai hết những kinh chống âm thầm giữa anh em họ với nhau. Nhạc ra Bắc trước là kèm chân chú em muốn bành trướng thế lực, thanh danh, sợ Huệ lấn át mình. Sau nữa là nhòm ngó những chiến lợi phẩm đã tom góp được. Khi về Nam, Nhạc trở vào Quy Nhơn còn

38 | Dương Nghiễm Mậu

Huệ thì ở lại Phú Xuân mà không nói với anh một tiếng nào về những vàng bạc, châu báu, vũ khí, ngựa xe lấy được ở đất Bắc. Huệ chỉnh đốn quân mã, cho quân nghỉ ngơi, phần mình vui hưởng hạnh phúc với Ngọc Hân, tận hưởng cuộc sống ở chốn kinh đô cũ của các chúa Nguyễn. Huệ cho sửa chữa cung điện, thành quách, ban bố hiệu lệnh, tỏ ý chí hùng cứ một phương. Nhạc cho người ra vờ, Huệ không vào châu vua anh. Nhạc căm giận, vì thế anh em gây cuộc binh đao. Anh em ruột thịt mà thù nhau hơn giặc. Vậy thử hỏi, họ còn sức đâu mà đem quân ra Bắc. Hơn nữa, Huệ còn là con rể nhà Lê, có khi còn muốn hòa hiếu làm chỗ dựa cho cuộc tranh hùng... Truyện Nghệ An vì thế với thần là điều nhỏ.

Ngự sử Nguyễn Đình Giản nói:

– Việc quốc gia không thể suy diễn và cả tin. Hơn nữa Nguyễn Huệ là một tay đảm lược, anh hùng...

– Há tôi lại không biết điều ấy, nhưng Bắc Hà ta đâu không có anh hùng. Vũ Văn Nhậm mang quân ra Nghệ An ta coi như cho tới ở trọ. Trước

đây, Chiêm Vũ, Thuận Vũ đã chẳng có lúc giữ Nghệ An và bảy huyện Nam Hà đó sao?

Vua xua tay:

– Ở đây là vấn đề lòng dân, lòng dân không yên thì việc nước phỏng có bình thường được không?

Chỉnh cúi đầu nghe lệnh và thưa:

– Thần há không hết lòng hết sức, đó là chức phận bề tôi, xin chúa thượng yên lòng.

Sau khi bàn thảo với quần thần, Hữu Chỉnh tâu vua:

– Trước tình hình, thần xin bệ hạ cử sứ thần vào Phú Xuân trước hết là về đất Nghệ An, sau là xem xét tình hình, thăm dò ý tứ của Tây Sơn, nhắc nhở Huệ về mối gắn bó với bản triều để làm yên lòng dân.

Vua Chiêu Thống ưng thuận, quần thần bàn thảo, Trương Đăng Quý đề bạt Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư đi Nam, nhưng Phạm Lê

40 | Dương Nghiễm Mậu

Phiên bản ra cho là không đủ sức, bản mãi không tìm được người, lại nữa có đình thần ngại chuyện vượt ải ra đi, thâm tâm chỉ muốn yên thân, an hưởng bổng lộc... tất cả lộ ra một triều chính bạc nhược, thụ động không còn khả năng ứng phó với quốc nạn. Sau mấy phiên châu bàn ra, tán vào chẳng đi tới đâu, Hữu Chính phải quyết: xin cử Trần Công Sán.

Nhà vua đồng ý nói:

– Được đấy.

Hôm sau thiết triều, vua cho vời Công Sán vào châu và bảo:

– Nay nước nhà gặp nạn, trăm biết người là kẻ hết lòng vì nước đủ để tin cậy. Ngày xưa Phú Bật sang xứ Khiết Đan làm cho nước giặc phải kính, lại được công việc. Chuyển đi này của người cũng giống như thế: mang mệnh lệnh đi thu lại đất Nghệ An mà tiên đế đã để lại, cùng đi với người có hoàng thân Duy Án, còn kẻ phụ hành thì để người tự chọn.

Công Sán đồng dạc nói:

– Chúa phải lo thì tôi phải phục. Hoàng thượng đã cho phép chọn người phụ hành thì xin tiến cử Ngô Nho.

Duy Án là con thứ sáu của Ý Tôn, chú họ của Chiêu Thống. Ngọc Hân khi chưa lấy Quang Trung vẫn thờ Duy Án là người bậc trên. Công việc nên chăng Công chúa vẫn hỏi Án. Khi Công chúa lấy Bắc Bình Vương rồi, sau một lần hội kiến, Quang Trung khen Duy Án là người nói năng lui tới là kẻ đường hoàng. Chiêu Thống sai Duy Án đi cũng vì thế, nhân tiện thăm hỏi Ngọc Hân.

Trần Công Sán người làng Yên Mỹ, huyện Đông Yên, đậu tiến sỹ năm Nhâm Thìn đời Cảnh Hưng. Khi Trịnh Tông làm chúa, Sán đang ở chức Công bộ tả thị lang, thăng Hành Tham tụng. Trong nạn Bính Ngọ, khi quân Trịnh tan vỡ trước sức tiến ào ạt của quân Tây Sơn, văn võ bá quan trong triều đều bỏ chạy cùng với cánh quân cuối cùng của quận Thạc. Trần Công Sán ở lại bên chúa, khuyên chúa ra nghênh chiến một sống một chết. Sán mang nhung phục, đeo gươm

42 | Dương Nghiễm Mậu

đứng hộ vệ Tông ở lầu Ngũ Phụng đối địch với quân Tây Sơn.

Quân Trịnh tan vỡ, chúa Trịnh Tông bị giết, Nguyễn Huệ làm sáng nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Trần Công Sán ẩn mình nơi quê nhà cho tới lúc vua triệu vào kinh. Thấy Nguyễn Huệ thanh khí anh nghị ai cũng có vẻ sợ, e dè, riêng Sán vẫn giữ phong thái của một đại thần nơi triều đình,

Nguyễn Huệ thấy Sán là người tự trọng, có tư cách, nên cho mời vào hỏi việc. Sau buổi tiếp kiến Huệ nói với Tả quân Nhậm:

– Ta trước vẫn nghe nói Bắc hà có nhiều kẻ sỹ tài giỏi có tư cách, nay tới tận nơi thì chỉ mới gặp được một người là Trần Công Sán.

Hữu Chỉnh thì coi Sán như là thầy. Ngô Nho người làng Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên. Năm Ất Tỵ, Sán lĩnh chức Chi Cống Cử đã lấy Ngô Nho đệ tiến sỹ trong kỳ thi năm đó, vì vậy Nho vẫn coi Sán như thầy và thường lui tới cửa nhà Sán. Tính Nho khảng khái, có nhiều tiết lớn, không ham danh lợi, chẳng màng luồn cúi vì lợi lộc, dù

có tài chỉ làm một viên chức nhỏ để phụng dưỡng mẹ già. Bởi thanh khí nên Sán rất trọng Nho và muốn Nho làm bạn đồng hành trong chuyến đi Phú Xuân. Khi nghe tin Nho vội vào hầu Sán. Sán nói với Nho:

– Việc nước khó khăn, nhân tình chao đảo về việc quân Nam tiến ra. Nay có lệnh ra đi không biết có trở về không. Tôi là đại thần ăn lộc nhà Lê đã dày, vua đã cậy đến, nghĩa phải như thế, sống chết không tính đến. Ông mới ra làm quan, ngôi chức còn thấp, lại có mẹ già phải phụng dưỡng. Trung hiếu không thể được cả đôi đường, ông hãy nghĩ kỹ.

Ngô Nho đứng lên vái Sán một cái, thưa:

– Tướng công chịu ơn dày của nhà Lê, tôi thì chịu ơn tri ngộ của tướng công. Đại thần vì nước mà gánh vác trách nhiệm, kẻ sĩ vì người tri kỷ mà chết đều là nghĩa nên như thế.

Sán nhìn Ngô Nho, khuôn mặt chữ điền, đôi mày ngang đậm, nét mũi thẳng thanh tú trên khuôn mặt chan hòa ánh sáng tinh anh, thứ ánh

44 | Dương Nghiễm Mậu

sáng chỉ có nơi những kẻ có học đã đạt. Sán yên tâm với người bạn đồng hành nhỏ tuổi của mình.

Nửa đêm trước ngày lên đường, Ngô Nho đang ngồi bên ngọn bạch lạp nơi thư phòng thì nghe tiếng động ngoài cổng nhà. Nhìn ra, Nho giật mình thấy Cao Thạch đang bước vào sân nhà. Nho kêu thành tiếng mừng rỡ chạy ra, Thạch nói:

– Mai anh lên đường theo sứ bộ vào Phú Xuân?

– Phải, công việc gấp quá...

– Tôi đến để can anh không nên đi.

Hai người cùng bước vào nhà. Nho nhìn người bạn học cũ nay đã già và gầy đi nhiều, mái tóc đã điểm những sợi bạc làm gương mặt thêm khắc khổ với những nét cương trực mạnh mẽ như nét khắc trên mặt đá. Từ khi Nho đậu tiến sỹ, nhận chức tại triều thì hai người không còn có dịp gặp nhau. Cao Thạch vuốt lại mái tóc, sửa lại áo trước khi ngồi xuống đối diện với bạn:

– Tôi vừa được tin, không kịp sửa soạn đi

thẳng từ Đường Lâm tới kinh chỉ lo anh đã lên đường thì ân hận...

Ngô Nho với tay lấy be rượu, rót đầy hai chung đưa lại phía bạn:

– Uống mừng được gặp lại nhau.

Thạch hai tay đỡ lấy:

– Tại sao anh lại quyết định đi Phú Xuân?

Ngô Nho yên lặng và nhớ lại lúc lều chõng lên đường nhập trường thi, Cao Thạch ở lại lấy cớ với thầy học: mẹ đang yếu không thể rời nhà được. Dù vậy Nho hiểu rằng Cao Thạch không chọn con đường khoa cử tiến thân. Trong những lần đàm đạo, Thạch đã để cho Nho hiểu rằng: thời loạn lạc, nhà Lê tàn tạ, nhà chúa suy đồi thì có lẽ con đường của kẻ sĩ không phải là con đường làm quan, phải có một con đường nào khác. Sau đó nghe tin Cao Thạch trở về Đường Lâm trấn Sơn Tây mở trường dạy học, sống cuộc đời của một thầy đồ thanh bạch nơi thôn dã. Ngô Nho nhìn bạn nói:

46 | Dương Nghiễm Mậu

– Việc đi Phú Xuân là do Trần Công Sán tiến cử, tôi đi vì ơn tri ngộ của một người đã biết tới mình.

Nhắc chung rượu uống cạn, Cao Thạch với giọng điềm đạm:

– Xin anh cho tôi nói đôi điều để sau này khỏi ân hận là tại sao không nói những suy nghĩ của mình với người mình kính trọng và quý mến. Tôi thấy trong thời nhiễu loạn như thế này thì nên trở về nhà để tránh bi lụy vì triều chính, khỏi mất mạng một cách vô ích.

Các triều đại suy tàn bao giờ cũng do những yếu tố tự thân. Đâu phải tự nhiên mà Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung có thể làm cuộc thoán đoạt? Tại đâu mà nhà Lê từ thời trung hưng chỉ còn hư vị cho chúa Trịnh lộng hành? Vì đâu mà Nguyễn Huệ có thể dễ dàng diệt nhà Trịnh? Hay anh nhìn vào triều đình nhà Lê xem vì đâu mà Hữu Chính có thể lộng hành như thế? Tại sao người ta cứ lấy công ơn của Lê Lợi với dân ta để làm lý do phải trung thành với một nhà Lê đã suy đồi, bệ rạc, không còn giúp được dân an cư, lạc nghiệp?

Công ơn Lê Lợi khởi binh đánh giặc ngoại xâm, cứu dân không liên hệ gì với những vua Lê nhu nhược, bất nhân đưa đất nước tới tan rã. Biết đại cuộc như thế tại sao mình lại dấn thân vào? Nếu là kẻ thức thời thì nay người ta nên theo Tây Sơn, nước Nam ta nay chẳng ai còn địch được với Nguyễn Huệ nữa. Trần Công Sán là một danh sĩ Bắc Hà, được tiếng cương trực, thanh liêm mà lại không rõ đại cuộc? Sao lại quan niệm chữ trung một cách hẹp hòi như thế?

Cao Thạch ngừng lời với tay lấy be rượu giót cho mình một chung đầy. Ánh sáng ngọn bạch lập chập chờn trên da mặt căng thẳng của Ngô Nho. Âm thanh tiếng nói của Cao Thạch như đầy ắp trong thư phòng giữa đêm thanh vắng. Cao Thạch giọng trầm buồn:

– Thưa anh, có phải tôi đã quá lời không?

Ngô Nho giót thêm rượu cho bạn, giọng xúc động:

– Không. Lịch sử là như thế. Nhưng mỗi người ở những cương vị khác nhau nên hành xử khác nhau...

48 | Dương Nghiễm Mậu

Ngô Nho uống cạn chung rượu của mình, lắng xuống và giọng trầm buồn:

– Tôi nhà nghèo, mẹ già gắng nuôi cho con đi học, Trần Công lấy tôi đồ tiến sĩ, tôi vào kinh nhận một chức quan nhỏ và phụng dưỡng mẹ. Nay Trần Công nhận lệnh của Vua gọi tôi phụ hành, thực không thể làm khác. Thêm nữa, như anh biết: quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách. Không lẽ mình lại ngồi bó tay?

Cao Thạch sửa người ngồi thẳng:

– Tôi xin lấy lịch sử Đại Việt gần đây mà suy nghĩ về kẻ sĩ, từ: Đinh, Lê, Lý, Trần. Lê, tất cả những người dựng nghiệp nên những nhà ấy đều không phải xuất thân từ kẻ sĩ. Đinh Bộ Lĩnh là một nông dân phát cao ngọn cờ lau mà dựng nghiệp hiển hách. Lê Hoàn là nhà tướng chuyên nghiệp trong thời loạn sứ quân biết lợi dụng thời cơ mà dựng được nhà Tiền Lê ngăn ngui. Lý Công Uẩn từ cửa chùa mà bước vào triều chính. Trần Cảnh không phải nhờ ngọn bút làm siêu lòng Chiêu Hoàng mà lập ra nhà Trần. Lê Lợi dấy lên từ một người làm ruộng áo vải, và bây giờ anh em nhà

Tây Sơn hẳn nhiên không bao giờ quên mình là những người cầm cuốc trước khi cầm quân. Tất cả những người ấy đã dựng lên nghiệp lớn, để lại tên tuổi trong sử sách. Từ sự thực lịch sử này cho ta thấy: kẻ cầm quyền, dựng nghiệp không cần nhiều chữ. Nhưng hẳn nhiên Lý Công Uẩn cần phải có Vạn Hạnh, Lê Lợi phải có Nguyễn Trãi... Tất cả các triều đại được hưng thịnh, bền vững cần phải có những sĩ phu đảm lược, uyên bác. Vì ít chữ, kẻ cầm quyền thường hành động dứt khoát, dễ làm ác. Để nắm được quyền, giữ được quyền, người ta phải dùng tới bạo lực: chém tướng giữa trận, đặt vạc dầu, nuôi cọp giữa sân triều, hãm hại quần thần có danh và tài. Kẻ sĩ không chỉ nhìn xuống đất, họ ngẩng cao cổ nhìn trời, vì thế trước kẻ có tội cũng phân vân không đành xuống kiếm. Lấy chí nhân thay cường bạo là chữ của kẻ sĩ đất Chí Linh chứ không phải là lời của người áo vải đất Lam Sơn. Kẻ bạo quyền mà nói đến chí nhân thay cường bạo thì đích thị là quân gian trá. Mỗi triều đại chỉ có một thời của nó. Kẻ sĩ thì không. Ánh sáng của lương tâm và trí tuệ kẻ sĩ vượt qua không gian và thời gian

50 | Dương Nghiễm Mậu

đến và ở lại với nhân quần. Chu Văn An dâng thất trăm sớ vua nào có nghe, nhưng tiếng vang của nó nuôi dưỡng dân trí suốt mấy ngàn năm về đức sáng và lương tâm của người có học. Sĩ phu có hữu trách đánh giặc giữ nước, trong thời bình thì làm cái học chan hòa bốn cõi. Phải buổi vô đạo ngự trị nếu có hùng tâm thì đứng thẳng nói lớn. Không xu phụng tùy thời, không luôn cúi vạ lợi. Gặp phải buổi hôn quân bất chính, bất tài, bạo ngược thì không xuẩn động mà lùi về với dân, thấp ngọn đèn nhỏ nơi thôn ổ mà dạy người, gìn giữ nếp nhà, khơi dòng lý tưởng... Sĩ phu với cái trí của mình không bao giờ để cho kẻ cầm quyền dùng làm tay chân sai bảo trong mưu đồ, vô tình làm bầy hạc gỗ nơi cung đình vì miếng đỉnh chung. Còn bao nhiêu điều khác nữa chẳng cần nói ra anh cũng hiểu...

Ngô Nho đứng lên vái cao Thạch:

– Tôi ghi tâm khắc cốt những lời của anh. Nhưng dù sao sáng mai tôi cũng phải lên đường. Một lời đã hứa không thể khác. Tôi sẽ suy nghĩ xem mình có thể làm được gì... Thời nhiều

nhường, nhân tâm ly tán thực là nhọc lòng cho những ai còn biết nghĩ.

Trời sáng chưa nhìn rõ mặt người, Cao Thạch vào trong nhà vấn an Ngô Mậu rồi chia tay bạn để trở về Đường Lâm. Dừng dằng đứng nơi cửa nhà, Cao Thạch nói với Nho:

– Đường xa nhiều gian nguy mong anh giữ được mình. Bốn phương loạn lạc, trời đất u ám liệu chúng ta có còn được uống với nhau một chung rượu?

Ngô Nho giữ chặt lấy tay bạn như không muốn rời.

Buổi sáng, phái bộ đi Phú Xuân của Trần Công Sán lên đường, vua Chiêu Thống sai mở kho lấy vàng bạc châu báu gấm vóc giao cho sứ bộ làm quà biếu tặng. Lúc khởi hành các quan trong triều tiễn ra mãi tới ngoài cổng thành mới quay lại. Riêng Hữu Chính thì đi mãi với phái bộ tới chùa Thịnh Liệt và ngủ đêm tại đó với Sán.

Dù chưa rời khỏi đất Bắc nhưng lòng Sán đã ngổn ngang trăm mối và hoài nghi về kết

52 | Dương Nghiễm Mậu

quả chuyển đi, vì thế Sán đã căn dặn Chinh phải chuẩn bị quân cơ, thế trận phòng một cuộc tiến binh bất ngờ của Tây Sơn. Nghe giọng Chinh có phần huênh hoang làm cho Sán càng thêm lo nhưng cũng không biết làm sao.

Khi phái bộ vào đến đầu huyện Quỳnh Lưu thuộc trấn Nghệ An thì có viên tướng của Vũ Văn Nhậm ra đón mời đoàn vào trong đồn binh. Sau khi kiểm soát đồ đạc viên tướng chỉ để cho ba sứ thần và 18 người phu được đi còn lại bị đuổi về. Khi vào tới dinh trấn Nghệ An, Vũ Văn Nhậm ra tiếp đón, sai mở tiệc khoản đãi. Ngồi giữa đại sảnh oai nghi, đối mặt với đoàn sứ thần, Vũ Văn Nhậm nói với Trần Công Sán:

– Tôi đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long trước hết chém đầu giặc Chinh sau là hỏi Chiêu Thống: tại sao vua lại dong dứa phản trắc. Ý ngài nghĩ sao? Tại sao ngài lại uống công trèo đèo vượt suối cho một việc làm mà ngài cũng biết là không cần thiết: đất Nghệ An đâu phải là vấn đề của Bắc Hà hiện nay? Tôi e

chim bay lìa tổ đến lúc bay về không còn chỗ đậu
huống hồ là tổ để dung thân.

Công Sản nín lặng vì nghĩ Văn Nhậm chỉ là
thuộc tướng của Tây Sơn. Dù vậy sứ bộ có vẻ e
sợ. Khi về tới nhà nghỉ, Công Sản nói với Ngô
Nho:

– Không phải là Nhậm nói chơi đâu. Ông
Chỉnh đã đánh giá sai nội bộ Đảng Trong. Quân
Tây Sơn chẳng ai có thể địch được.

Giọng Ngô Nho khô khan:

– Đầu ông Chỉnh coi như đã treo trên ngọn
cây rồi.

Công Sản ngạc nhiên nhìn Ngô Nho:

– Sao ông lại nói vậy?

Giọng Ngô Nho bình thản:

– Như thầy đã biết những gì xảy ra từ hồi
chúa Trịnh Tông bị giết tới giờ. Triều đình thì
nhu nhược, tướng cầm quân thì mưu đồ cát cứ,
nhiều người tài đức lui về ở ẩn hoặc bỏ đi vì nhìn

54 | Dương Nghiễm Mậu

lên không thấy một minh quân. Trong khi đó ông Bằng đặc chí, vàng ngọc chắt đai, vẻ mặt tự mãn ngênh ngang đầu còn như hồi nhai rễ rau làm việc nước... Bắc Hà rồi ra khó thoát được cuộc binh đao, Nam Bắc đánh nhau chưa chừng lại rước lấy tai họa từ bên ngoài ập tới. Từ bao ngàn năm nay có khi nào mà giặc dữ phương Bắc không nhìn đau đầu về phương Nam. Tôi nghĩ sự thế quá gấp cũng phải tính đường quyền biến, không thể câu nệ được, có vậy họa may mới cứu vãn được phần nào.

Công Sán lặng im một lúc rồi nhìn vào mắt Nho hỏi:

– Vậy ý ông là thế nào?

Ngô Nho nói ngay:

– Tôi thấy phải sửa lại quốc thư.

Trần Công Sán đứng lên đi đi lại lại vẻ bồn chồn, băn khoăn không biết tính ra sao:

– Ông thấy phải sửa ra sao?

– Tôi thấy trước hết mình hãy bỏ việc đòi đất Nghệ An, sau nữa là giữ giọng ôn tồn, đại ý như: Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê thực không còn nước nay được quý vương tôn phù. Kẻ tự tôn thấy mình còn trẻ nhỏ, cũng đội không nổi, như thế sao gánh vác được việc xã tắc. Dám mong Quý vương hết lòng giúp đỡ. Sao cho đời đời nối ngôi...

Trần Công Sán lắng nghe nét mặt đầy ưu tư, không khí căng thẳng khi Ngô Nho ngừng lời. Lúc sau Ngô Nho mới nói tiếp:

– Đại ý là như vậy nhưng cũng phải lựa lời. Tôi nghĩ nếu quả thực Nguyễn Huệ chỉ cốt lấy Bắc Hà, không muốn hại mình chắc sẽ thôi động binh, hoặc động binh thì cũng không truất bỏ nhà Lê. Nhân đó mà ta tính...

– Như vậy là chúng ta vừa ra khỏi cỏi đã thay vua trao quyền bính cho Nguyễn Huệ sao?

Giọng Ngô Nho chắc chắn mạnh mẽ:

– Thưa thầy, xa thì ngay từ hồi đầu trung hưng đến giờ vua Lê còn có bao nhiêu thực quyền, nhất

56 | Dương Nghiễm Mậu

là vào những đời sau của các chúa Trịnh đã gần như thoán đoạt. Vua Lê ngồi đó thực chỉ là hư vị, danh hảo. Họ Trịnh mỗi lúc một chia rẽ, triều đình thì chia bè kết cánh chém giết nhau. Chính Nguyễn Huệ đã giúp vua Lê dứt được cái ách họ Trịnh, bây giờ ông Bằng thống soái Bắc Hà có khác gì các chúa Trịnh? Như vậy nếu Nguyễn Huệ giữ mình ở cương vị như trước đây thì tại sao lại không giao cho ông ấy?

Lập luận của Ngô Nho không phải là không có lý, nhưng với Công Sản nó không xuôi, tìm cách chống lại ý của Nho thì sao lẫn cần thiếu lời. Ngô Nho nói tiếp:

– Thưa thầy, cứ như sứ mệnh đã nhận, nếu Nguyễn Huệ tức giận mà tiến quân, lần này hẳn nhiên Nguyễn Huệ không nường tay, số phận ông Bằng thì không phải bàn tới nữa, một cuộc đối đầu như thế đương nhiên sẽ tàn khốc, vua Lê chẳng thể lánh ra ngoài cuộc, nhân dân sẽ khổ trăm bề, lăng miếu nhà Lê liệu có còn, vua thì phiêu bạt chưa biết sống chết thế nào, cho dù không chết đi nữa thì liệu còn có mảnh đất dung

thân để tính việc khôi phục? Mà tình thế còn có thể thâm hơn: quân Tàu nhân cơ hội lấy danh nghĩa phù Lê kéo sang thôn tính nước ta thì thử hỏi tai họa còn biết tới chừng nào. Trong tình huống đó ta cũng chẳng toàn mạng mà nào có ích chi? Hơn nữa có phải chính chúng ta cũng có một phần trách nhiệm? Ai cho chúng ta được quyền vô tội trước lịch sử?

Công Sán giọng cứng lạnh:

– Không được. Chúng ta vâng lệnh đi sứ mới ra khỏi bờ cõi mà đã sửa quốc thư như vậy có tội với vua, rồi Tây Sơn nếu biết được sự lừa dối thì họ cũng không dong mình, tai vạ còn lớn hơn, tiếng chê cười phỏng để đâu cho hết? Bất nhược mình cứ minh bạch, việc thành bại thế nào là ở trời đất...

Ngô Nho thở dài, từ đó về sau không nói gì nữa. Vào đến Phú Xuân, lễ vật được bày lên mâm, sứ bộ xin vào yết kiến, Nguyễn Huệ thiết triều, Trần Công Sản trình quốc thư, Nguyễn Huệ đọc nhanh một lượt rồi vứt thư xuống đất mà quát:

58 | Dương Nghiễm Mậu

– Thư này ai làm? Nói toàn chuyện vô nghĩa lý. Người xứ Bắc quen mồm mép dữ người. Ta đâu phải đứa con nít để mà lừa dối.

Trần Công Sán không đổi nét mặt, chấp tay nói với một vẻ ung dung:

– Xin đại vương nguôi giận để cho tôi tỏ bày rồi giết tôi cũng không muộn.

Nguyễn Huệ vốn nể trọng Công Sán nên đổi nét mặt, giọng ôn tồn:

– Năm xưa ta vượt đại hà ra Bắc, lấy Thăng Long, truất nhà Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều bó tay, thử hỏi lúc đó ta xưng vương, xưng đế, phế vua Lê có được không... Nay không ơn ta thì chớ lại còn chứa giặc Chỉnh, cho nó quyền hành mà tranh khôn với ta, đất Nghệ An có phải là điều phải đòi không?

Trần Công Sán ra sức biện giải, giọng hùng hồn tâm huyết, cuối lại, mượn ý của Ngô Nho mà trình bày với hy vọng có thể làm nguôi giận Nguyễn Huệ, khiến Huệ thay đổi ý định, tránh đi cái tan tác của triều đình nhà Lê:

– Tự Tôn và dân chúng đất Bắc chẳng bao giờ quên công phù Lê của đại vương. Nếu đại vương cứ thuận lẽ trời và lòng người mà hành động, gây lại cuộc suy, nổi lại quăng dứt, xếp đặt cho nước Đại Việt đâu vào đó, nhân dân được an cư lạc nghiệp thì tôi dân trong nước ai mà chẳng chịu ơn, ghi sâu công đức...

Trời đã sắp tối mà cuộc tranh cãi vẫn không dứt, Nguyễn Huệ đứng lên:

– Gì đi nữa rồi ta cũng phải hỏi tội cha con giặc Chỉnh, đó là điều ta nói rõ cho nhà người biết...

Dứt lời sai quân đưa sứ bộ về nhà nghỉ. Gọi tướng Ngô Văn Sở đến bảo:

– Hãy giữ nghiêm sứ bộ, nội bất xuất, ngoại bất nhập chờ lệnh của ta.

Về nhà nghỉ, thấy cảnh lính tráng canh phòng nghiêm mật, cả sứ bộ ai cũng hiểu rằng mình đã bị giam, không biết tính thế nào. Hoàng thân Duy Án xin gặp Ngọc Hân cũng không được trả lời.

60 | Dương Nghiễm Mậu

Trần Công Sán lặng lẽ lấy bút viết trên tờ hồng điều nơi thư án:

Đạt đức hữu tam, tưng vị năng chi nguyện học

Tiểu tâm vô nhị, hành ký tố dã hà vi.

Ngô Nho đọc hai câu khẩu khí của thầy: đức thường có ba điều (trí, nhân, dũng), nếu chưa đủ thì xin học, lòng mọn không hai, ấy là làm theo chí mình còn oán hận gì. Trần Công Sán đã chọn con đường cho mình.

Dưới trướng Tây Sơn cánh Ngô Văn Sở xin đem chém sứ bộ, cánh những người từng phục vụ dưới triều Lê thì muốn thu phục, vì vốn biết Sán là người tài đức, cương trực, phần nữa muốn thu phục nhân tâm để sau này khi ra Bắc dễ đường cai trị. Nguyễn Huệ bảo Trần Văn Kỷ và Vũ Văn Trục:

– Đám sĩ phu Bắc Hà đâu được mấy người tài đức, Công Sán lại là người cương trực hiếm có, các người thử xem bụng hắn có lòng giúp ta không?

Thấy Trụ và Kỷ bước vào nhà khách thì Công Sán nói ngay:

– Mấy ông vâng lệnh Bắc Bình Vương tới dụ ta phải không? Thôi đừng nói. Ta chỉ có cái chết.

– Quân tử nhiều khi không cần theo mệnh. Chữ trung cũng có nhiều đường...

Công Sán ung dung ngồi nghe, dáng vẻ bình thản, vả lại Kỷ và Trụ đâu có đủ sức đối đáp cùng Sán. Dù lòng đã quyết nhưng Công Sán vẫn đàm đạo một cách hòa nhã, tương kính, trò chuyện đã lâu hai người biết là không cướp được bụng Sán nên phải cáo lui, lòng đầy cảm phục.

Vừa lúc đó Phú Xuân nhận được thư của Nguyễn Nhạc từ Tây Sơn gửi ra kể tội Huệ và dọa sẽ cất quân ra hỏi tội, nhiều quân lính trước kia là thủ túc của Nhạc nghe tin đã trốn về Nam. Trước nội tình chia rẽ, ngờ vực, Nguyễn Huệ bối rối không yên. Huệ nói với Kỷ:

– Nay nội tình phiền hà, cái xấu trong nhà không thể để cho người ngoài biết. Bắc sứ ở đây tai vách mạch rừng, ai bảo là họ không nhòm

62 | Dương Nghiễm Mậu

ngó ta, thả cho họ về chắc là không lợi, mà mang ra chém thì mất lòng người, bất nhược là ném họ xuống biển cho xong.

Kỷ nghe thì rung động, mặt tái nhợt vì nghĩ Sán là người ít có, trước kia lại cùng thờ nhà Lê, Kỷ muốn can nhưng chưa biết nói sao, lúng túng không ra lời. Huệ hiểu ý vội nói:

– Nói thế thôi chứ lòng nào lại làm vậy.

Kỷ như trút được nỗi kinh hoàng. Nguyễn Huệ cho quân gọi Đô đốc Vũ Văn Nguyệt vào và nói trước mặt Kỷ:

– Sửa soạn thuyền đưa sứ bộ về Bắc. Sớm mai lên đường.

Canh ba đêm đó Nguyễn Huệ kêu Nguyệt vào bên giường ngủ, chỉ có hai người, Huệ bảo:

– Hãy ném họ xuống biển cho mất tích rồi bảo thuyền đắm vì bão. Hãy cứ thế mà làm.

Sớm mai sứ bộ Bắc Hà vào cung bái biệt. Nguyễn Huệ tươi cười nói trước mặt Công Sản:

– Các ông cứ về trước, việc đầu còn đó, đợi khi ta ra ngoài đó gặp nhau bàn chuyện Nghệ An cũng chưa muộn.

Ngoài những quà tặng, Huệ sai đem một trăm lạng bạc đưa cho bọn Sán và bảo:

– Đây là quà riêng của Công chúa gửi tặng, các ông đừng chối.

Cả bọn vái chào rồi rời phủ. Đò đốc Nguyệt còn đứng bên, Huệ ghé vào tai nói nhỏ đủ cho Nguyệt nghe:

– Ném người chứ đừng ném bạc, phải nhớ: đổ cả xương máu ra mới có được tí chút không phải dễ mà vứt đi.

Nói xong cười lớn, vẻ mặt rạng rỡ chẳng ai nghĩ có điều gì khuất lấp. Công Sán cùng đoàn xuống thuyền chẳng ai nói với ai điều gì. Riêng lòng họ như thấy nhẹ đi vì nghĩ tới lúc đặt chân trở lại quê nhà.

Sau mười ngày trời thuyền đã tới cửa biển Đan Nhai, Nguyệt cho thuyền ghé vào bờ lấy

64 | Dương Nghiễm Mậu

lượng thực và nghỉ ngơi. Lúc ấy có người học trò của Trần Công Sán làm chân Giám sinh ở Nghi Lộc nghe tin thầy đã về thì đến chào, Nguyễn Hiền nói với Trần Công Sán:

– Ngày đêm trông tin tưởng thầy không về...

Trần Công Sán gặp lại học trò cũng mừng rỡ, Nguyễn Hiền thấy nét mặt của Đô đốc Nguyệt có vẻ bất thường, bụng sinh nghi bèn nói riêng với thầy:

– Sóng nước không biết đâu mà lượng, đã tới Nghệ An rồi chẳng còn bao xa nữa, hay nhất là thầy xin đi đường bộ cho yên lòng.

Công Sán thấy ý của Nguyễn Hiền có phần đúng liền nói với Nguyệt để sứ bộ đi đường bộ. Nguyệt chẳng suy nghĩ đắn đo gì gặt đi ngay:

– Tôi vâng lệnh đưa sứ đi đường thủy, thuận tiện và yên ổn. Đường bộ trèo đèo lội suối vất vả không may có điều gì thì tôi sao tránh được tội với Bắc Bình Vương?

Sau đó cả đoàn xuống thuyền ra khơi trở

lại. Thuyền ra chưa được bao xa Nguyệt đã sai đục thuyền chìm hết sứ bộ xuống biển. Đám thủy binh không ướt áo một người. Nguyễn Hiền thấy thầy bị hại chỉ biết đứng trên bờ kêu gào thảm thiết, tiếng gào như thấu trời xanh, Nguyễn Hiền đứng đó cho tới khi cổ khan nói không ra tiếng, đêm xuống mới trở về, ai thấy cũng cảm thương không cầm được nước mắt. Hôm đó nhằm ngày 11 tháng tư năm Đinh Vị. Nguyệt vào bờ cùng binh sĩ phao tin thuyền gặp nạn, sứ bộ không ai biết bơi nên chết cả.

Ở Thăng Long, Hữu Chỉnh không bận tâm về mối nguy hiểm ở phương Nam nên vẫn gia sức củng cố địa vị, truy diệt những bè đảng nhà Trịnh. Tin về sứ thần đi Phú Xuân bị chết trên biển làm triều đình lo âu, nhưng Hữu Chỉnh không cho là quan trọng trước những vấn đề khác đang bề bộn trước mắt.

Thấy Hữu Chỉnh mỗi lúc một lỏng quyền ở Bắc Hà thì Nguyễn Huệ không chịu được, nó như một cái gai trước mắt. Cuối năm Đinh Vị, Huệ sai Vũ Văn Nhậm thống lãnh binh mã ra Bắc với lệnh bắt Hữu Chỉnh.

Tháng 11 năm đó quân Tây Sơn đánh tan quân Chỉnh ở bờ sông Thanh Quyết rồi ào ạt tiến quân, Hữu Chỉnh bị quân Tây Sơn bắt sống, Vũ Văn Nhậm ra lệnh phanh thây xé xác vớt cho chó ăn. Vua Lê và đình thần chỉ còn đường bỏ chạy, chiến trường lan ra khắp Bắc Hà. Chiêu Thống chạy quanh với những tướng sĩ bất tài, sau cùng lẫn tránh ở vùng Lạng Giang. Ở Thăng Long thì diễn ra một cuộc chiến khác. Vũ Văn Nhậm vừa giết Hữu Chỉnh xong thì bị Nguyễn Huệ từ Phú Xuân kéo ra, giữa đêm tới Thăng Long bắt giết Nhậm lấy lại những chiến lợi phẩm Nhậm đã tom góp được, rồi Huệ đặt Lê Duy Cẩn làm giám quốc đặt lại nền cai trị. Chiêu Thống cho Hoàng Thái Hậu đem Hoàng tử sang Tàu cầu cứu. Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị mang quân tràn xuống. Nhân dân thêm một phen khốn khổ vì ngoại xâm.

Nghe tin báo quân Thanh đã tràn vào Thăng Long, để yên lòng dân, ngày 25 tháng chạp Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế lấy hiệu là Quang Trung rồi thống lĩnh binh mã lên đường ra Bắc, kêu gọi toàn dân chống xâm lăng. Đang là mùa đông rét

buốt, lại nhân dịp Tết Nguyên Đán nên quân Tàu chỉ mãi mê vui chơi. Cuộc tiến quân không gặp một kháng cự nhỏ nên Tôn Sĩ Nghị càng khinh xuất.

Quân Tây Sơn ngày đêm vượt suối, băng đèo không ngừng nghỉ, sức mạnh như giông bão, tới đâu có giặc là bắt gọn tới đó. Đêm mồng ba Tết thì Quang Trung đã dừng ngựa ở đầu làng Hạ Hồi huyện Thượng Phúc, cửa ngõ vào Thăng Long.

Mệnh lệnh ban ra, tướng sĩ tiến lên, thế quân như ngọn lửa đỏ thối về phía trước. Thăng Long bốc cháy, Tôn Sĩ Nghị không kịp mặc nhung phục, bỏ cả ấn tín chạy lấy toàn mạng, mặc cho vua quan nhà Lê lếch thếch theo sau. Quân Thanh như đám ong vỡ tổ, chạy đập lên nhau mà chết bỏ lại khí giới, lương thực, vàng bạc không biết bao nhiêu mà kể. Chúng không kể ngày đêm cứ theo hướng Bắc chạy thục mạng chỉ mong sao thoát chết. Qua biên giới chúng vẫn cầm đầu chạy trong hỗn loạn khiến dân Tàu vùng Hoa Nam cũng kéo nhau chạy theo, hàng trăm dặm vùng biên giới không một bóng người. Có người chết nằm trong quan tài cũng bị con cháu bỏ lại

68 | Dương Nghiễm Mậu

trong gian nhà trống. Thừa cơ, quân lính và dân chúng ở bên này biên giới kéo sang bên kia vơ vét của cải, thóc lúa, gặt gùi lấy đó không bỏ sót một con gà, cái trứng, con chó trốn trong bụi rậm. Từ đồng tro, đụn rơm đầu hè, xó bếp đều bị bới đào. Một toán nhỏ chậm chân tới chẳng còn gì để nhặt nhạnh trong khi trở về ngang qua một ngôi chùa thấy quả chuông còn trong khuôn đúc cũng hè nhau khênh lên xe bò đẩy về Nam.

Nguyễn Huệ áo bào đen khói súng tiến vào Thăng Long trong tiếng trống trận reo vui, không khí còn thơm mùi khói pháo, già trẻ, lớn bé đổ ra đường, nơi nơi mở hội ăn mừng. Quang Trung cho tổ chức khao quân, biểu dương thanh thế, tưởng thưởng tướng sĩ.

Trong số những chiến sĩ xuất sắc được tuyên công đầu trong trận đánh gò Đống Đa khiến Sâm Nghi Đống phải thắt cổ chết có tên Nguyễn Hiền, một người lần đầu tiên Nguyễn Huệ thấy có mặt trong hàng quân của mình. Khi đứng trước mặt Nguyễn Hiền để trao thưởng, Quang Trung nét mặt hân hoan nói:

– Ta rất khâm phục nhà ngươi, nhà ngươi còn muốn một điều gì khác không?

Nguyễn Hiền đáp:

– Tôi có mặt trong hàng quân của Đại Vương hôm nay chỉ vì một mục đích duy nhất: đánh đuổi ngoại xâm. Nay giặc đã tan, tôi xin phép rời quân ngũ để trở về đời sống dân dã. Tôi không nhận gì mà cũng không xin gì. Đi đánh giặc không phải để có được tưởng thưởng, ân huệ.

Tiếng Nguyễn Hiền sang sảng trong không khí trang nghiêm giữa ba quân tướng sĩ. Nguyễn Huệ nghiêm nét mặt, cái nhìn cứng lại, giọng khô:

– Tại sao nhà ngươi lại không nhận? Nó không xứng đáng sao?

– Ngài không nên nghĩ thế. Tôi đi đánh giặc ngoại xâm là tự nguyện. Tôi không đi đánh giặc để có lợi lộc, chức tước. Hơn nữa đâu phải bổng lộc nào cũng nên nhận.

Nguyễn Hiền vái chào:

70 | Dương Nghiễm Mậu

– Tôi xin được cáo biệt Đại Vương.

Không chần chờ, Nguyễn Hiền quay người cất bước. Nguyễn Huệ cao giọng:

– Nhà ngươi hãy đứng lại.

Nguyễn Hiền dừng bước. Giọng Nguyễn Huệ nghiêm nghị:

– Chúc tước bổng lộc ta ban, ngươi không nhận, tại sao? Nhà ngươi hãy trả lời ta, nếu không nhà ngươi không còn đầu để bước đi ra khỏi nơi này.

Giọng Nguyễn Hiền mạnh mẽ:

– Tôi đã trả lời về lý do của tôi với Đại vương. Nhưng nếu Đại Vương còn muốn biết thêm thì tôi xin nói rõ đây: vì Đại vương có những hành động xảo trá. Ai đã ngầm ra lệnh giết Trần Công Sán và sứ bộ Bắc Hà. Trần Công Sán, thầy tôi có phải là kẻ thù của Đại vương không? Trần Công Sán có tội gì mà phải giết đi?

Quân cận vệ của Tây Sơn xông tới. Nguyễn Hiền tốt gươm trần thủ thế. Ba quân hàng ngũ chỉnh tề đứng im phăng phắc. Hình như gió xuân cũng ngừng thổi làm những lá cờ rũ xuống im lìm. Thời khắc như dừng lại. Âm vang tiếng nói Nguyễn Hiền như mũi khoan vẫn đang xoáy vào óc Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ choáng váng, hai chân như bị đóng cứng xuống đất. Lúc lâu Nguyễn Huệ mới vẫy tay:

– Hãy để cho ông ấy đi. Nguyễn Huệ đưa mắt ra dấu cho đoàn quân lùi ra xa. Nguyễn Hiền tay vẫn giữ chặt đốc kiếm, giọng sang sảng vang lên:

– Bây giờ thì tôi không thể đi ngay được bởi vì Đại vương đã buộc tôi phải trả lời điều ngài muốn nghe. Tôi đã trả lời rồi. Bây giờ đến lượt Đại vương phải trả lời tôi. Đại vương hãy nhớ: bây giờ Đại vương không trả lời thì rồi đây cũng phải trả lời, trả lời với sử sách.

Giọng Nguyễn Hiền đầy thách thức. Hình ảnh Trần Công Sán như hiện ra trước mắt Nguyễn Huệ. Sự việc của một ngày tháng nào. Nguyễn Huệ rút gươm và nhanh như chớp đâm

72 | Dương Nghiễm Mậu

tới. Nguyễn Hiền ngã xuống không một tiếng kêu. Hình như có một cơn gió lạnh buốt thổi qua quảng trường và những lá cờ run rẩy nhẹ nhẹ.

Nguyễn Huệ ra lệnh chấm dứt cuộc vui. Xác Nguyễn Hiền được kéo ra khỏi cổng thành, một vết máu dài như vết chém lớn xuống mặt đất của thành Thăng Long.

Từ sau buổi khao quân Nguyễn Huệ như mất đi niềm vui và phấn khởi của chiến thắng. Tiếng nói của Nguyễn Hiền như thỉnh thoảng lại vang lên trong óc Huệ. Giặc đã tan, Lê Chiêu Thống và đám quần thần nhu nhược đã bỏ chạy sang Tàu. Sau cơn binh lửa người dân đã trở về thu nhặt những gì còn lại để gây dựng cuộc sống. Đất Bắc ngổn ngang những vấn đề sau chiến tranh và tàn phá. Cả một hệ thống chính quyền tan rã, vắng bóng những quan chức cũ. Mùa xuân đến nhưng nét mặt người dân u ám sạm đen vì những lo toan vật chất, những mất mát tinh thần, những nắm mồ còn chưa xanh cỏ, những ngôi nhà cháy chưa kịp thu dọn. Vì đói khó, loạn lạc cướp bóc lại mạnh mẽ nơi này nơi khác, nhân tâm phân tán, việc ổn định không thể một ngày, một tháng

có thể làm được. Cả một gánh nặng như đè lên vai Quang Trung, thêm vào đó là nỗi niềm cay đắng giữa anh em ruột thịt với nhau. Tất cả cảnh huống như đẩy Nguyễn Huệ vào một cơn buồn chán không thôi.

Mỗi ngày trôi qua làm cho Huệ thấy đất Thăng Long chẳng phải của mình, tất cả như xa lạ. Huệ họp quần thần, cắt đặt công việc, giao trách vụ cho Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Ngô Thời Nhiệm rồi định ngày trở về Phú Xuân.

Mùa xuân đất Bắc sao mà buốt lạnh. Bình tâm lại sau chiến thắng lẫy lừng, Nguyễn Huệ nhớ tới những ngày đầu dấy lên từ đất Tây Sơn. Đi tới bờ biển, vào Nam, ra Bắc... Cả một chuỗi dài những ngày ngồi trên lưng ngựa giông ruổi: bao nhiêu con em đã vì mình mà chết. Bao nhiêu kẻ chống lại mình đã bị phanh thây, xé xác, bao nhiêu quân xâm lược đã gửi xác lại quê người... và cả những cái chết bi thương của những kẻ đã có lúc là những thủ hạ thân tín từng liều mình cho cuộc trường chinh như Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm...

Lớn lao hơn nữa: bao nhiêu lương dân vô tội khắp từ bắc chí nam đã chết vì tên bay đạn lạc. Vô số những cái chết tàn khốc... Nhất tướng công thành vạn cốt khô... Huệ chợt nhớ tới một câu thơ cổ mà ai đó đã đọc cho nghe.

Mọi việc đã sắp đặt xong, Quang Trung lặng lẽ cùng một đoàn quân nhỏ trở vào Phú Xuân. Nguyễn Huệ nghĩ, nếu có ai hỏi khi nào trở lại Bắc Hà thì câu trả lời là không. Huệ mong chẳng còn bao giờ phải trở lại đây nữa. Chẳng ai lại mong ước suốt cả cuộc đời mình chỉ sống nơi trận mạc.

Trên đường trở vào, một đêm nghỉ chân ở dọc đường, trong giấc ngủ đầy mệt nhọc, Huệ thấy một người từ dưới nước đi lên, bước đi lừng lững, tay cầm một cây quạt thước đứng trước mặt và cất tiếng nói:

– Nhà ngươi hẳn chưa quên ta?

Nguyễn Huệ cố nhớ nhưng không sao nhận ra mặt người đứng trước mặt. Người lạ cầm cây quạt đập vào mạng sườn khiến Huệ đau điếng và

thét lên thành tiếng trước khi thức dậy. Quân hầu nghe tiếng thét chạy vào. Huệ ngồi thần người nơi mép giường ngủ với nỗi bàng hoàng kinh hãi của cơn mê. Huệ hỏi:

– Ta đang dùng chân ở đâu?

Viên quan hầu cận thưa:

– Tàu Đại vương, đây là cửa biển Đan Nhai của trấn Nghệ An.

Huệ bừng tỉnh. Không đợi trời sáng, Huệ ra lệnh lên đường trước sự ngỡ ngàng của ba quân.

Trên lưng ngựa dọc đường trở lại Phú Xuân, thỉnh thoảng Huệ lại thấy nhói đau nơi mạng sườn, vén áo sờ vào không có dấu tích của một vết thương. Cho tới ngày qua đời, thỉnh thoảng Huệ vẫn cảm thấy đau như thế. Đó là thương tích duy nhất trong đời chinh chiến mà Nguyễn Huệ đã nhận được từ trong cơn mê sáng.

NGƯỜI VẼ NÚI

Trời tối lúc nào không hay, Nguyễn Nhân Trục thắp ngọn bạch lập trên thư án, thư phòng chan hòa ánh sáng vàng ấm. Tiếng chân người ở ngoài sân bước lên thềm nhà, Nhân Trục đẩy nhẹ cánh cửa và nhận ra Nguyễn Nhữ Thuyết. Hai người vái chào nhau. Vừa bước chân vào nhà Nhữ Thuyết vừa nói:

– Hình như anh sắp đi đâu xa?

– Tôi định sớm mai, trước khi về quê sẽ tới cáo biệt anh. Chuyển đi không còn là ngao du sơn thủy nữa. Tôi thấy đất Đông Đô khó yên được, trong khi mình không phải là kẻ biết dùng kiếm.

78 | Dương Nghiễm Mậu

Hai người tới ngồi nơi thư án, đối diện với nhau. Nhân Trục lấy be rượu giót đầy hai chén nâng lên mời:

– Mời anh, tiền đưa lọ phải trường đình...

Nhân Trục cười thành tiếng bưng chén uống cạn, Nhữ Thuyết lấy ra trong tay áo cuộn giấy nhỏ:

– Tôi mới soạn xong tờ biểu để sớm mai vào triều dâng vua. Anh thấy đó, việc rời đô chẳng qua chỉ là một bước nữa của Hồ Quý Ly trong mưu đồ chiếm ngôi nhà Trần. Quý Ly làm việc quấy mà mình lại ngồi yên sao. Tôi mang bản thảo tới nhờ anh đọc và chỉ giáo thêm cho.

Giọng Nhữ Thuyết trầm hùng mạch lạc và chứa chan tâm huyết. Nhân Trục đưa hai tay đỡ lấy bản thảo rồi từ từ mở ra đọc, từ chăm chú tới gật gù vẻ tán thưởng, rồi như bị mạch văn của tờ biểu cuốn hút, Nhân Trục cao giọng đọc thành tiếng:

– ... Nay đất Long Đỗ có núi Tản Viên, có sông Lô Nhĩ, núi cao, sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi.

Từ xưa các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi sâu gốc, bén rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải chặt đầu... Xin nghĩ lại điều đó để làm vững vàng cho nhà nước. An Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm...

Đọc một hơi không nghỉ, Nhân Trục cuốn tờ biểu lại để trên thư án. Nhân Trục nói:

– Ý và văn anh toát ra từ đáy lòng. Thực tôi không có gì để góp thêm. Nhưng tôi hỏi anh: việc xây kinh đô mới, Quý Ly đã bảo các quan: ý ta đã định từ trước các người còn nói gì nữa? Anh dâng biểu phỏng có ích gì? Chưa chừng cái vai anh nó sung sướng không còn phải mang trên mình cái cổ cứng và cái đầu nặng.

Nguyễn Nhữ Thuyết mỉm cười, dốc cạn chén rượu, thở khà giọng bi phẫn:

– Tôi có tiếc gì cái đầu của mình. Khốn nỗi tôi chỉ có cây bút trên tay, giấy trắng trước mặt và cương vị một viên Khu Mật chủ sự nhỏ nhoi nơi triều chính. Dù sao tôi cũng phải dâng biểu này. Tôi tin: Hồ Quý Ly biết rõ nó dối trá, bụng nó không yên đâu. Khi biết có những người cứng cỏi, đứng ở phía lẽ phải, nếu nó không quay lại với chính đạo thì ít ra nó cũng bớt đi không dám phạm vào những tội ác tày đình. Không lẽ cha con họ Hồ không có lấy một chút lý tính, nếu chưa nói đến lương tâm của mỗi con người?

Nguyễn Nhân Trục ngẩng đầu nhìn lên mái nhà rồi nhìn vào búp lửa đỏ trên cây bạch lạp:

– Lúc tôi vẽ bộ tranh Tứ Phụ với sự giúp sức của nhóm thợ vẽ Đông Đô theo lời Thượng Hoàng để ban cho Quý Ly anh đã chẳng không ngừng cổ vũ tôi hãy hết lòng về một việc đáng làm: nhắc nhở và làm sáng tỏ gương người xưa với hy vọng cảm hóa được Quý Ly. Nào Chu Công giúp Thành Vương, nào Hoắc Quang giúp

Chiêu Đế, Gia Cát giúp Thục Hậu Chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông. Những gương sáng đó, những lời thầy Khổng dạy đâu phải Quý Ly không biết. Có khi còn sâu rộng hơn chúng ta. Hãy coi Quý Ly soạn sách Minh Đạo nhìn lại nền tảng của Nho học, rồi biên chép thiên Vô Vật dịch ra quốc ngữ để dạy quan gia, làm sách Quốc Ngữ Thi Nghĩa, giải thích Kinh Thi với ý riêng... Như vậy thì không thể bảo Quý Ly không có học hay thiếu thông minh. Xa gì, tấm gương Chu Văn An của Trần triều này còn đó. Kết quả như thế nào? Quý Ly có thay đổi gì không?

Nhữ Thuyết nhìn thẳng vào mắt Nhân Trục:

- Vậy anh bảo tôi phải làm gì?
- Tôi chỉ là một anh thợ vẽ, xin anh hiểu cho.

Ngoài trời đêm tối đã sâu. Tiếng con thạch sùng trong thỉnh lặng, Nhân Trục đứng lên tới chỗ bàn cao cầm chiếc hộp sơn đen tới trước mặt Nhữ Thuyết rồi mở ra. Nhữ Thuyết thấy một thanh gươm cổ để trong bao trạm trổ tinh vi, sắc xảo, cán nạm vàng rực rỡ:

82 | Dương Nghiễm Mậu

– Đây là một trong những gia bảo vô giá của họ Nguyễn Nhân mà tôi còn giữ được. Thanh gươm đã theo chân Đức Thánh Trần diệt Nguyên Mông vào những năm đầu nhà Trần mới dựng nghiệp. Thân phụ tôi lúc còn sống kể lại: sau khi thắng quân Nguyên, cụ tổ được vua xét công trạng muốn cho làm quan.

Nhưng mấy đời ông cha chỉ biết cày sâu cuốc bẫm, cụ chỉ là nông dân, ít học, chân chất cụ xin được về quê cày ruộng. Vua rất trọng và khen: không ham vinh hoa phú quý, chọn sống với sở trưởng của mình. làm việc mình biết. Không muốn làm quan ngu dốt để gây khổ cho dân. Vua ban thưởng rất hậu. Trong những tặng phẩm vua ban có thanh gươm của Đức Thánh Trần với lời dạy: Con dân Đại Việt ta đánh giặc cứu nước là vì nghĩa, không vì lợi. Hãy cố gắng cày ruộng nuôi con, người nào giỏi đường nào thì theo đường ấy, lúc trưởng thành triều đình sẽ trọng dụng. Ta những mong con cháu nhà ngươi sau này có kẻ cầm được bút, có kẻ cầm được gươm.

Cụ tổ vẫn nhớ định ninh lời vua dạy, các con

cháu cũng ra sức học hành nhưng không ai thành đạt về khoa bảng cũng như về võ nghệ. Đã mấy đời rồi mà không có người biết dùng gươm giỏi. Đến đời tôi, có được đi học, đã lều chõng vào trường thi nhưng vốn quen ngao du với những tay tài tử nên cũng xa đường khoa hoạn. Mỗi khi gặp được cảnh đẹp thì không rời chân, khi đã thấy hoa đẹp thì không rời mắt, uống được rượu ngon không chịu bỏ chén, khi gặp bạn hiền không thể đứng lên mà xa được... Sống đời thanh bình, thanh gươm báu trở thành gươm thờ và như nó được sống đời như mơ ước của cụ tổ: mong cho làng xóm yên vui, đất nước vẹn toàn tự chủ, không có giặc giã để gươm chẳng bao giờ phải rời khỏi vỏ, và biết đâu, tới một lúc nào đó người ta cũng không còn biết tới công dụng của nó mà mang ra dóc mía, chẻ củi...

Bây giờ nghĩ lại: sao mình lại không học đánh gươm cho giỏi mà lại quá công kỹ với cây bút vẽ trên tay. Nhưng trễ quá rồi. Sung sướng thay cho những ai sinh ra và lớn lên vào buổi thái bình. Tài không đi được với trí, tôi biết mình chỉ còn lui về nơi thôn ố mà đi hết con đường mình đã

84 | Dương Nghiễm Mậu

chọn, vui với cái cày, trò chuyện với núi non cây cỏ... Thời loạn người ta còn đâu được hạnh phúc mà ngắm nhìn một bức tranh, lắng nghe tiếng sáo diều mà thả hồn vào cõi vô biên... Phải thế không anh?

Giọng Nhân Trục ngậm ngùi, trầm uất. Búp lửa trên ngọn bạch lạp đứng im thẳng như lắng nghe. Nhữ Thuyết đưa mắt nhìn chung quanh: vài tấm tranh đã được gỡ khỏi vách nhưng số họa phẩm còn lại đủ cho những bức vách kín đặc. Đa phần Nhân Trục vẽ núi, xen vào đó là những bức thủy mạc có khi chỉ phất phơ vài lá trúc, vài tàu lá chuối, một ngọn cỏ lau. Cũng có ít cụm lan rừng, sen tàn trên hồ thu. Trong tranh Nhân Trục những mảnh sáng nhất cũng chỉ là những màu nhẹ. Sao không có những cánh bướm ngũ sắc? Sao vắng bóng những đoá hải đường, hoa lựu, hay thược dược chói đỏ? Có chăng chỉ có mặt nước long lanh sáng. Ai đã từng xuôi ngược đường dài có thể nhận ra núi Mã Yên vùng Lạng Sơn, núi Non Nước của cố đô Hoa Lư, rồi Ngũ Lĩnh, Tản Viên, Tam Đảo...

Thường ngoạn tranh của Nhân Trục là để ngắm núi, chỉ có núi, khe suối, những vùng ao hồ, người ta không thấy biển cả... Núi với bao dáng vẻ khác nhau, với những thời gian khác nhau, núi trong sương, núi buổi sớm mai, núi lúc mặt trời đang ngả bóng...

Nhữ Thuyết tự hỏi: trong những ngọn núi kia phải chăng có cả những ngọn Hồng Lĩnh, Ngũ Liệt... mà nhiều người chỉ nghe nói đến chưa bao giờ được nhìn tận mắt, trèo tận ngọn. Hình như cả một quãng đời đã qua với tuổi trẻ của mình, Nhân Trục đã dành để đi, để nhìn, để thở với núi non trên khắp đất nước cầm tù. Sau đó ẩn mình nơi họa thất yên tĩnh mà làm cho nó thật hơn, đơn giản nhất nhưng cũng đầy tâm sự.

Có lần Nhữ Thuyết hỏi:

– Nhiều non mà sao lại ít nước?

Nhân Trục cười:

– Có phải vì tôi chỉ nhìn lên chẳng? Núi lúc nào cũng lăm lè, hùng vĩ, kín tiếng, mạnh mẽ đến bạo liệt... Trong khi biển cả thì bao la, thoát nhìn

như hiền hòa nhưng thực là hung hãn, những lớp sóng ngầm lúc nào cũng cuộn cuộn dưới đáy sâu thẳm...

Coi lại suốt lượt những tranh còn treo trên vách, khi trở lại thư án, Nhữ Thuyết nói:

– Anh về quê chắc núi rừng ở đó vui mừng lắm. Còn ở đây, giữa chốn đô hội tôi không còn bạn thiết mất đi một hạnh phúc thỉnh thoảng được đứng trước những bức tranh còn chưa khô nét mực...

Giọng trầm đầy tâm sự, Nhân Trục thấy nôn nao khó nói thành lời: đâu phải dễ có tri kỷ trong một đời người. Nhân Trục cầm lấy tay Nhữ Thuyết:

– Có lẽ anh cũng nên sửa soạn để một lúc nào đó trở về nhà. Kẻ cầm quyền xưa cũng như nay bao giờ cũng chỉ dùng những người biết nghe lời và trung thành. Còn với những người khác thì hoặc chặt đầu, hoặc đẩy đi xa cho khuất mắt... Cái chức Khu Mật Chủ Sự của anh đâu phải không thể thay thế. Ngay cả vào những thời minh

quân trị vì đâu phải kẻ sĩ yêu nước nào cũng được trọng dụng?

Mãi khuya hai người mới chia tay nhau. Nhữ Thuyết hiểu rằng có thể chẳng bao giờ còn gặp lại Nhân Trực.

Trời chưa sáng rõ mặt người, Nhân Trực đã trở dậy lòng bồi hồi nghĩ tới lúc phải xa Đông Đô, nơi mình đã sống với những ngày tháng khó quên. Nhân Trực cho người nhà mang hành lý lên đường đi trước còn mình lặng lẽ đi thăm một vài người thân quen, sự thăm viếng thực ra chỉ là cái cớ để cho Nhân Trực được thơ thẩn trên những con đường từng đi lại nhiều lần, nhìn những hàng cây những mái nhà thân quen. Từ thời nhà Lý dời đô ra Thăng Long, trước đó nữa khi hình thành một nước Đại Việt, Thăng Long đã là nơi tụ hội những tinh hoa, những nối kết giao thương của cả vùng châu thổ. Bao con người đã bước ra khỏi lũy tre xanh, vượt đường xa chọn nơi này để sống, để thi thố tài năng, để làm cho Đông Đô một nơi khác hẳn những vùng khác, nhưng ở trong đó có cả những gì đặc trưng của cả một đất nước...

Trở về nơi thôn ỏ, xa khuất kinh đô, đó chỉ là lựa chọn không thể nào khác của một tình thế, một cảnh huống. Ở nơi núi đồi hẻo lánh đâu còn có thể gặp gỡ với những tay tài tử tú xú? Đâu còn dịp để dự những buổi bình văn? Còn đâu cơ hội bè bạn đàm đạo về những áng văn thơ vừa xuất hiện? Nhưng chẳng thể khác, cuối ngày Nhân Trục xuống thuyền xuôi về nam bắt đầu những ngày mới của cuộc sống...

o O o

Chiều đang xuống nhanh, một người khách bước vào sân. Nhân Trục ra hiện cất tiếng chào. Người lạ bước tới nói:

– Tôi ghé lại để báo cho ông biết: ngày mai không nên vào núi. Có vua đi săn.

– Lệnh quan cấm vào núi?

– Phải, sớm mai vua quan đi săn ở thung lũng Đại Liệt, phía nam Ngàn Hống, hành cung đã hạ ở dưới phủ lỵ.

Nhân Trục mời khách vào nhà:

– Ông ở đây mà sao tôi không được gặp bao giờ?

Người khách cười thành tiếng:

– Ông cả ngày ở trong núi còn thấy ai nữa. Nhưng tôi thấy ông. Nhà tôi ở dưới gần Chợ Suối vẫn thường vào núi lấy củi, hái rau. Nhưng sao ông lại bỏ Đông Đô sầm uất đông vui mà về nơi hẻo lánh buồn tẻ thế này?

Nhân Trục mỉm cười không biết phải trả lời sao với người cùng quê đây về chất phác. Người khách như không hề chờ đợi câu trả lời:

– Quê mình xa kinh đô, đất đai khô cằn chỉ toàn núi với rừng, người nào đã đi thường thường mất tăm. Kẻ làm quan, người đi buôn khi nào giàu có, có chức vị mới về thăm quê. Sự trở về như một giải thích lý do ra đi chứ không bao giờ về để sống lại với mảnh đất xưa... Thế mà ông thì bỏ kinh đô mà về đây sống là thế nào?

Người khách nói một cách lơ đãng khi tỏ vẻ lạ với khung cảnh nơi nhà Nhân Trục, căn nhà

không rộng chỉ có tranh và sách. Ngồi xuống trường kỷ, người khách nói:

– Ông vẽ những bức tranh này?

– Dạ phải.

Người khách vừa ngồi xuống đã đứng ngay lên tới gần những bức tranh ngắm nghía đầy thích thú ngạc nhiên, có lúc lấy ngón tay trở chạm nhẹ vào mặt tranh một cách cẩn trọng. Tới gần tấm tranh lớn treo giữa vách, người khách lúc tới gần, lúc lùi xa như cố gắng để được nhìn cho hết bức tranh:

– Tôi thấy rõ: ông vẽ núi Ngàn Hống đây mà. Khéo quá. Cầm kỳ thi họa đâu phải ai cũng có được.

Nhân Trục mời khách ngồi rồi rót trà mời. Người khách nhìn chủ nhân nói:

– Ông làm quan tới đâu rồi?

Nhân Trục mỉm cười:

– Tôi không có làm quan.

– Không làm quan? Có chữ lại sống ở kinh đô mà không làm quan thì lấy gì để ăn mà vẽ tranh?

Nhân Trục cười thành tiếng sảng khoái trước những suy nghĩ đơn giản của khách. Nhân Trục nói:

– Tôi sống bằng nghề vẽ tranh.

Người khách im lặng một lúc rồi gật gù như vừa hiểu ra:

– Vẽ giỏi cũng được làm quan chứ đâu không?

– Làm gì có quan vẽ?

– Tôi thấy vua muốn cho ai làm quan chẳng được, còn có cả hoạn quan đấy thôi. Thế thì ông chưa biết đấy, tôi mới nghe chiếu vua ở vùng tôi triệu những người biết vẽ vào triều, giỏi sẽ được phong quan tước. Nghe đâu vua đang tìm người vẽ chân dung Thái Thượng Hoàng để sau này thờ trong Thái miếu. Khắp thiên hạ thợ vẽ đang kéo về kinh đô trở tài. Sao ông lại không đi. Nhất

nghệ tinh, nhất thân vinh. Tài vẽ như ông phải làm quan to.

Nhân Trục cười lớn:

– Nhưng tôi chỉ biết vẽ núi thôi, không biết vẽ người.

– Vẽ cảnh để treo nơi cung vua, nơi nhà quan, nghề này ở kinh kiếm ăn được. Ở nơi thôn ổ vẽ để chơi thì được. Nhà tranh vách đất thấp bé làm gì có chỗ để treo tranh. Chung quanh, xa gần toàn những núi non, cỏ cây, hoa lá, sông hồ, chim bay bướm lượn... cứ dừng chân lại trước mắt đã là một bức tranh sinh động — khách quay lại nhìn bức tranh vẽ núi — khéo thật, đúng là núi ở Ngàn Hống, nhưng chỉ là xác núi thôi. Tôi đã từng thấy Ngàn Hống như thế này, nhưng tôi còn thấy những Ngàn Hống khác. Núi trong mưa khác núi buổi hoàng hôn. Núi trong mây khác núi khi chiều xuống với mặt trời đỏ nơi chân trời... Cảnh vật biến đổi từng khoảnh khắc. Tranh này dành cho những người không được thấy núi, không được sống gần núi, không có lúc nào

ngẩng mặt lên và chỉ có thể mơ tưởng, nghĩ tới núi... Tôi nói thế có phải không?

Uống cạn chén nước, người khách đứng lên:

– Tôi còn thấy trong tranh ông có nhiều màu lạ. Những màu này ông lấy ở đâu ra?

Nhân Trục ngạc nhiên thích thú:

– Màu của lá cây, của rễ cây, những củ dại trong rừng biết bao nhiêu mà kể. Trời đất cho ta tất cả, thứ gì cũng có, chỉ có điều là chúng ta có biết dùng nó hay không.

– Thật là tuyệt, tiếc là chưa có dịp trò chuyện với ông. Nhà xa, trời tối, tôi xin kiếu để khi khác.

Khách bước ra khỏi nhà, tới giữa sân, trời còn ửng đỏ ở phía sau. Người khách cao giọng đọc:

– *Xuất môn kiến Nam sơn*

Dẫn linh ý vô hạn

Tú sắc nan vi hành

.....

Bài thơ ấy của Lý Bạch chắc ông biết?

Nhân Trục giật mình nhìn người khách.

– Từ hồi nhỏ tôi đã từng nghe ông nội tôi ngâm nhiều bài thơ Đường và giảng cho tôi nghe, nhờ thế nay còn nhớ lồm bồm...

Người khách cười lớn:

– Ông nhớ nhá, ngày mai chớ vào trong núi. Cha con họ Hồ đã chẳng lo gì cho dân còn làm khổ dân với trò vui chơi săn bắn. Thực chẳng thể hiểu được — khách ngừng lại một chút — Bao giờ ông trở lại Đông Đô?

Người khách vừa nói vừa bước đi, Nhân Trục thấy tất cả những câu hỏi của khách như không bao giờ chờ đợi câu trả lời. Câu hỏi chỉ để cho người nghe, không phải cho người hỏi. Hỏi mà như không hỏi gì cả. Nhân Trục tiễn khách ra tới tận cổng, trong chốc lát bóng người đã lẫn vào trong bóng chiều...

Nhân Trục trở vào nhà và nhớ tới bao nhiêu sự việc đã xảy ra từ ngày rời Đông Đô. Bao nhiêu người đã phải chết trên con đường ngăn cản cha con họ Hồ tiến ngôi? Nguyễn Nhữ Thuyết đã bị bãi chức, trấn Thanh Hoa đã trở thành Thanh Đô, Quý Ly đã bức vua Thuận Tông phải xuất gia thờ Đạo Giáo và tới sống ở Đạm Thủy. Quý Ly ra lệnh cho Nguyễn Cẩn: vua không chết thì người phải chết. Vua bị đồ thuốc độc, bị bỏ đói rồi bị thắt cổ cho tới chết. Thái tử Ấn, cháu ngoại của Quý Ly được đưa lên ngôi lúc mới ba tuổi. Tháng ba năm Canh Thìn, Quý Ly truất bỏ cháu ngoại tự lên ngôi vua, đặt tên nước là Đại Ngu. Một năm sau, theo gương các vua nhà Trần truyền ngôi cho con thứ là Hán Thương và mình thì giữ vai Thái Thượng Hoàng nắm giữ quyền bính... Những sự việc ngổn ngang xô đẩy nhau trong trí nhớ Nhân Trục. Đã qua một triều đại, thêm một triều đại nữa bắt đầu, nhưng nhà Hồ làm sao có thể tồn tại lâu dài? Vua quan nhà Hồ sẽ tới đây sẵn bắn vào ngày mai, nghĩ tới cảnh lính tráng tiền hô hậu ủng, giáo mác nghênh ngang, ngựa và chó săn náo động cả một vùng núi non yên tĩnh làm Nhân Trục bức bối trong lòng.

Qua một đêm khó ngủ, sớm hôm sau Nhân Trục rời nhà đi ngược lên phía bắc Ngàn Hồng, lánh xa vùng săn bắn.

Khi Nhân Trục trở về, dấu vết cuộc săn bắn còn để lại trên những hàng cây bên đường, những bãi cỏ bị dẫm đạp, những mặt đường bị đào bới bởi vó ngựa và chân người. Ngay nơi cửa nhà Nhân Trục, hình như nhiều người đã tụ tập nơi đây. Thấy Nhân Trục về, người lão bộc nói:

– Đức vua đã vào nhà ta...

Nhân Trục ngạc nhiên. Người lão bộc nói tiếp:

– Khi đi săn về nhà vua ghé lại đây nghỉ chân, nhà vua vào nhà thấy nhiều sách vở, trên vách treo đầy tranh thì hỏi về chủ nhân. Chúng con nói ông đi vắng. Xem chừng nhà vua rất thích tranh ông vẽ nên sau đó lấy đi tấm tranh lớn trong nhà. Vị quan theo hầu nói với con: đáng lẽ phải có sự đồng ý của ông, nhưng ông đi vắng, vua sẽ phái quan triều đình tới để ban thưởng và triệu ông vào kinh... chúng con ở nhà không biết phải làm sao...

Nhân Trục nói vài lời cho lão bộc và người nhà yên tâm rồi bảo lui... Nhân Trục buồn bực nhìn lên khoảng trống trên vách, nơi bức tranh lớn vẽ núi đã bị lấy đi. Triệu vào kinh, nghĩ tới điều đó làm Nhân Trục lo âu.

Vừa tờ mờ sáng hôm sau, Nhân Trục đã nghe thấy tiếng người ngựa vang lên trước cửa nhà. Lúc sau người lão bộc vào thưa:

– Có quan cung phụng của triều đình là Định Công tới.

Nhân Trục sai mở cửa đón vào nhà. Nhân Trục ngồi im lặng lúc lâu rồi mới xuống nhà thay áo, đội khăn bước ra. Viên quan nhà Hồ thấy chủ nhân vội vái chào:

– Tôi phụng mệnh Đức Vua tới đây trước hết là có chút lễ mọn, sau là đón tiên sinh vào triều, xe đã sẵn. Đức Vua trông đợi tiên sinh.

Nhân Trục vái chào rồi mời Định Công ngồi:

– Đa tạ Định Công đường xá xa xôi mà tới đây. Kẻ áo vải nơi hẻm núi này thực không dám

98 | Dương Nghiễm Mậu

nhận lễ vật của triều đình. Nhờ Định Công về tâu lại với triều đình: kẻ hèn này đâu có công trạng gì với triều đình để nhận sự ban thưởng. Tôi cũng không có tài gì để phò vua giúp nước. Đời sống nơi thôn ổ, rau muối đã quen, xin triều đình tha cho kẻ ở núi này.

Định Công lễ phép nói:

– Đức vua qua đây được thấy nét bút kỳ tài của tiên sinh thì lấy làm vui sướng. Bức tranh núi của tiên sinh là một tuyệt tác để dâng lên Thái Thượng Hoàng. Quả không sai, Thái Thượng Hoàng coi tranh tỏ ra rất mực ngưỡng mộ. Đức vua mừng rỡ khi nhận ra tiên sinh còn là người đã góp tay vẽ bộ tranh Tứ Phụ năm xưa... Vì vậy Đức Vua triệu vào triều là muốn tiên sinh sẽ dốc lòng thực hiện một bức chân dung Thái Thượng Hoàng...

Nhân Trục cúi người thưa:

– E rằng Đức Vua đã chọn sai người.

Định Công nói tiếp:

– Chẳng là từ ngày vâng lệnh vua cha lên ngôi báu, Đức Vua đã cho gọi họa sĩ trong cả nước về kinh để vẽ chân dung Thái Thượng Hoàng, nhưng cho đến nay vẫn chưa chọn được bức nào vừa ý Thái Thượng Hoàng, trong khi vàng bạc đã đổ ra không biết bao nhiêu mà kể. Đức vua rất buồn lòng. Sau khi được thấy nét bút của tiên sinh, Đức Vua bảo: chắc chỉ có tiên sinh là đủ tài để thực hiện điều đó. Vậy tiên sinh có thể làm thất vọng nỗi mong ước của Đức Vua được hay sao?

Nhân Trục vái một vái rồi nói:

– Kẻ tiện dân đâu dám thế, nhưng...

Nhân Trục ngừng lại dâng nước mời Định Công. Bao nhiêu ý nghĩ ngổn ngang trong tâm trí:

– Thừa với Định Công thế này: trên đời ai không mong có được cơ hội ngồi nơi triều chính. Nhất nữa lại được nhà Vua đề mắt mà vờ tới. Nhưng với tôi quả điều này quá đường đột. Tôi xin thượng quan trở lại triều thừa giúp tôi: cho

tôi ít ngày để thu xếp việc nhà rồi sẽ tới nơi cửa khuyết mà nghe lệnh. Sau bao nhiêu khẩn khoản, nhắc lại lệnh vua của Định Công, Nhân Trục vẫn nhất mực không chịu lên xe về triều. Định Công thấy ý của Nhân Trục cũng có điều đúng, ép cũng không được nên đành đưa quân lính trở về. Dọc đường, ngang qua phủ Nga Lạc, viên phủ quan Vũ Đắc Nhất thấy không có Nguyễn Nhân Trục thì ngạc nhiên hỏi:

– Nguyễn Nhân Trục đâu?

Định Công kể lại mọi sự việc, Vũ Đắc Nhất nói:

– Không xong rồi, nếu Nguyễn Nhân Trục trốn đi thì sao?

– Vậy phải làm thế nào?

– Ông còn nhớ Nhân Trục bỏ Đông Đô về đây hẳn là có ý không phục đương triều, trước kia ông ta đã từng vẽ bộ tranh Tứ Phụ, có phải là để dạy Thái Thượng Hoàng ngày nay phải trung thành với nhà Trần không? Một người đã lựa

chọn như vậy làm sao có thể tới nơi cửa khuyết mà nghe lệnh?

– Đức Vua giao cho chúng ta đi triệu hiền tài chứ đâu có bảo đi bắt ông ta.

– Đúng, nhưng nếu Nguyễn Nhân Trục không đến, hoặc trốn đi, chúng ta có phải chịu trách nhiệm không? Cái chức quan phủ của tôi liệu có còn không? Ngay tối nay ta cho quân lính tới ép hẳn lên xe, nếu chống cự thì cho quân trói lại đưa về kinh, thế là xong. Chống lại lệnh vua mà không bị bắt sao?

Định Công không tán thành, ông nói:

– Để tôi về tâu vua đã.

Trở lại hành cung, quan cung phụng của triều đình tâu với Hán Thương về việc Nguyễn Nhân Trục. Hán Thương nói:

– Hãy đợi ít ngày, nếu ông ấy chưa đến thì ta sẽ đi triệu một một lần nữa cũng chưa muộn.

Sau lần Hán Thương dâng bức tranh, một hôm Quý Ly nói với Hán Thương:

– Núi rừng của đất Ngàn Hồng đỏ. Đất nước ta đẹp như thế mà có mấy ai ghi được trên giấy, gửi được vào trong thơ văn để cho mọi người nức lòng về những gì chúng ta có mà giữ gìn...

Cha con họ Hồ đứng trước bức tranh cùng nhau trao đổi, người nói thế này, người nói thế khác, người thích chỗ này, người thích chỗ khác với bao nhiêu chi tiết, những mảng màu... Bức tranh với nét bút mạnh mẽ khác thường, màu sắc biến ảo linh động. Nhìn vào tranh Quý Ly như thấy hiện ra cả một vùng rừng núi trùng điệp của vùng Thanh Đô hiểm trở. Đã từng được coi những tranh của phương Bắc, với cả một lịch sử lâu dài và rực rỡ của hội họa Hán tộc, nhưng cùng với đề tài núi rừng thì những bức họa ấy không thể so được với bức tranh vẽ núi của người nước Nam. Nước Nam đâu có thiếu những tay cự phách.

Với bức tranh của Nhân Trục, thoáng nhìn nét vẽ trong tranh được thực hiện như đơn giản, đại thể, như nét phóng của một tay thư pháp, như khi nhìn kỹ thấy không thiếu những chi tiết tinh tế, chuẩn xác. Độ đậm nhạt tưởng như không

có, nhưng chính ra đã chuyển hóa một cách cực kỳ nhuần nhuyễn. Không có màu nóng, độ đậm nhạt khác nhau của màu lục đi với màu đen và nâu đã làm cho khung cảnh trong tranh rộng và sâu thẳm...

Có những bàn tay bắt được của trời thật sao? Nhưng vì lẽ gì kẻ ấy lại không chịu ở dưới trướng của ta? Tại ta tiếm ngôi của nhà Trần ư? Những câu hỏi đến với Hồ Quý Ly.

Xem tranh Nhân Trục rồi nghĩ tới những kẻ tự cho mình là họa sĩ đang có mặt nơi cung điện, Quý Ly thấy ngao ngán. Quý Ly nghĩ tới mấy bức chân dung trong bọn họ vẽ mình. Sao thế? Nét vẽ có thể lộ ra cả sự bợ đỡ xu nịnh sao? Quý Ly thấy những bức chân dung ấy không phải là chân dung mình. Một kẻ nào khác nào đó có vài ba nét tương tự. Vì là Thái Thượng Hoàng nên mặt mày phải phương phi, cân quắc? Phải là mắt rồng, mũi lân... nghĩa là tất cả những gì người thường không có. Đó là chân dung của nhiều người gộp lại. Những nét tự nhiên riêng biệt đều bị loại bỏ. Chưa đủ, họ còn tạo ra chung quanh toàn những

rỗng phượng... Cây bút vẽ trên tay họ chỉ còn là sự mưu lợi, cũng giống như những kẻ cầm bút viết văn làm thơ, làm phú chỉ để ca tụng, tâng bốc kẻ thịnh thời, quyền thế.

Nghĩ tới Nhân Trục lui về nơi hẻm núi, sống đời ẩn dật, Quý Ly thấy buồn bực trong lòng nhưng lại thầm cảm phục. Sao một người như thế lại không trông thấy cái suy tàn của nhà Trần? Với thái ấp nông nô, nhà Trần ở cuối dòng chỉ còn là bất công, bóc lột, trì trệ. Như thế sao còn có thể vận dụng nhân dân nếu một khi phải đương đầu với giặc Bắc. Nhân Trục sao không thấy chính sách của ta trong đó con đường đau đớn phải vượt qua cho mai hậu có thể sống yên bình và ngẩng mặt lên.



Khi quan quân đã rút đi, bao nhiêu phân vân đến với Nhân Trục? Làm sao để không phải rời khỏi Ngàn Hống? Nhân Trục cũng không biết phải làm sao. Có điều chắc rằng: bọn vua quan nhà Hồ sẽ không thể để cho mình yên thân. Với quyền sinh sát trong tay họ không cho phép ai

chống lại, hoặc không tuân lệnh. Họ chưa mạnh tay chẳng qua họ tìm cách thuyết dụ để dùng. Vậy điều gì phải đến, mình phải làm gì? Trốn đi? Nhưng trốn đi đâu. Không lẽ phải chọn cái chết? Điều mà có khi người ta phải chọn lựa...

Buồn bực, Nhân Trục mang rượu ra uống. Sinh ử nghệ tử ử nghệ. Có phải người xưa đã bảo thế? Từ bộ tranh Tứ Phụ năm xưa... những bức tranh đã đưa đẩy theo một con đường không thể lường trước được, đó có phải là con đường của định mệnh? U minh mấy cỗi? Ta sẽ chẳng bao giờ còn cầm tới bút vẽ? Sao lại thế? Không vẽ, đời sống của mình là gì?

Nhân Trục uống hết be rượu này sang be rượu khác, uống mãi cho tới say không còn đứng lên được. Cử bôi tiêu sầu, sầu cách sầu. Truy đao đoạn thủy, thủy cánh lưu...

Ta không muốn phải nhìn thấy mặt cha con họ Hồ. Ta không bao giờ cầm bút vẽ cha con nó để được sống... Nhân Trục la lên trong đêm vắng. Cố gắng vùng đứng lên, vô tình gạt tay lên mặt bàn, be rượu rơi xuống đất vỡ tan tành. Tiếng

kêu của thân sành vang lên khô sắc. Nhân Trục quờ tay trên nền nhà, cầm được một mảnh vỡ trên tay, không nghĩ ngợi gì, Nhân Trục chọc vào đôi mắt mình rồi lịm đi...

Nghe tiếng vỡ, người lão bộc chạy lên thấy Nhân Trục nằm bất tỉnh trên nền nhà, máu chảy ràn rụa trên mặt thì kinh hãi... Mọi người đưa Nhân Trục lên chạy đi gọi thầy thuốc về cứu chữa. Nhân Trục nằm im trên giường như thế bảy ngày trời với cơn say. Khi tỉnh dậy, Nhân Trục cố gắng đứng lên nhưng người như nhão ra không sao chống chân lên được, cổ rướn mắt nhìn nhưng chỉ thấy một màu đen thăm thẳm.

Nhân Trục cố gắng nhớ lại: những chén rượu đầy kế tiếp nhau không dứt, tiếng ai la trong đêm vang vọng, tiếng vỡ khô sắc, và rồi lịm dần đi.. Ta đã mù. Không còn phải nhìn thấy một ai nữa...

Một buổi sáng, tiếng chân người, tiếng vó ngựa vang ở ngoài ngõ. Nhân Trục biết rằng quân lính nhà Hồ đã đến. Người lão bộc bước vào:

– Thưa ông có Định Công tới.

Định Công bước vào thấy Nhân Trục đang ngồi ngay nơi trường kỷ. Một băng vải còn bịt ngang qua hai mắt thì ngạc nhiên kêu lên:

- Thừa tiên sinh, việc gì đã xảy ra?
- Định Công không thấy sao? Tôi mù rồi.

Im lặng một lúc:

– Tôi vâng lệnh Đức Vua tới đón tiên sinh vào triều...

– Xin Định Công về triều tâu lại với Đức Vua, tôi trước đây có hẹn sẽ vào kinh... khốn nỗi nay mắt tôi không còn nhìn thấy gì phỏng đâu cần phải vào triều làm gì nữa?

Trước thực tế, Định Công không biết phải làm sao, ngồi lại uống hết chén trà, nhìn lên vách không thấy còn những bức tranh cũ nữa rồi nhìn vào Nhân Trục đang ngồi trước mặt như một pho tượng. Định Công đứng lên cáo biệt. Nghe tiếng chào, Nhân Trục ngồi im chỉ đưa tay lên vái.

Định Công trở về bái yết Hán Thương và tâu lên mọi sự việc. Họ Hồ bán tín bán nghi.

– Ông có chắc là Nhân Trục mù không? Và tại sao bỗng nhiên lại mù?

Định Công lúng túng không biết trả lời sao, nhớ lại lời viên phủ quan Nga Lạc: Nhân Trục không muốn vào triều.

– Nhân Trục không nói và hạ thần cũng không tiện hỏi, nhưng quả thật thấy đôi mắt bị bịt lại bằng một giải lụa và ngồi yên một chỗ.

Một vị quan đứng hầu Hán Thương nói:

– Có thể Nhân Trục lấy cớ mù để không tới cửa khuyết. Nay Bệ hạ cho quan quân tới đưa về kinh nói là để chữa bệnh cho, rồi gọi thái y coi tất rõ sự tình.

Hán Thương nghe theo truyền lệnh cho Định Công mang theo quân lính và xe tới. Nhân Trục biết vua Hồ không tin, nhưng nay mắt đã mù rồi nên mặc áo, đội khăn lên xe vào triều. Khi tới kinh đô Nhân Trục được đưa tới một biệt xá và quan thái y đã khám mắt cho Nhân Trục, sau khi coi kỹ, quan thái y tâu lên:

– Quả là mắt Nhân Trục đã bị hư không còn nhìn được. Có điều đây không phải tại bệnh mà do bị một vật cứng gây ra.

Hán Thương mang câu chuyện của Nhân Trục ra nói với Quý Ly, Quý Ly giọng gay gắt:

– Cho quân chém đầu nó đi...

– Nhưng ông ta đã mù rồi...

– Nhưng hấn chọc mắt cho mù là để chống lại lệnh vua.

Thái độ cương quyết của Quý Ly khiến cho Hán Thương và cả Nguyên Trừng đứng đó đều lo sợ. Nguyên Trừng nói:

– Con vẫn không hiểu chúng ta đã làm gì để nhiều danh sĩ trốn đi không chịu hợp tác? Và lòng dân thì phân tán không quy về một mối.

Quý Ly nói:

– Cuối tiền triều kỷ cương hư nát, loạn lạc khắp nơi, dân tình đói khổ, hoàng thân quốc thích, quan trường thư lại thu gom của cải, hưởng

lạc, khiến dân nhìn lên không còn biết tin ai. Nay chúng ta phải chịu hậu quả của sự mất lòng tin ấy. Hình như chỉ trước những hăm dọa về sự tồn vong thì người dân mới nhìn thấy cái xa mà quên những cái gần. Còn thì ngược lại, không phải ở thời chúng ta mới có, họ chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, họ dễ bị lường gạt bởi những lời hoa mỹ, họ mong có bát cơm đầy mà lại thích làm ít. Để chặn dất dân cho vào nền nếp không thể không dùng đến vạc dầu, cọp dữ. Để dân chăm chỉ làm ăn không thể không dùng tới sai nha roi vọt. Để thực hiện những công trình to lớn có lợi cho nước, có ích cho dân không thể không dùng chế độ lao dịch nghiêm ngặt. Để không còn những tin đồn nhảm, bàn ra tán vào lung lạc lòng dân không thể không dùng kiểm sát mà lấy đầu những kẻ chống đối, nổi loạn... Nếu cứ mãi lo về việc mất lòng dân thì chẳng thể cầm được quyền, thực hiện được chí hướng, hoài bão. Suốt trong lịch sử có kẻ nào tay không, với lòng nhân đức mà có thể dựng được nghiệp? Có kẻ nào lên ngôi mà không dùng tới những mưu mô, thủ đoạn? Nhân nghĩa nhiều khi chỉ là lá chắn,

cái mặt ngoài của đao kiếm hung bạo. Nhưng với những minh quân thì đao kiếm, mưu mô chỉ là nhất thời. Muốn lâu dài phải nhớ đến vun bồi nhân nghĩa, trung thực. Với những kẻ ác, những kẻ chỉ nghĩ đến mình thì muôn đời nhân nghĩa đồng nghĩa với đối trá. Được lòng dân hay mất lòng dân không phải là điều để bàn lúc này...

Nguyên Trùng nói:

– Đánh giặc con không sợ, nhưng chỉ sợ lòng dân không theo.

– Hành động chứ không chỉ nói suông và ngồi chờ.

Quý Ly bỏ đi, Hán Thương đứng lại với Nguyên Trùng nhưng cả hai không nhắc tới chuyện Nhân Trục nữa. Qua đêm Hán Thương cho gọi Định Công tới bảo:

– Hãy lấy vài kẻ tâm phúc đưa Nhân Trục về quê. Bảo với ông ta: vì tiếc cái tài mà tha cho khỏi chết chém đó thôi.

Đưa Nhân Trục về tới nhà cũ, Định Công nói lại lời của Hán Thương cho Nhân Trục nghe. Nhân Trục nói:

– Đa tạ quan nhân, nhưng với tôi: kẻ có tài mà làm gì ở vào một thời như thế này...

Hồ Quý Ly thỉnh thoảng nhìn lại tấm tranh của Nhân Trục treo trên vách lòng vẫn băng khuâng không quên được người họa sĩ đó. Nhưng khi nhìn thấy những chân dung của chính mình do những kẻ tự cho mình là họa sĩ vẽ thì không khỏi bức bối. Quý Ly gọi Hán Thương đến bảo:

– Hãy đuổi hết những tên thợ vẽ ra khỏi kinh đô, tất cả những thứ này hãy đốt hết đi.

Hán Thương ngạc nhiên nói:

– Trong cả trăm bức vẽ đây chẳng lẽ không có lấy một bức, nếu không được hết thì cũng bảy tám... Con nghĩ nên giữ lại cho hậu thế...

Quý Ly quắc mắt:

– Có chắc hậu thế nó quý những thứ này?

Bao nhiêu người lúc sống chỉ mong lúc chết có nắm mồ yên còn không được. Có kẻ chết không toàn thây, kẻ chết vùi chết dập bên đường, mồ mả còn chả chắc được trăm năm. Hãy nhìn xem: bao nhiêu lăng mộ đã bị đào bới, bao kẻ bị quật mồ... Ta chẳng muốn sau này chân dung ta bị bôi bẩn, bị dày đạp, bị vất vào chỗ dơ bẩn. Sông còn cạn, núi còn mòn như vậy lăng mộ nào tồn tại được trăm năm? Cái vô hình của nhân phẩm, tài ba, công đức thì có thể tồn tại lâu dài được. Hãy xem như cả 18 đời vua Hùng, Hai Bà Trưng thì lăng mộ ở đâu, nhưng danh tiếng thì làm sao mất đi được. Nay chúng ta xây dựng đất nước, trong còn chưa yên, ngoài giặc đang chờ chục hăm dọa hàng ngày, biết chúng ta có tồn tại được không mà nghĩ tới những cái viễn vông mà làm gì? Hãy nhìn vào cái trước mắt.

Quý Ly sai mang hết những bức tranh vẽ chân dung mình chất cao thành đống nơi sân triều rồi tự tay châm lửa đốt. Gió thổi tàn giấy bay tứ tung như khung cảnh một ngày Trung nguyên người ta đốt vàng mã nơi sân chùa sau khi cúng cô hồn.

Có vị quan chứng kiến cảnh đốt tranh về nhà thu gom tư trang tìm đường rời kinh đô, người trong nhà hỏi tại sao. Vị quan nói:

– Nhà Hồ sắp hết rồi...

Từ cuối thời Trần quân Minh đã ngấp nghé nơi biên cương, sau khi nhà Hồ cướp được ngôi nhà Minh, đã sai Chu Năng làm tổng binh đeo ấn chinh di tướng quân tiến về biên giới làm bằng văn kể tội họ Hồ, rêu rao tìm người họ Trần cho khôi phục lại Vương triều nhưng mới tới Quảng Tây, Chu Năng bị bệnh chết.

Tới năm Bính Tuất, Khai Đại năm thứ tư, tướng Minh là Trần Trung đưa Trần Vương là Thiêm Bình vượt biên giới, quân Minh bị vây đánh thua phải đổi Trần Thiêm Bình để lấy tù binh và đường rút quân. Cuối năm nhà Minh lại sai đám Trương Phụ, Mộc Thạnh lãnh 80 ngàn binh kéo vào nước Nam.

Họ Hồ kêu gọi dân chúng tiêu khổ kháng chiến, có lúc đã đánh lùi được giặc, nhưng tướng Minh ra lệnh cho quân: kẻ nào lùi thì bị chém

đầu ngay tại trận, quân lính sợ chết phải tiến lên mới có hy vọng sống sót. Nhờ đó thế giặc mạnh chiếm lấy Việt Trì, vượt qua bãi Mộc Hoàn, hạ thành Đa Bang xác chết chất cao ngang với mặt thành. Quân Minh chiếm lấy Đông Đô, cha con họ Hồ phải đem quân chạy về Thanh Hóa.

Tháng 11 quân Minh tiến vào Vĩnh Ninh, Hồ Quý Ly bị bắt ở Chỉ Chi, Nguyên Trừng chạy tới cửa Kỳ La, Hán Thương cùng con chạy vào núi Cao Vọng đều bị quân Minh bắt sống.

Quân Minh đi đến đâu vơ vét của cải đến đó. Các tàng thư trong cung điện, sách của tư gia, kinh Phật trong chùa quân Minh cũng được lệnh lấy hết. Khi quân Minh thấy một tờ giấy có chữ cũng đều nhặt đi, đốt cháy hoặc xé bỏ...

Trương Phụ bước chân vào cung điện nhà Hồ, nơi Quý Ly thường làm việc để lấy các báu vật thì ngạc nhiên thấy một bức tranh lớn vẽ núi. Ở đâu ra một tấm tranh lạ như thế? Thoạt đầu Trương Phụ nghĩ tới những tranh của các danh họa phương Bắc, nhưng khi nhìn vào lạc

khoản thì mới vỡ ra đó chỉ là tác phẩm của một người bản địa. Bức tranh vẽ núi được cuộn lại một cách cẩn thận để bên những phẩm vật quý giá khác mà Trương Phụ dự tính đích thân dâng lên Minh Thành Tổ để dâng công. Không những chỉ lấy tranh, Trương Phụ còn tìm các cận thân, những quan ở trong Triều còn sót lại để truy tìm Nhân Trục, nhưng tất cả những người này đều không rõ. Chỉ có một vị quan Cung Phụng của triều đình trước đây nói rằng: Hán Thương đưa bức tranh này về sau một chuyến đi săn...

Lúc này cha con họ Hồ đã bị đưa về Kim Lăng nên Trương Phụ không thể hỏi thêm gì được.

Ngoài kho tàng, báu vật, kinh sách, ngựa voi... Trương Phụ còn cho truy tìm những người không phục nhà Hồ đi ở ẩn cùng những thiếu niên thanh tú, khỏe mạnh, hoặc có tài đặc biệt đều bị thiến đưa qua Tàu. Cùng bị đưa về Kim Lăng còn có những người thợ giỏi của các nghề truyền thống như chạm khắc, làm gốm, đúc đồng, đóng thuyền... cho tới những thầy lang giỏi, những cao tăng tinh thông kinh Phật, những người viết chữ

đẹp, bầy chim có nghề. Nghĩa là tất cả những tinh hoa của một xã hội.

Tệ hại hơn nữa quân Minh còn ruồng bắt những thiếu nữ xinh đẹp mang sang làm thiếp hoặc bắt làm nghề xoa bóp, đây là điều mà từ cuối đời Trần, nhà Minh đã bắt triều đình phải giao nộp. Cho nên người Nam phải mang con cái đi trốn, nhiều người giỏi phải lên núi, vào rừng. Có khi sống trà trộn với những dân tộc thiểu số để thoát thân. Người Nam còn phải lên rừng thiêng săn gà voi, xuống biển sâu mò ngọc trai hết sức cơ cực.

Chuông đồng, khánh đá, trống đồng, tượng Phật, bia đá cũng bị tịch thu hoặc phá bỏ. Những giống cây ăn trái ngon, những cây thuốc cũng bị bứng gốc mang đi, nhiều vùng bị đào bới để lấy vàng bạc, đá quý...

Khi trở lại Kim Lăng sau khi thôn tính nước Nam, Trương Phụ cùng những tướng tá tháp tùng đã tâu lên vua Minh những thành quả đã đạt được của cuộc viễn chinh: đất Giao chỉ đã ở dưới ách đô hộ của phương Bắc. Trương Phụ

118 | Dương Nghiễm Mậu

dâng tẩm bản đồ gồm 48 phủ, châu, 168 huyện với 3 triệu hộ dân, cùng hàng trăm thớt voi, hàng ngàn ngựa chiến, mấy vạn xe lương cùng vô số trâu bò. Danh mục những của cải châu báu phải hàng năm trời mới kiểm kê hết. Để lấy lòng vua Minh Thành Tổ vốn là người ưa thích sách quý, tranh tượng, ngọc thạch... Trương Phụ tự tay lấy tẩm tranh vẽ núi mở ra dâng lên vua.

Minh Thành Tổ nhìn thoáng qua tẩm tranh đã ngạc nhiên vội đứng lên khỏi ngai vàng, tiến tới trước tẩm tranh ngắm nhìn chăm chú say sưa. Trương Phụ tâu:

– Đây là tranh của ẩn sĩ sống ở vùng Ngàn Hồng đất Giao Chỉ, tranh được treo nơi điện của Hồ Quý Ly. Đất Giao Chỉ mà có kẻ cầm bút vẽ được những nét thần kỳ như thế, thật lạ. Màu sắc trong tranh cũng chưa từng thấy trong tranh từ đời chiến quốc đến triều ta.

Minh Thành Tổ coi tranh không rời mắt rồi cho treo tranh ở nơi trang trọng nhất trong cung vua. Vua Minh ban thưởng cho Trương Phụ rồi nói:

– Công của nhà người rất lớn, triệt một dân tộc chính là triệt cái truyền thống tinh hoa của nó. Chỉ riêng tranh, kinh sách đã là vô giá rồi. Cả ngàn năm sau dân Giao Chỉ cũng không thể tìm lại được những gì đã mất. Phải triệt cái tinh hoa của bọn man di chúng ta mới có thể giữ được ngôi bá chủ.

Nói xong Minh Thành Tổ quay sang nói với quan Tể tướng đang đứng ở bên:

– Ra lệnh cho tất cả họa sĩ trong nước ngày mai hãy vào cung mà học lấy những tinh hoa của nhà danh họa này.

Khi bức tranh được treo lên, các quan trong triều xúm lại coi, ai cũng ngạc nhiên, một bức tranh mà họ chưa từng được nhìn thấy bao giờ. Cũng là núi, cũng là mây, là cây cỏ, những khe suối... nhưng tất cả là một núi, một khe, một suối, một bầu trời khác.

Ngày hôm sau những họa sĩ ở kinh đô lần lượt vào coi tranh, một chiến lợi phẩm vô giá của quân Minh.

Minh Thành Tổ vốn trân trọng với những người tài trong nước nên đích thân dẫn Vương Hoạt Đại và Khổng Tế, hai họa sĩ hàng đầu của triều Minh, tới coi bức vẽ núi. Chỉ sau một đêm mà trước mắt Minh Thành Tổ tranh như đã đổi khác phần nào, màu tranh như đã lợt đi. Thấy tranh, hai danh họa của triều đình phải gật gù khâm phục với những lời tán tụng đối với người vẽ. Họa sĩ Khổng Tế nói với vua Minh:

– Nét tài hoa kỳ lạ này không thể học mà có được, kẻ thường nhân làm sao với tới.

Nghe nói, Minh Thành Tổ im lặng nhìn tranh, khuôn mặt như chảy ra vì buồn. Vua Minh lặng lẽ đứng trước tranh như không muốn rời đi. Mấy ngày sau, các họa sĩ, ở những nơi xa mới về kinh đô coi tranh, nhưng trước mặt họ bức tranh đã gần như một tờ giấy trắng, nét đã mờ, màu đã bay. Các họa sĩ tưởng nhà vua có ý đánh đổ điều gì.

Nghe nói, Minh Thành Tổ tới coi thì ngạc nhiên khôn xiết. Trên nền giấy gió ngà ngà chỉ còn lờ mờ những nét núi đậm nhất khi trước, bây

giờ phải nhìn lâu và gần mới nhận ra, và chừng như nó đang biến mất từng phút. Vua Minh cầm bút lông nhúng vào nghiên mực rồi thử tô lại vào một nét vẽ, đầu bút vừa chạm mặt giấy, mực đã loang nhanh ra nhòe nhoẹt cả một mảng rộng.

Vua Minh cho triệu những nhà bác học của triều đình lại giao cho việc tìm hiểu xem đây có phải là một bức tranh vẽ không hay là một trò ma thuật. Sau khi nghiên cứu, thí nghiệm từng tờ giấy, góc tranh tới lớp bụi mỏng, các nhà bác học kết luận: tranh đã được vẽ bằng những màu sắc tự nhiên ở nơi bản địa mà người vẽ sống. Khi mang ra khỏi đó, với điều kiện tự nhiên đổi khác như nắng gió, nóng lạnh, khung cảnh, ánh sáng, nhất là khí hậu phương Bắc nhiều hơi nước thì những màu trên tranh hoặc biến đổi hoặc mất đi.

Nhìn tấm tranh mình yêu thích nay chỉ còn là tờ giấy ngà ngà khiến Minh Thành Tổ không khỏi ngẩn ngơ tiếc nuối. Cảm giác như tình cờ được gặp mặt giai nhân, nhưng ngay đó nàng đã biến đi chỉ còn để lại hương thơm thoang thoảng kỳ diệu... Họa sĩ Vương Hoạt Đại nói:

– Không lẽ trong đời người họa sĩ ấy chỉ vẽ có một bức tranh?

Họa sĩ Khổng Tề thêm:

– Chưa chừng ông ta còn sống nữa là khác. Hạ thần xin được qua Giao Chỉ trước hết là tìm tranh, sau là tìm tung tích người họa sĩ. Lại nữa ngoài bức tranh do Trương Tướng công mang về, đất Giao Chỉ chắc còn những tác phẩm giá trị khác, và cả những họa sĩ tài giỏi.

Trương Phụ được gọi đến trình bày về lai lịch bức tranh, về người vẽ, cảnh huống. Phụ tường thuật những gì được biết. Sau đó cho gọi Hồ Hán Thương đến. Lúc này cha con họ Hồ đã được đưa tới sống ở Kim Lăng, sau khi dâng trình gia phả Quý Ly tâu:

– Hạ thần là người Triết Giang, tổ tiên rời sang Giao Chỉ mới được bảy đời không thuộc giòng giống man di Giao Chỉ.

Sau khi vua nhà Minh xét thấy đúng nên gia đình họ Hồ không ai bị thiến, riêng Nguyên Trùng có biệt tài về nghề đúc kim khí nên được

trọng dụng với hy vọng đúc được súng thần công cho nhà Minh.

Khi được gọi đến, Hán Thương không rõ chuyện gì nên rất sợ hãi. Trương Phụ hỏi về bức tranh vẽ núi, về người vẽ.

– Nhà người nghĩ liệu người họa sĩ ấy có còn sống?

– Qua những năm loạn lạc thì không biết thế nào, nhưng lúc ông ta được dẫn vào kinh thì chính tiệp hạ đã sai một quan cung phụng của triều đình đưa ông ta về tận nhà ở Ngàn Hồng.

Nghĩ ngợi một lúc Trương Phụ hỏi:

– Có phải ông ta tự chọc mù đôi mắt vì không muốn phải nhìn thấy cha con nhà người không?

– Tiệp hạ được thái y cho biết ông ta bị mù vì có một vật nhọn chọc vào mắt. Còn những điều khác thì tiệp hạ không rõ. Chỉ biết rằng khi còn họ Trần ông ta có vẽ tranh cho triều đình sau đó vào núi ở ẩn...

– Nghe nói cha người bảo chém ông ta sao mi không nghe?

– Tiện hạ thấy ông ta là người có tài, có lẽ hiểu lắm chính sách của đương triều. Hy vọng...

Hồ Hán Thương giật mình ngừng lại. Khổng Tề cắt đứt câu chuyện:

– Như vậy, hy vọng ông ta còn sống ở đâu đó.

Minh Thành Tổ nghe theo ý kiến của Khổng Tề, tập hợp mấy vị quan triều đình có hiểu biết về hội họa, hoặc giỏi vẽ giao cho Trương Phụ đưa sang Giao Chỉ. Trước hết sử dụng guồng máy cai trị của quân Minh ở Giao Chỉ truy tìm xem còn một bức tranh nào của Nhân Trục không, sau là tìm tông tích người họa sĩ. Mệnh lệnh cũng được ban ra cho Hoàng Ngũ Phúc lúc đó đang lo việc cai trị ở Giao Chỉ.

Quan quân nhà Minh do Trương Phụ dẫn đầu lên đường đi ngay Giao Chỉ. Khi tới Đông Đô, Trương Phụ ra lệnh cho quân lính phải hết lòng tìm kiếm theo như Minh Thành Tổ mong muốn. Quân Minh ra lệnh xuống dân gian: tất

cả tranh trong nhà phải giao nộp cho quan sở tại, kẻ nào dấu giếm sẽ bị nghiêm trị, cùng lúc quân lính đi khắp hang cùng ngõ hẻm tìm kiếm. Có một số lính Minh được những tên Nam gian dẫn đường thường tự tiện xông vào nhà dân một cách thô bạo để tìm kiếm, lục lọi quấy nhiễu. Có chân dung người quá cổ, tranh vẽ tam sơn nơi bàn thờ cũng bị lấy đi.

Ngay ở đình miếu, chùa chiền quân Minh cũng xông vào mang đi tranh tượng Phật, tranh vẽ cạp, rồng phượng, công chúa, các bà tiên, thánh mẫu... Tại vùng Kinh Bắc, quân Minh vào những làng chuyên làm tranh Tết lấy hết những tranh đã in. Với lệnh trên không rõ ràng, quân lính cứ thấy cái gì có hình vẽ là tự tiện lấy đi, cuối cùng các tranh đủ loại tịch thu về chất cao từng đống.

Khổng Tế cùng những người biết về hội họa phải mất một thời gian dài mới lục lọi hết những gì đã thu giữ, nhưng họ thất vọng vì không tìm thấy một bức tranh nào của Nhân Trục. Tuy nhiên họ được dịp biết đến những tranh khắc

gỗ. Khổng Tề lấy làm hài lòng với khám phá mới này với hy vọng truyền nghề cho những người ở phương Bắc, có lẽ đó là điều an ủi cho họ sau bao nhiêu công khó. Tranh khắc gà, lợn, trâu, cá, voi, ngựa, tổ nữ, trẻ thơ bên những tranh vẽ nếp sinh hoạt như hội hè, làm ruộng... các họa sĩ ghi lại một cách sắc xảo linh động tuyệt hảo: nét khắc mạnh mẽ, màu sắc tươi vui. Đặc biệt là tranh vẽ những nhân vật lịch sử lỗi lạc như Trưng Nữ Vương, Ngô Vương, Triệu nữ vương... tất cả đều đầy vẻ oai phong凛冽, tỏ rõ tinh thần yêu nước của người làm tranh.

Quan quân nhà Minh thấy những tranh này thì vô cùng tức giận, chúng ra lệnh tiêu hủy tất cả, những bản khắc gỗ bị gom lại chẻ ra trước khi bị đốt cháy. Một số thợ vẽ, thợ khắc bị bắt đưa sang Tàu cùng với những người tài giỏi khác.

Sau khi lục lọi cùng khắp ở Đông Đô cho tới các thị tứ, làng mạc khắp đồng bằng sông Nhĩ Hà, quan quân nhà Minh không tìm thấy được một bức tranh nhỏ, hay một tin tức nào về Nhân Trục. Họ tiếp tục đi xuống phía Nam. Khi

tới trấn Thanh Hóa, Khổng Tế nhìn lên khung cảnh núi non vùng Ngàn Hồng thì nhận ra rằng: chính khung cảnh này ở trong tranh Nhân Trục... những núi rừng, cỏ hoa, khe suối có sức sống, có tâm sự của người yêu quý nó.

Vào một ngày đang từ làng này sang làng khác, ngang qua một ngôi chùa cổ lớn ở đầu một làng quê Khổng Tế ngạc nhiên thấy nơi bức tường của cửa tam quan là một bức vẽ lớn, mới thoạt nhìn tưởng như bức tường bị vẽ bậy bạ của đám mục đồng, nhưng tới gần thì rõ đây là một bức tranh sơn thủy. Tranh được vẽ bằng than củi, gạch non nhiều chỗ được cạ đi cạ lại nhiều lần... Khổng Tế thấy rõ đây chính là dấu tích của người họa sĩ mình đang tìm kiếm. Khổng Tế cho gọi những người sống ở gần đấy tới hỏi: đã thấy ai vẽ trên tường này. Có người nói không để ý. Có người nói trước đây có một người mù thỉnh thoảng qua đây và nghỉ lại ở tam quan, nhưng chỉ thấy ông ta ngủ, hoặc hát nghêu ngao không rõ hát gì. Như chợt nhớ ra điều gì, một người nói: chắc hỏi vị sư trong chùa sẽ rõ.

Lúc ấy chiều đang xuống, tiếng chuông thu không đang thả từng tiếng vào không gian bao la. Vị sư già đang bận khóa lễ nên Khổng Tể ngăn không cho quân lính xông vào mà đợi cho khóa lễ tất...

Trên con đường đất, một chiếc xe trâu đang từ ngoài cánh đồng đi vào, tiếng bánh xe khua động khô khan, những âm thanh ngắt quãng cùng tiếng hát khê khà ầm đục:

*Kẻ khôn lo âu bốn chôn, kẻ khéo miệt mài râu
rĩ*

Không cầu gì là kẻ vô tài, không của cải

Vỗ bụng mà rong chơi

Con thuyền rồng lững lờ trên dòng

Phương đông không cùng mà có chân

Sớm nay qua sông mà đêm qua đã tới bến

Mặt trời chưa đứng bóng đã xế chiều

Muôn vật đang sống đã chết

Này người ơi, người về phương nao...

Khổng Tề đến bên xe trâu thấy một ông già đang hát, hai mắt nhắm nghiền thì nghĩ ngay tới người họa sĩ vẽ tranh núi: hay ông ta đây? Khổng Tề cất tiếng gọi. Người ngồi trên xe trâu giật mình mở mắt như vừa bị ra khỏi giấc ngủ. Khổng Tề thấy vậy thì thất vọng bỏ đi. Ông già ngạc nhiên giây lát cũng quất roi cho trâu đi tiếp, tiếng hát nghêu ngao lại bắt đầu, giọng ề à âm điệu của một bài sớ cầu hồn, nó nhẹ nhàng buồn chán băng quơ... Khóa lễ chiều đã tắt, Khổng Tề cho lính vào mời vị sư trụ trì ra hỏi chuyện.

Sau khi nghe hỏi về bức vẽ trên tường tam quan, về một người mù nào đó. Vị sư già cho biết:

– Hồi trước có một người đàn ông mù thỉnh thoảng qua đây, mới đầu tôi tưởng đó là một người hành khất, nhưng ông ta không xin gì chỉ tới nằm nghỉ ở tam quan mà thôi, hình như ông ấy cả ngày rong ruổi, nên nhớ thuộc lòng những lối đi, chỗ nghỉ chân. Có lần tôi thấy ông ta lấy than củi vẽ lên tường. Tôi nói với ông ta: đừng làm bẩn tường nơi cửa chùa. Nghe tôi nói, ông ta thôi không vẽ nữa. Có thời gian ngày nào tôi

130 | Dương Nghiễm Mậu

cũng thấy ông ta, sau đó không thấy bóng dáng ông ta đâu nữa. Khi đó, ông ta đã vẽ đầy kín cả bức tường lúc nào tôi không hay. Mới đầu tôi tính cho quét vôi cho sạch nhưng nhìn vào thấy bức vẽ rất hay, lại là do một người mù vẽ phong cảnh nên giữ nguyên. Ông ta vẽ đâu ra đấy, núi ngọn cao ngọn thấp khác nhau, lại như xa gần nữa... Làm sao mù mà lại vẽ được? Chỉ có một chi tiết mà tôi cho là đáng cười nhất có một cây cổ thụ được vẽ lủng lợ giữa trời. Chắc là mãi khi lớn tuổi rồi ông ta mới mù. Cảnh trong tranh đã có trong trí nhớ ông ta... Bức tường vôi bỗng trở thành một bức tranh sơn thủy kỳ lạ nhất chưa nơi nào có, tranh lại chỉ được vẽ bằng than củi và gạch non... Từ đó tới nay tôi không còn thấy ông ta... Một người làm than nói:

– Sau này có lần tôi đi lấy củi có gặp ông nơi hẻm núi...

Qua hướng dẫn của một người đốt than trong rừng, quân Minh túa vào Ngàn Hống tìm dấu vết người mù, họ tìm được ngôi nhà xưa Nhân Trục ở nay không còn ai, tất cả đều lạnh

lẽo hoang vắng, nhưng qua những phẩm vật thu lượm được như bút vẽ, nghiên màu họ biết chắc người ở đây phải là họa sĩ. Nhìn lên Ngàn Hồng núi non trùng điệp, Khổng Tề buồn rầu thất vọng kêu quân lính trở về. Một tên tướng Minh nói:

– Biết đâu ông ta không còn ở trong núi sâu?

Khổng Tề nghe lời liền cho quân sỹ vào sâu hơn nữa, mấy ngày trời gian khổ nhưng chẳng có dấu vết gì, chung quanh chỉ toàn đá với rừng cây không có một dấu chân người. Quân lính mệt nhọc vì chuyển tìm kiếm cực nhọc mà chẳng được kết quả gì, bức tức họ nổi lửa đốt ngôi nhà trong núi, đốt cả rừng cây chung quanh, chẳng mấy chốc lửa bốc cao, lan rộng cả một vùng, khói lửa ngút một phương. Chim muông hàng ngàn con bay rợp một góc trời tìm đường thoát thân. Dưới đất hổ báo gầm rú tháo chạy, chúng gặp lính thì xông tới tấn công khiến nhiều người mất mạng.

Quay lại đường cũ, trở về ngôi chùa cổ, sau khi coi lại bức tường vẽ tranh, Khổng Tề quyết

định cho mang bức tường về Tàu để mong làm vui lòng Minh Thành Tổ.

Khi Khổng Tế báo cho Trương Phụ biết quyết định này thì ông ta hết sức phân vân, nhưng nghĩ việc có thể bị quở trách thì Trương Phụ đồng ý cho tiến hành.

Trương Phụ định cho phá bỏ hết cửa tam quan, cố gắng giữ bức tường có vẽ cho nguyên vẹn, nhưng Khổng Tế ngăn lại, là một họa sĩ ông thấy không thể làm như thế. Trước hết ông nói rõ ý muốn của mình với vị sử trụ trì, cam kết sau khi lấy bức tường có bức vẽ đi, cửa tam quan sẽ được xây dựng lại như cũ. Trước quân Minh vị sử già cũng đành chịu, cho dù cũng rất thích có bức tranh tường đó.

Quân Minh bắt đầu gỡ bỏ những phần của tam quan liên hệ với bức tường, từng viên ngói, từng cục gạch được lấy ra, công việc tiến hành từng bước nhỏ đầy cẩn trọng. Bức tường với những nét than củi, gạch non, nhiều chỗ đã rêu phong sứt sọ bỗng trở thành một báu vật vô giá. Trước khi đào xuống chân móng cả bức tường đã

được bao trong nhiều lớp lụa mềm, ngoài dùng gỗ tạo thành như một cái hộp nhằm giữ chặt lấy bức tường gạch. Một cỗ xe bằng gỗ được chế tác đặc biệt giúp đỡ bức tường nằm lên trên. Phải mất gần tháng trời mới xong, công việc hoàn toàn do quân Minh thực hiện, người dân ở chung quanh tới gần coi cũng không được.

Bức tường lớn nằm ngang ra khiến không thể đi trên con đường nhỏ hẹp. Lập tức quân Minh bắt dân chúng địa phương ngày đêm mở rộng đường. Những cỗ thụ nhiều đời bị đốn chặt, nhiều nhà cửa bị phá bỏ. Đường mở tới đâu được làm bằng phẳng tới đó hướng về bờ sông Lam.

Sông Lam mùa khô nước cạn, hai bờ đê cao hẳn lên so với mặt nước. Dân chúng phải gánh đất đổ xuống ven sông để làm con đường dốc thoải, cây rừng được hạ xuống từ đầu nguồn thả đầy kín mặt nước nối kết với nhau thành một chiếc phà lớn chưa từng thấy. Mới đầu quân Minh huy động cả ngàn binh lính tới thử khiêng bức tường, nhưng bức tường quá nặng, sự di chuyển cho thấy khó an toàn hơn là để nguyên xe cho

bức tường qua sông. Cỗ xe được đưa tới, nhiều dây thừng đã được cột vào xe cho binh lính giữ, những sợi dây này sẽ giúp cho xe xuống dốc an toàn.

Cỗ xe được đẩy tới vừa kề mép sông, đất mềm lún xuống, cỗ xe đổ đường dốc lao đi không gì trì cản được. Quân lính giữ những dây thừng cũng bị sức nặng của xe kéo theo. Tới giữa khoảng dốc xe chống ngược hất bức tường trên xe ra ngoài vỡ tan từng mảnh bắn tung tóe.

Khổng Tế và Trương Phụ trên bờ đê cao nhìn thấy cảnh tượng bất ngờ diễn ra chỉ trong giây phút. Bao nhiêu công sức của quân Minh đã theo những mảnh vụn đổ xuống dòng sông Lam. Khổng Tế buồn bã nói Phụ đang đứng như trời trồng ở bên:

– Có những cái của dân Giao Chỉ chúng ta chẳng bao giờ có thể lấy đi được.

Con đường nối ngôi cổ tự có bức tường tra-nh tới bờ sông Lam từ đó trở nên rộng đẹp, bằng phẳng, là đường cái quan nổi tiếng. Dân chúng

trong vùng gọi là Lộ Đường Tranh. Sau này không hiểu từ đâu Lộ Đường Tranh trở thành đường Hương Chanh dễ nghe, dễ gọi. Có thể do tiếng nói của dân địa phương khó nghe, có thể sau này trồng nhiều chanh, và nhất là sự tích của con đường xưa không ai biết tới...

Nay ở Ngàn Hống vẫn còn con đường đó.

THỦY ĐẠO LAN

Để chung trà xuống chiếc khay hoàng thạch, chủ nhân châm điếu thuốc đầu tiên trong ngày rồi thả người ra lưng ghế. Một ngày đã khởi đầu. Hương trầm nhẹ trong không khí. Hàng dậu thấp, xa mờ trong sương đục... Những hòn non bộ, những chậu hoa, những khóm trúc, không một tiếng chim... tất cả lặng lẽ. Có tiếng động từ cổng vườn, chăm chú một lúc chủ nhân nhận ra dáng một người đứng phía ngoài, ông đứng lên, bước ra. Một khách lạ khoác áo lạnh, tay bưng một chậu hoa nhỏ đưa về phía chủ nhân. Người khách còn trẻ nói:

– Có người thấy ông yêu hoa nên nhờ tôi mang tới tặng chậu thủy đạo lan này.

– Ông ấy là ai vậy?

– Đó là người bạn từng học đánh kiếm với ông ngày xưa...

Nói hết câu người lạ nghiêng mình chào rồi quay lưng bước đi không để lại một tiếng động. Thủy đạo lan? Một người bạn học đánh kiếm... Phải, có một thời như thế. Nhưng gốc lan lạ này ta chưa bao giờ nghe đến. Nhìn con đường trước mặt không còn bóng người khách lạ. Trở vào trong trên lối đi trải sỏi trắng, chủ nhân mang chậu thủy đạo lan để trên chiếc đôn nơi góc vườn. Khóm lan được trồng trong chiếc chậu đất nung màu gan gà, loại chậu chỉ có ở đất Đông Ty. Lốp đất đỏ, những lá lan đậm thẳm lên như những mũi đao, cạnh và đầu lá sắc, nhọn. Quả có giống hoa: thủy đạo lan?

Sau bao nhiêu ngày tháng bươn chải nơi chợ đời, về già tuy còn tráng kiện, chủ nhân của khu vườn cây cảnh này đã lui hẩn về với thú vui riêng của mình, dù vậy ông vẫn không từ bỏ óc kinh doanh: vừa chơi, vừa buôn bán. Ông chăm chút từng cánh hoa, nhẹ nhàng với từng cánh lá, ông

quen thuộc với từng loại ong, con kiến, con sâu, thứ nào của cây nào, thứ nào hại thứ nào lợi, thứ nào để mặc nó, thứ nào phải diệt đi. Nhìn chậu thủy đào lan, ông nhủ thầm: nó có thể cho ta những hương sắc đặc thù sao? Sao trông nó có vẻ tầm thường? Nó có thể vượt lên ngang hàng với những mặc lan, bạch ngọc, nhất điểm, tiêu kiều...

Đầu xuân nhiều khóm đã ra hoa. Những đào, mai, thược dược, hoàng cúc, thủy tiên... mỗi thứ một hương sắc. Thủy đào lan vẫn chỉ là những cánh lá xanh vươn thẳng chắc khỏe.

Giữa mùa xuân, hoa trong vườn đã vợi đi. Những chậu yên tử, mã vĩ, mặc lan, hoàng điệp... lần lượt đi theo chân khách. Một vài người hiếu kỳ trong lúc chọn hoa thấy chậu thủy đào lan thì hỏi về nó. Có người nói: những cánh lá như mũi kiếm, vậy hoa nó sẽ như thế nào, hoa tự nó đã là sự yếu đuối, dịu dàng...

Hình bóng người khách lạ lại đến với chủ nhân: một người bạn từng học đánh gươm ngày trước... một thời học đánh gươm... tất cả quá khứ

chập chờn hư ảo. Có một thời như thế?

Qua hè, cây cỏ bắt đầu héo úa sau một thời sinh sắc. Vào một chiều oi nồng: có một thanh niên vào thăm vườn cây. Chủ nhân nói:

– Đã qua mùa xuân.

Người thanh niên mỉm cười:

– Ông quả là một nghệ sỹ yêu thiên nhiên. Trời và người có những sắp xếp riêng, tại sao mình lại lệ thuộc vào thời gian, xuân hay hè là ở mình chứ?

Chủ nhân giọng nhẹ nhàng:

– Với cậu bây giờ là hè hay xuân?

Chợt người thanh niên ngừng lại và kêu lên vẻ thảng thốt:

– Thủy đào lan sao lại ở chốn này?

Chủ nhân bước tới và cảm nhận thấy một mùi hương thơm kỳ lạ, một hương thơm ma quái đầy hoang dại. Trước mặt họ chậu thủy đào lan

với những cánh hoa đỏ như lưỡi kiếm đâm máu chen giữa những ngọn lá xanh đậm.

– Đây là quà tặng của một người bạn cùng học đánh gươm với tôi hồi trẻ. Phải, nó là thủy đạo lan.

– Tôi đã từng thấy nó ở vùng Đông Tử, nó cho hoa theo một quy luật riêng. Phước cho ai và cũng họa cho ai được hưởng hương thơm và nhìn thấy màu đỏ máu trên cánh hoa. Chính là ma quỷ ở quanh đây...

Vừa nói người thanh niên vừa rút gươm ra khỏi vỏ, những đường gươm loang loáng, tiếng gió rít lạnh, chủ nhân cảm thấy như toàn thân tê liệt, trước mắt chỉ thấy những vệt sáng nháy lên nháy xuống không rõ hình dạng. Không biết thời gian ấy kéo dài trong bao lâu cho đến khi qua cơn choáng, chủ nhân không còn thấy người thanh niên, khu vườn đã bị bầm nát, không còn một ngọn cỏ cao quá gang tay, cơn bão kiếm đã san bằng tất cả. Không gian lặng đi, thời gian ngừng lại. Chủ nhân thấy mình như đang ở giữa hoang mạc. Nhìn chung quanh, chủ nhân giật

mình thấy chậu thủy đào lan vẫn ở nguyên chỗ cũ, những ngọn lá xanh những cánh hoa đỏ máu.

Mùa đông năm đó đến sớm cùng với cơn bão tuyết hung hãn, một lần nữa cỏ cây bị vùi dập, cả khu vườn nay không còn dấu tích nào cho thấy rằng trước đó có một hoa viên với kỳ hoa dị thảo. Duy ở góc vườn, chủ nhân thấy chậu thủy đào lan như hồi nào ông thấy: những ngọn lá xanh, những cánh hoa như lưỡi gươm đâm máu khỏe mạnh, cứng cáp. Ông bước tới, hai tay nhắc chậu hoa mang vào nhà để trên thư án, ông ngạc nhiên thấy nửa phần chậu đã không còn, chậu hoa như đã bị tiện ngang. Ông vuốt tay lên cánh lá cánh hoa... tất cả đã khô cứng như đá. Chủ nhân nhớ lại và rùng mình như nghe thấy tiếng gươm đao và những vệt sáng loang loáng ngày nào cùng người thanh niên với thanh kiếm trong tay và phảng phất hương thủy đào lan ma quái, hoang dã...

Cho tới ngày chủ nhân qua đời, người nhà thu xếp lại mọi thứ thấy chậu hoa bị tiện đứt trong khi những ngọn lá cánh hoa vẫn còn tươi

màu sắc, tất cả đã khô mà sắc diện vẫn như đang sống. Mọi người hỏi nhau nhưng chẳng ai biết đó là hoa gì, thật hay giả.

o O o

Khi đã qua tuổi năm mươi, một lần vào trong Mả Sách, mở cuốn U Quái Tản Truyện lần đầu trong đời thấy ghi về một tên hoa là Thủy Đào Lan. Bài thơ Khấp Thủy Đào Lan mà theo tác giả U Quái Tản Truyện do một cuồng sĩ khi chết xuống âm phủ vịnh một loài hoa ở dưới đó. Bài thơ như sau:

Mặt trời đỏ bêu trên mũi nhọn

Này bọn người sống lại làm ma quỷ

Có thấy không hương thủy đào

Nó làm thành mùa xuân ở cõi âm

Không kẻ nào có thể nhìn rõ mặt

Vì không một kẻ nào trông thấy mà còn sống.

HỒN QUÊ

hạch Nhạc là một thương buôn người Sơn Bắc, từ nhỏ đã phải xuôi ngược trên sông nước. Một hôm thuyền ghé Nam Trấn nghe thấy có người nói giọng quê mình thì vô ngay lấy:

– Có phải ông là người Sơn Bắc không?

Người kia ngạc nhiên nhìn rồi nói:

– Dạ phải.

Thạch Nhạc vui mừng khôn xiết vì đã quá lâu mới được gặp người cùng quê ở nơi đất khách liền kéo tay mời lên quán rượu ở bến sông:

– Đã nhiều năm tôi không được về quê, nghe giọng ông tôi thực bồi hồi.

Rượu được gọi lên, Thạch Nhạ nói về mình, cuộc sống trên sông nước và chỉ mong một ngày nào đó có được chút vốn liếng để trở về nhà:

– Bố mẹ tôi đã khuất núi, vì cuộc sống phải tha hương, còn hai người em ở quê không biết bây giờ chúng ra sao. Ông tới Nam Trấn từ bao giờ?

Người cùng quê gạt nước mắt nghẹn ngào, lúc sau mới nói:

– Như vậy chắc ông đã xa Sơn Bắc lâu rồi không biết những gì đã xảy ra ở đó.

Người cùng quê ngập ngừng không muốn nói tiếp.

Thạch Nhạ nói:

– Ông hãy nói chuyện quê nhà cho tôi nghe đi.

– Chả là mới đây giặc tràn xuống, mọi điều thay đổi, cuộc sống khổ cực, mọi người tứ tán tìm đường sống. Tôi cũng vậy. Ra đi, gian khổ

dọc đường người thân chết cả. Ở Nam Trấn này cũng có một số người Sơn Bắc chạy tới được. Tha phương cầu thực ai cũng chỉ mong có ngày trở về quê nhà.

Hết chén này đến chén khác, hai kẻ tha hương dù hoàn cảnh khác nhau nhưng câu chuyện về quê nhà như làm vơi đi bao nhiêu nỗi đau buồn. Họ tranh nhau nói về những con đường họ đã đi, những ngọn núi, những con sông, những di tích, thắng cảnh. Thạch Nhạc ngậm ngùi nói:

– Ấy ở trong Văn Chỉ có tấm bia đá ghi danh một cụ tổ mười đời của tôi đã đậu tiến sỹ, lúc nhỏ ở quê, bố tôi đã từng lấy ngón tay chỉ vào hàng chữ khắc cho tôi đọc...

Người kia nói:

– Lúc tôi đi thì ngôi chùa Hạc Ngọc đã thành doanh trại, và Văn Chỉ đã biến thành chuồng ngựa của quân lính rồi. Bia đá, tượng đá được đập ra xây nhà cửa, làm đường đi. Những tượng gỗ, đồ thờ bị chẻ ra làm củi. Giặc đuổi dân ra khỏi nhà để lấy chỗ ở cho họ... Tôi không muốn

nhớ tới những ngày đó nữa, sau này nếu có lúc trở về e quê cũ đâu còn được như xưa...

Câu chuyện quê hương bỗng trở nên buồn thảm. Thạch Nhạc gọi thêm rượu, người cùng quê uống đã say nhưng vẫn chẳng từ khước tiếp tục cuộc rượu.

Thạch Nhạc có lúc lơ đãng nhìn lên tường và thấy một tấm tranh thì kêu lên:

– Ông nhìn xem, có phải đó là phong cảnh Sơn Bắc không?

Người cùng quê đứng lên, tiến tới gần bức tranh, giọng chắc chắn:

– Còn sai đi đâu được, tranh của Bố Trạch Lân chứ ai. Hồi tháng trước tôi có thấy Bố Trạch Lân thơ thẩn ngoài bến sông.

– Ông ta cũng đã bỏ Sơn Bắc rồi sao?

– Đúng như thế.

– Tôi đã từng được nhìn vào trong họa thất

của ông, một rừng tranh... Làm sao mà gặp được, tôi những mong có một tấm tranh của ông.

Cuộc rượu giữa hai người cùng quê kéo dài cho tới lúc cả hai say ngất nằm bò ra quán mà ngủ. Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy Thạch Nhạc đã không thấy người cùng quê đâu nữa. Ông ngần ngơ không biết sẽ tìm Bố Trạch Lân ở đâu. Mấy ngày liên tiếp ông thơ thẩn ngoài bến sông, trên đường Nam Trấn hy vọng gặp được Bố Trạch Lân hoặc người cùng quê đã gặp nhưng đều không thành. Thạch Nhạc trở lại quán rượu và hỏi người chủ quán:

– Ông treo tranh của Bố Trạch Lân ở đây, vậy ông có biết họa sĩ hiện ở đâu không?

– Ông là người thế nào với Bố Trạch Lân?

Chủ quán nhìn dò xét, Thạch Nhạc nói:

– Dạ, tôi là người cùng quê.

Chủ quán ồ lên một tiếng, giọng ân cần:

– Bố Trạch Lân là khách quý của quán chúng

tôi, ông là một họa sĩ tuyệt vời – chỉ tay lên bức tranh trên vách — nhưng tôi không thích bức tranh này.

Thạch Nhạc ngạc nhiên:

– Vậy sao ông treo nó ở đây?

– Chẳng là Bố Trạch Lân thường tới đây uống rượu với mấy người đồng hương và lần nào cũng thích ngồi ở chiếc bàn này. Một người bạn đề nghị tôi treo ở đây một tấm tranh của Bố Trạch Lân. Tôi đồng ý. Tôi nhớ một lần có khách vào uống rượu, thấy tấm tranh nói với tôi: rượu của ông đã ngon lại vừa uống vừa được nhìn thấy quê hương Sơn Bắc tôi thấy rượu càng ngon hơn. Thật thiết thời cho chúng tôi, đất Nam Trấn chưa bao giờ có một họa sĩ của mình. Có lần tôi nói với Bố Trạch Lân: liệu có khi nào ông thấy Nam Trấn cũng là quê hương mình để có một Nam Trấn trong tranh của ông? Sau này, một lần ghé lại họa thất, tôi có thấy một vài tác phẩm mới, hình như ông vẽ Nam Trấn, nhưng tôi không thấy nó là Nam Trấn. Nam Trấn có cái hùng hực của nắng lửa, cái bao la của đồng bằng, cái mệnh mông

của biển cả, cái xanh thăm vời vời của trời cao cao xanh những cánh hải âu... Cái không gian, quá khứ vẫn đầy ắp trong Bối Trạch Lân, làm sao được...

Sau khi được chỉ dẫn, Thạch Nhạc rời quán rượu tìm gặp Bối Trạch Lân.

Họa thất của Bối Trạch Lân ở ngoại thành phía tây Nam Trấn. Vừa bước chân vào khu vực, Thạch Nhạc đã nghe thấy đôi ba giọng quen thuộc của đất Sơn Bắc, đây là một khu dân tân lập, tất cả còn ngổn ngang khác hẳn với khu phố cổ nội thành. Vừa hỏi thăm người ta đã chỉ ngay cho nhà của Bối Trạch Lân. Đứng trước cửa, vừa lên tiếng đã thấy một lão bộc bước ra. Sau khi nghe Thạch Nhạc hỏi, lão bộc mời khách vào nhà rồi lễ phép nói:

– Thật đáng tiếc, họa sĩ vắng nhà.

Với vẻ thất vọng, Thạch Nhạc nói:

– Vậy tôi có thể ngồi đợi được không?

– Mời ông ngồi chơi, nhưng thực chúng tôi

không rõ khi nào ông mới về, có khi đi mấy ngày, có khi chỉ chốc lát... Hôm nay thì ông đi từ sớm... Tôi thường thấy ông rất vui mỗi khi có người đồng hương ghé thăm...

Thạch Nhạc xin phép ngồi đợi, lão bộc mang lên ấm trà nóng và không quên đốt một thanh trầm. Thạch Nhạc thấy mình hạnh phúc ở giữa một rừng tranh. Cây cỏ, núi đồi, khe suối, chim muông... tất cả đều thân thuộc với mình. Thạch Nhạc nhớ lại thời còn nhỏ ở Sơn Bắc, một đôi lần được đứng ngoài cửa nhìn vào họa thất của Bố Trạch Lân. Bố Trạch Lân là hậu duệ của một thế gia ở Sơn Bắc, dòng họ Bố nhiều đời để lại những tên tuổi lớn trong làng tài tử, mỗi người nổi tiếng về một mặt. Riêng về hội họa thì có ba người được truyền tụng đó là Bố Tường Giả, Bố Cái Đường và Bố Tịch Nhâm, những tên tuổi này thường cách xa nhau nhiều đời, cho tới Bố Trạch Lân thì sự xa cách càng lớn. Người ta cũng bảo: những ông tổ của Bố Trạch Lân mới là những đại danh họa, còn Bố Trạch Lân thì thường thôi.

Qua thời gian, nhiều giai thoại được kể lại,

những truyền tụng về người ngày xưa như mỗi lúc mỗi thêm huyền hoặc đến nỗi người sau không còn biết thực hư thế nào. Dù vậy người ta vẫn kể cho nhau nghe với một lòng khâm phục.

Như về Bồ Tường Giả, người ta nói: mây trong tranh ông như đang bay, vẽ mây mà thấy trắng, vẽ nai mà thấy cộp, cá như đang lượn, chim như đang bay, cỏ cây như đang lay động. Có kẻ còn bảo: một lần ông vẽ cảnh rừng sâu có hổ nhưng sau khi điểm nhãn hổ đã nhảy ra khỏi tranh đi mất để lại trong tranh một vạt cỏ đổ rạp. Tranh của ông thuần vẽ thiên nhiên, chỉ cần nhìn một gốc thông già, một bụi trúc, một khóm chuối, một mỏm núi, một cụm lan người ta đã nhận ra đó là Bồ Tường Giả.

Người ta còn bảo từ lúc sinh thời của Bồ Tường Giả cho mãi tới nhiều đời sau không ai dám cầm bút vẽ thiên nhiên cho tới đời Bồ Trạch Lân. Đến nay tranh ông vẽ đã mai một cả, duy ở đền Da Cáo có một tranh tường mà tương truyền là do ông vẽ. Tấm tranh rất lớn dù đã có những mảng vôi bị vỡ, màu sắc qua thời gian đã phai nhạt

phần nào nhưng đứng trước tranh người ta vẫn choáng ngợp với cảnh trí: những ngọn núi hùng vĩ bị cắt ngang bởi nhiều tầng mây, những gốc cổ thụ, thác cao và vực thẳm, quanh đó những hoa lá muông thú. Tương truyền ông vẽ bức tranh này khi tóc còn xanh, khi hoàn tất thì râu tóc đã bạc phơ.

Sau Bồ Tường Giả gia phả họ Bồ nhắc tới Bồ Cái Đường. Bây giờ vẫn có người hãnh diện nói: chân dung cụ tổ nhà tôi được danh họa Bồ Cái Đường vẽ, đó là của gia bảo có giá trị nhất.

Ai ở Sơn Bắc có người thân qua đời muốn có tranh thờ đến nhờ Bồ Cái Đường vẽ đều được hài lòng. Ông chỉ vẽ người đã qua đời. Người ta nói: ông vẽ ma thành người. Có kẻ bảo như vậy ông có thể vẽ người thành ma. Nghe nói, ông cười lớn:

– Tôi vẽ những người tôi đã từng gặp, từng trò chuyện, từng sống vui buồn ở mảnh đất này, hình ảnh họ tôi vẫn còn lưu giữ, họ đâu đã chết.

Không ai nghi ngờ gì điều ông nói. Ở Sơn

Bắc này có ai lạ với ông. Là một người quảng giao, lịch lãm, đầy lòng nhân ái, dấu chân ông ở khắp các vùng thôn ỏ. Ông luôn ngừng lại, trò chuyện, thăm hỏi, gặp ai chỉ một lần ông đã nhớ tên. Nhiều bậc bố mẹ ngạc nhiên thấy ông gọi tên từng đứa con của mình. Những bức chân dung ông vẽ người nào cũng đẹp, gương mặt như luôn tỏa sáng, nhưng con cháu người quá cố thì ai cũng nhận ra người thân của mình với những đặc điểm của từng người chẳng thể lẫn đi đâu được.

Một lần có người khách tới mang theo một con chim quý, màu sắc hết sức lộng lẫy. Người khách nói:

– Tôi muốn con chim không bao giờ chết, chỉ có nét bút của ông là làm được điều đó mà thôi.

Bố Cái Đường khiêm tốn không nhận lời khen mà từ tạ: tôi không vẽ cầm thú.

Một viên quan tại triều đi kiệu tới mời ông vẽ thái ấp vẽ chân dung cho cha mình. Ông nói:

– Muốn lưu giữ hình ảnh cha mẹ mình, ông

là người con hiếu thảo, biết công ơn người sinh thành. Nhưng tôi nghĩ: thương yêu và ghi công dưỡng dục bố mẹ mình trong tâm tưởng là đủ rồi. Tôi không thể vẽ người chưa từng sống với mình. Viên quan vẫn nài nỉ, chẳng được ông phải giải thích thêm: những người có nhân cách sống bao giờ cũng tự trọng và khiêm tốn. Những bậc trưởng thượng chẳng bao giờ nghĩ tới mình đến độ tham lam muốn con cháu nhiều đời mãi mãi nghĩ đến mình. Họ chỉ biết: họ phải sống ra sao chứ không bao giờ bận lòng nghĩ mình chết rồi con cháu phải làm gì đối với họ. Lại nữa tôi không vẽ cái hữu hình mà vô hình trong tôi. Viên quan đứng im dưới thềm lắng nghe rồi vái ba vái trước khi lên kiệu về thái ấp.

Ở Sơn Bắc nhiều nhà thờ các dòng họ còn một số chân dung những vị tổ sống cùng thời với Bố Cái Đường do ông vẽ. Riêng ở nhà thờ họ Bồ thì không có lưu giữ chân dung của một vị tổ nào.

Nhưng ở nhà thờ họ Bồ có một tấm tranh thờ rất lớn. Gia phả họ Bồ ghi lại : Bức tranh Tam

sơn là của Bồ Tịch Nhâm, tấm tranh chiếm hết gian giữa nhà thờ. Đặc biệt ở tấm tranh thờ này là nó không được vẽ hết, nó dở dang một cách cố ý của tác giả. Cây tùng cổ thụ trong tranh ở phần tàn lá chưa được hoàn tất. Trong di ngôn, Bồ Tịch Nhâm có nói tới mong ước của ông: sau khi ông mất, mỗi khi họ Bồ có thêm người thì khi trưởng thành hãy tự vẽ một chi tiết trên cây tùng cổ thụ. Nên ở đầu bàn thờ, trên một thư án có sẵn một nghiêng mực và một ống bút tương truyền có từ thời Bồ Tịch Nhâm. Sau này nếu ai nhìn kỹ tấm tranh có thể nhận ra những cành cây, cành lá, mầm nụ với những nét bút, màu sắc đậm nhạt khác nhau và chưa biết tới khi nào thì tấm tranh có thể coi là hoàn tất...

Các hậu duệ của dòng họ Bồ đều và hơn một lần được nghe những bậc cha chú nói về lịch sử tấm tranh, mong ước của vị tổ cũng như về phần chính cuộc đời của Bồ Tịch Nhâm.

Bồ Tịch Nhâm học giỏi, làm quan tới nhất phẩm triều đình, được vua yêu và ban quốc tính cho ông. Nghe vậy ông không vui, triều đình có

kẻ sàm tấu, vua tức giận, ông từ quan về nhà ở ẩn. Vào thời gian đó ông vẽ bức tranh Tam Sơn. Dù không có một di ngôn chính thức nào, nhưng tự tấm Tam Sơn đã là một gửi gắm, một thông điệp cho con cháu đời sau: cây có gốc, sông có nguồn, chim có tổ, người có tông. Có người còn nói: vì nhà vua muốn ông đổi họ đã khiến ông vẽ Tam Sơn như một câu trả lời lạng lế: ông khước từ việc thay họ đổi tên. Đã có triều đại nào tồn tại ngàn năm chưa? Làm sao để cai trị mà vô tội được? Dòng họ sao lại đổi? Tên mình cha mẹ đặt cho với bao mong ước gửi gắm sao mình lại thay? Đất Sơn Bắc với dòng họ Bô là cả một lịch sử huyền hoặc, có phải từ đó mà sinh ra Bô Trạch Lân? Vậy sao Bô Trạch Lân lại rời bỏ vùng đất thiêng đó?

Những câu hỏi ủa đến với Thạch Nhạc trong khi đang thả mình theo những tấm tranh trong họa thất. Bô Trạch Lân đã khởi đầu vẽ tranh khi nào? Lúc Thạch Nhạc lớn lên thì tiếng tăm của Bô Trạch Lân không ai ở Sơn Bắc không biết. Người ta nói ông nổi được cái dòng của họ Bô. Đặc biệt tranh ông gần gũi với mọi người, quen

thuộc đến nỗi người Sơn Bắc coi tranh ông là thấy quê hương mình. Những kẻ đi lập nghiệp phương xa khi rời quê hầu hết đều mang theo tranh Bồ Trạch Lân như của gia bảo. Tranh của ông không tinh tế, không sắc sảo nhưng thấm đẫm tình cảm. Những gì có trên tranh ông đều như có một tâm sự. Ngồi giữa họa thất của Bồ Trạch Lân mà Thạch Nhạ như thấy mình đang sống giữa quê hương, đắm chìm trong thời gian của quá khứ. Thời gian có ngừng lại không?

Người lão bộc xuất hiện đưa Thạch nhạ về với hiện tại. Trời đã gần tối, chủ nhân vẫn chưa về. Người lão bộc nói:

– E hôm nay chủ nhân không về... thực phiền lòng...

– Thường họa sĩ đi đâu lão bộc có biết không?

Lão bộc mỉm cười:

– Dạ không, người ta thường thấy chủ nhân đi theo bờ sông dọc lên hướng Bắc... Vậy chắc họa sĩ đi về...

Lão bộc nói giọng trầm trầm vẻ buồn:

– Đã lâu chủ nhân tôi gần như không còn cầm tới bút. Những tranh ông thấy đây đã được vẽ từ những năm đầu mới rời Sơn Bắc.

Không đợi được, Thạch Nhạ để lại danh thiếp và một chai rượu quý:

– Xin lão thưa giúp với họa sĩ: tôi sẽ trở lại.

Liên tiếp những ngày sau Thạch Nhạ trở lại nhưng chủ nhân vẫn chưa về. Gặp lúc có chuyến hàng phải rời bến lên đường mà lòng không yên. Nửa năm sau Thạch Nhạ mới trở lại Nam Trấn, ngay khi thuyền cập bến đã vội vã đi tìm Bố Trạch Lân. Lần này thì họa sĩ có nhà.

Bố Trạch Lân mở cửa đón khách. Thạch Nhạ tự giới thiệu và nhắc lại mấy lần ghé thăm trước đây. Bố Trạch Lân vui mừng lấy ra chai rượu quý mà lần đầu Thạch Nhạ để lại:

– Tôi vẫn đợi ngày hôm nay. Mình sẽ uống say với nhau một bữa là để ghi nhớ ngày những kẻ tha hương gặp nhau nơi đất khách.

Nhìn quanh họa thất chỉ có những tấm vách trống không, Thạch Nhạ kinh ngạc hỏi:

– Họa sĩ không còn cầm bút nữa sao?

– Tôi lâu nay không còn vẽ nữa, và hẳn nhiên tôi còn mắc ông một món nợ. Nhưng tôi hỏi ông điều này: có nhất thiết một kẻ sinh ra bắt buộc cứ phải vẽ hay không?

Câu hỏi của Bố Trạch Lân làm Thạch Nhạ không biết trả lời ra sao. Bố Trạch Lân nâng cao chung rượu đẩy đưa về phía Thạch Nhạ, hai người chạm chung rượu và uống một hơi cạn. Bố Trạch Lân cười lớn rồi nói:

– Người ta sinh ra là để sống, vậy thôi. Ông cũng không phải lo chuyện vẽ tranh của tôi.

Sau mấy chung rượu Thạch Nhạ nói cho Bố Trạch Lân nghe về cuộc sống sông nước của mình. Cuối câu chuyện Thạch Nhạ nói:

– Vì phải mưu sinh xuôi ngược, tôi những mong có một ngày về.

Giọng Bố Trạch Lân trầm xuống:

– Một quê hương tươi đẹp lúc ra đi, ông đã có một điều hạnh phúc đó. Tôi sợ cho ngày về của ông. Truyện xưa kể về một chàng Từ Thức thuận đường vui mà vào chốn bồng lai, khi nhớ và trở về cố hương thì không những chẳng ai còn biết tới mình mà cảnh cũ cũng đã đổi thay. Cảnh huống này: ra đi hay ở lại đều là kiếp sống lưu đày mà thôi.

Giọng Bố Trạch Lân ngậm ngùi đau đớn, chung rượu trên tay sóng sánh như sắp đổ vì run rẩy. Thạch Nhạc nói:

– Ông hãy vẽ đi, ông sinh ra là để vẽ mà... Ở đây có bến sông, biển cả bao la... Tại sao ông không vẽ nữa?

Bố Trạch Lân soi bàn tay mình dưới ánh sáng, nói như nói với mình:

– Tôi cũng không biết nữa. Đôi khi tôi cầm bút vẽ những gì là Nam Trấn, nhưng khi nhìn lại tôi nhận ra rằng: nó không phải là Nam Trấn. Nó xa lạ, gượng gạo, vô hồn... Có khi thức dậy giữa

đêm, bàng hoàng nhớ tới Sơn Bắc, tôi lấy bút ra, tôi chìm đắm với quá khứ. Sáng dậy, bước chân ra khỏi nhà, khung cảnh, nhịp sống... tất cả như chẳng có gì gắn bó với tôi.

– Vậy tại sao ông lại bỏ Sơn Bắc?

Bố Trạch Lân rót đầy chung rượu rồi uống cạn một mình, đôi mắt như nhắm lại, giọng bồi hồi:

– Bỏ Sơn Bắc? Không, tôi không bỏ Sơn Bắc. Phải qua một cơn kinh hoàng rồi một thời ổn định, lấy lại hồn vía trong tôi mới hình thành câu hỏi: sao lại rời bỏ quê hương? Trước lúc bỏ chạy, trốn đi, thoát khỏi... một câu hỏi khác thúc bách khắc nghiệt: ở đây để chịu chết sao? Ông phải ở cảnh huống của tôi lúc đó mới thấu hiểu được những khắc khoải, đau khổ của người đứng trước một câu hỏi phải trả lời như một lựa chọn. Khi đã được sống tự do, được vẽ... tôi mới nhận ra rằng: có khi người ta phải chọn cái chết.

Phần tôi, tôi đã bị chặt đứt ra khỏi dòng sống. Tôi đã bị tống xuất. Bao giờ có thể về Sơn Bắc?

– Về Sơn Bắc, tại sao không?

Bố Trạch Lân cười phá lên, tiếng cười nghe nghẹn uất và Thạch Nhạc thấy mặt ông ràn rụa nước mắt, những vết nhòa nhuếch làm cho khuôn mặt như bị nứt ra từng mảnh. Lặng đi một lúc Bố Trạch Lân loạng choạng đứng lên, mở tủ lấy ra cuộn tranh đã gói sẵn trao cho Thạch Nhạc. Khi tiễn người cùng quê ra cửa, Bố Trạch Lân đưa hai tay giữ lấy vai người đồng hương giọng nghẹn ngào:

– Lần tới hẹn gặp nhau ở Sơn Bắc, chúng ta sẽ uống một bữa thật say.

– Sống trên sông nước với tranh của ông tôi đã có cả quê hương mình.

Bố Trạch Lân quay người trở vào nhà. Thạch Nhạc đứng im nhìn theo. Thời gian ấy không biết kéo dài trong bao lâu trước khi Thạch Nhạc trở về bến sông.

Treo tấm tranh trên vách thuyền, Thạch Nhạc ngắm không rời mắt. Thích thú vì tấm tranh Thạch Nhạc lại lấy rượu ra uống tiếp. Gặp lúc

người con trai đi về, Thạch Nhạc kêu lại, chỉ lên tấm tranh:

– Quê mình đó con.

Người con nhìn lơ đãng, giọng lạnh nhạt:

– Bố kiếm đâu ra bức tranh phong cảnh lạ thế?

– Quê hương... nơi đó bố được sinh ra...

Thạch Nhạc lấy rượu ra rót cho con một ly, giọng đã say:

– Uống đi con... chúng ta lênh đènh với quê hương...

Đứa con cầm ly uống cạn, giọng ráo hoảnh:

– Người ta hỏi mình giao hàng gấp đó, phải nhờ sào thôi.

Thạch Nhạc im lặng một lúc rồi nâng ly uống cạn một lần trước khi bước ra mũi thuyền:

– Vậy ta đi.

Cuộc sống hối hả không ngừng trên sông nước, tất bật với những lo toan cơm gạo, trong nhiều năm sau mong ước của Thạch Nhạ vẫn chưa thực hiện được.

Đôi khi nhìn lên tấm tranh trên vách thuyền, Thạch Nhạ lại nôn nao nhớ tới quê nhà. Xuôi ngược mấy năm rồi mới lại có dịp ghé vào Nam Trấn. Vừa lên bờ Thạch Nhạ đã tìm lại họa thất của Bố Trạch Lân. Ngôi nhà cũ còn đó nhưng vắng bóng người. Hỏi thăm có người hàng xóm bảo:

– Ông ấy đi khỏi nhà đã lâu rồi. Người lão bộc cũng đã qua đời...

Thạch Nhạ lặng người nhìn cánh cổng đóng, lối đi cỏ dại mọc đầy. Hẹn gặp nhau uống rượu ở Sơn Bắc. Câu nói hôm nào vang vang trong trí nhớ.

TIẾNG GỌI NGƯỜI

Vị sư già khêu to ngọn đèn dầu, thắp một nén nhang, cúi lạy tam bảo rồi chậm rãi đi qua nhà đại bái và bước từng bước ngẩn lên bậc thang của tam quan chùa. Vị sư già chấp tay niệm Phật trước khi cầm chiếc chày thỉnh lên mắt chuông đồng cổ kính. Đây là thời điểm tụng kinh cuối ngày. Tiếng chuông thu không sẽ vang lên trong không gian báo cho những mục đồng, những nông phu, những lũ khách hầy mau chân trở về nhà. Thỉnh chuông lần thứ nhất, nhà sư lắng nghe, sao không thấy tiếng chuông thân thuộc vang vang trong không trung, tất cả đều im ắng. Tại ta đã điếc rồi sao? Nhà sư thỉnh chuông lần thứ hai, lắng nghe chăm chú, không một âm thanh nào. Trong ánh sáng chạng vạng của buổi hoàng hôn nhà sư sờ tay lên chày gỗ, lên chiếc

chuông đồng, tất cả đều còn đây.

Nhà sư ngồi xuống định thần rồi đọc bài kệ. Đứng dậy, cúi lạy bốn phương tám hướng, nhà sư lấy chày và thỉnh chuông một lần nữa, tiếng chuông đã đi đâu mất. Nhà sư không bình tĩnh được nữa dùng hết sức lực đánh liên hồi chiếc chày gỗ vào đại hồng chung, vẫn không một tiếng chuông nào chỉ nghe thấy tiếng sào sạc của những ngọn tre trong gió.

Nhà sư kinh hãi. Điều gì đã xảy ra? Điềm báo trước một tai họa nào? Điều gì đã xảy ra với đại hồng chung? Có ma quỷ ư? Tiếng chuông đã đi đâu? Nhìn chung quanh, buổi chiều đang xuống nhanh, vạt nắng nhỏ nơi cuối chân trời đang tắt dần. Những ngọn tre xa đang lẫn dần vào trong bóng đêm. Tất cả không gian như đang biến vào một cõi nào khác, làng xóm xa xa nơi đó những con người đang tắt cả như chìm sâu không một dấu hiệu nào của sự sống.

Trở lại trai phòng nhà sư nhớ lại. Những ngày rằm mồng một gần đây người lên chùa mỗi lúc một thưa vắng. Con đường đất nhỏ dẫn từ

làng băng qua cánh đồng dần dần không còn dấu chân người. Đứng trên tam quan nhìn về làng xóm vị sư già như nhận ra vẻ tiêu sơ. Một hôm có bà cụ già lên chùa. Bà cụ kể:

– Mùa màng thất bát, người làng thiếu ăn, rồi trộm cướp, đánh nhau, nhiều gia đình tan vỡ, những đứa trẻ không cấp sách tới trường, nhiều đứa trẻ chửi cha mắng mẹ... Đã vắng đi những nét mặt tươi vui, tiếng cười rộn rã...

Nhà sư đã nhìn thấy những vùng bóng tối thấp thoáng ẩn hiện trên những gương mặt vàng xanh âu lo và nổi cùn quần của đời sống khắc nghiệt. Trời chưa tối nhà nào cũng cửa đóng then cài thấp thỏm những lo âu, sợ sệt, có những đêm nhà sư đã nghe thấy tiếng kêu thất thanh vang vọng từ một nơi nào đó, tiếng rượt đuổi, la hét, tiếng khóc gào thảm thiết...

Mới đây, sớm mai vừa thức dậy nhà sư đã thấy một đám người đang bu quanh một xác người nằm chết ở ven đê không xa cửa tam quan bao xa. Trong khuôn viên chùa, thỉnh thoảng nhà sư nhận ra những kẻ lạ mặt lẫn khuất, những

trái ổi còn xanh, những trái lựu còn cứng, những trái mít còn nhỏ đã bị vật lúc nào không biết, cả những khóm hoa cũng bị đập phá vùi dập, cả những khóm khoai chưa ra củ bị đào bới. Ngay những phẩm vật trên bàn thờ cũng có bàn tay ai đó lấy đi lúc nào không hay.

Kinh hãi hơn hết, một hôm nhà sư thấy đôi chân đèn bằng đồng đã biến đi khi nào không biết. Một cụ già tới gửi đứa cháu nhỏ nơi chùa cho nó quét dọn và học kinh vì thầy đồ đã bỏ đi không còn dạy học nữa. Sau khi nghe nói về đôi chân đèn đã bị mất trộm, ông cụ còn cho biết: ở chùa làng bên bọn xấu đã khiêng mất cả chuông đồng và pho tượng Thích Ca đứng trên tòa sen, họ lấy đồ đồng vì bán được giá cho những lò đúc.

Dân làng đói phải đi khát thực hoặc tìm nơi khác sinh sống, rời bỏ làng quê nơi chôn nhau cắt rốn bao kẻ khóc như không còn nước mắt nữa. Nào đâu phải họ muốn bỏ chốn quê hương mà đi?

Nhiều đêm thao thức, tiếng mõ nghe như rời

rạc buồn bã cùng với tâm trạng vị sư già... Con chim biết chọn nơi khí hậu ẩm áp mà làm tổ, con kiến chọn nơi cao ráo mà chạy tới để tránh lụt. Có ai lại chọn nơi cái chết đang đến? Bao nhiêu đêm tỉnh thức với tiếng chuông và tiếng mõ khua động cả một vùng bỗng nhiên im bật không còn nghe thấy dù chỉ là tiếng chuông thu không.

Vị sư già đã lặng lẽ ra đi. Một sớm tinh sương chưa nhìn rõ mặt người, nhà sư già ôm bình bát rời trai phòng, bước qua cửa tam quan, đi về phía trước bỏ lại sau một mình ngôi cổ tự. Đi được một khoảng xa, nhà sư quay lại, quỳ gối cúi lạy về cửa tam bảo rồi quay gót đi về hướng mặt trời mọc... Từ đó ngôi cổ tự không còn ai hương khói, chẳng bao lâu cỏ mọc phủ kín cả lối đi, những mái ngói xiêu đổ. Tất cả trở thành một nơi hoang phế, một số người dân ít ỏi còn lại trong vùng đã chẳng còn nghe thấy tiếng chuông vang vọng trong không trung...

Nắng hạn rồi lụt lội, bệnh thời khí giết thêm những người còn ở lại. Những người già, kẻ ốm yếu chẳng thể làm gì kiếm được cái ăn kéo nhau

ra ven đường cái quan chờ được bố thí của những lũ hành...

Ngày kia có một tu sĩ đi ngang qua thấy những người khốn khó kêu rên thì ngừng lại, lắng nghe những câu chuyện của họ, đám người khổ ải như chỉ còn thấy con đường tuyệt vọng trước mắt mà không biết phải làm sao để thoát khỏi. Một cụ già gần như không còn hơi nói thều thào:

– Hãy cứu chúng... mất mùa, dịch bệnh... hãy chỉ cho chúng tôi con đường... Vị tu sĩ cầm lòng không được, giọng cũng nghẹn ngào:

– Ta biết vì đâu mà các người khổ sở chừng này... Phải tự mình mới cứu được mình, chẳng ai làm cho mình sung sướng được.

Vị tu sĩ lấy hết chút lương thực ít ỏi đã có được trên con đường khát thực chia cho những người đang đói khát. Một cụ già nói:

– Cả tiếng chuông trong ngôi chùa hình như cũng đã bỏ chúng tôi mà đi rồi...

– Chẳng phải tự nhiên mà nó bỏ đi đâu. Mọi người đã sống buông thả, đối xử với nhau như hùm sói, như thế thì tiếng chuông kia còn cần gì nữa? Nó bỏ đi là phải rồi. Hãy nghe ta nói đây: hãy khuyên nhau tỉnh dậy, hãy dọn mình cho tinh sạch, mỗi kẻ hãy nỗ lực với chính mình... Khi đó tiếng chuông sẽ trở lại với chúng ta.

Mọi người lắng nghe và như nhận biết. Dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ, mọi người cùng nhau làm việc, những kẻ còn lương thực cất giấu đều mang ra chia xẻ cùng mọi người, ai còn sức thì lo phát quang cỏ dại, cuốc đất, thu nhặt những ngọn rau, những củ dại ăn được để có thêm cái ăn... Những mái nhà được tu sửa, những lối ngõ được làm sạch, những luống khoai, vườn rau được chăm sóc tưới bón, sinh hoạt của bao nhiêu con người như làm nên một sinh khí. Chẳng bao lâu cuộc sống đã trở lại.

Một ngày trông đợi đã đến, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ, dân làng ăn mặc tươm tất, chiêm trống nổi lên. Một cụ già hỏi vị tu sĩ:

– Chúng ta đi rước tiếng chuông về chùa sao?

– Đúng thế...

– Nhưng nó trốn ẩn nơi nào?

– Nó trốn dưới gầm cầu kia chứ đâu...

Với tấm lòng thành, với chiêng trống vang lừng, cỗ kiệu sơn son thếp vàng trang nghiêm được những trai làng khiêng lên cao và đi rước tiếng chuông trở về nơi cổ tự. Khi cỗ kiệu đã được đưa về trước cửa chùa, ngoài tam quan, vị tu sĩ làm lễ trước tam bảo rồi từ từ bước lên gác chuông lấy cành trúc rảy nước thơm lên chuông, đọc lớn bài kệ. Mọi người tụ tập nơi cửa chùa im lặng lắng nghe như thấy vang vọng tiếng gọi từ một cõi nào... Dứt bài kệ, vị tu sĩ trang nghiêm kính cẩn cầm chiếc chày lên thỉnh từng tiếng chuông. Tiếng chuông ngân vang mỗi lúc nghe như một trầm ấm hơn. Chẳng ai bảo ai, mọi người đều sụp lạy. Những tiếng chuông tới một lúc như lồng vào nhau, âm vang của nó như bao trùm cả vạn vật. Vị tu sĩ nói với vị trưởng lão:

– Hãy làm điều lành, hãy thương yêu đùm bọc nhau, hãy cùng nhau nỗ lực. Tiếng chuông

chỉ ở với người lương thiện. Chuông dù có áp sát vào tai kẻ xấu mà đánh lên nó cũng không nghe thấy...

Sau một thời gian ngắn làng quê quanh ngôi cổ tự đã có màu xanh của ngọn cỏ lá cây, đôi ba cánh chim bay lượn và chiều lại khi khói lam vờn cao từ những mái nhà, trong không trung lại vang lên tiếng chuông thu không...

Này các con của ta, ta đọc câu chuyện này của Bồ Tiên Sinh từ mấy thập kỷ trước, nay nhớ lại viết cho các con đọc. Sau này, một khi đi kh-iêng kiệu rước tiếng chuông trở về nơi cổ tự thì các con nhớ ghi lại cho con cháu và hậu thế được biết tiếng chuông nặng nhẹ chừng nào?

CÁI CHẾT CỦA...

uán rượu ở góc đường đang bình thường với không khí trầm trầm ồn ào của nó bỗng rộn lên, mọi người chăm chú nhìn về phía đầu con đường đưa vào thị trấn.

– Lão ăn mày đã đến...

– Một tuần trăng tròn vừa đúng không sai một ngày...

Về ồn ào huyền não bùng lên rồi lặng lẽ hẳn xuống, mọi người chừng như đều ngưng lại câu chuyện đang nói dở chăm chú nhìn bóng lão ăn mày đang tiến tới gần, một dáng người gầy yếu, bước đi chậm chạp và như không mấy chú ý tới mọi người dù lão ta ngược nhìn và mỉm cười, cái đầu gúc gúc như một dấu hiệu chào hỏi. Lão ăn

mày khi vào tới phố chính thì đi sát vào dãy nhà bên, ngang qua những cửa nhà, lão bước chậm hẳn lại, nhiều lúc ngừng bước, từ cửa nhà những đứa trẻ, những bà già đứng ở đó cười cười, có người đã cầm sẵn trong tay những gói cơm, hoa trái, hoặc gạo chờ cho tới khi lão ăn mày tới nơi thì bỏ vào chiếc giỏ lão đeo nơi sau lưng. Có người khi lão tới nơi mới vội vàng vào nhà lấy gạo, như vậy phải nói trước để lão ăn mày ngừng lại một chút, sau mỗi lần nhận được đồ cho lão già cúi mình cảm ơn rồi lại cất bước.

Tất cả mọi người sống ở thị trấn đều quen thuộc với lão già, lão chỉ xuất hiện vào mỗi tuần trăng tròn, đã có lần lão không đến với kỳ hẹn không nói trước khiến cho dân chúng của khu phố chính bàn tán xôn xao, bao nhiêu dự đoán được nói tới, nào là lão đã chết, nào lão đã chán ghét thị trấn mà không thèm trở lại, có người còn dám quả quyết là lão đã đi theo một gái giang hồ tới lập nghiệp ở nơi khác không còn làm nghề ăn xin nữa. Điều này khiến cho tới khi lão già trở lại đã làm nhiều người cật vấn nhưng tuyệt nhiên

lão không nói năng điều gì. Đặc biệt khi có người hỏi:

– Người ta nói ông lấy một gái giang hồ đó, người ta nghĩ bậy cho ông.

Lão già cười hỏi:

– Có chi đâu là bậy, nghĩ tốt đó.

Mọi người há hốc không biết lão nói với ý gì. Lão mỉm cười nói tiếp:

– Thế lấy vợ là xấu sao? Gái giang hồ không là người sao? Có chắc họ xấu không?

Chẳng ai trả lời được. Người ta từ đó nghĩ ra vì sao trong những lần xuống thị trấn nhiều khi lão la cà ngay trong những nhà chứa, ngồi ngoài hàng hiên chuyện trò đùa rỡn với những gái làng chơi một cách rất tự nhiên chẳng quan tâm đến những người chung quanh, có điều lão không hề xin xỏ tiền bạc hay gì khác, hơn thế nữa có lần người ta đã thấy lão mang một gái làng chơi bị bệnh đuổi ra khỏi cửa đi tìm người giúp đỡ, với tất cả tận tình của lão, cô gái sau đó đã trở thành

một người làm ăn lương thiện và giúp việc cho người đã cứu mình. Mỗi lần lão ăn mày xuống thị trấn người con gái kia bao giờ cũng tìm gặp và gọi là cha một cách tôn kính...

Có lúc người ta gọi lão ăn mày là thầy tu ăn xin, nói vậy không có hàm ý gì khác vì thấy lão sống không khác gì một nhà tu hành khổ hạnh. Có một thanh niên trong thị trấn đã từng bỏ thì giờ đi theo lão tới tận nơi lão ở, sâu trong rừng trở về nói cho mọi người biết:

– Lão sống trong một cái lều nhỏ dưới một gốc cây lớn, không có gì hết ngoài một chỗ nằm được làm bởi nhiều cây nhỏ phủ lên trên một lớp cỏ khô, trong lều chỉ có một lu nước và một lu dùng chứa những gạo xin được. Mỗi ngày khi mặt trời lên lão cỡi trần ngồi phơi mình dưới nắng như một pho tượng. Sau đó lão xuống dưới suối tắm, trở lên nằm ngủ dưới bóng cây nghe ngao hát những bài ca do lão đặt, người thanh niên nói: chắc chắn lão là một tu sĩ nhưng không biết lão tu theo đạo gì.

Có người hỏi thì lão cười:

– Đạo người, ai cũng tu được hết.

Những bàn tán về lão nhiều khi hết sức mơ hồ không ai biết lão ra sao. Cũng có người nói xưa kia lão là một tên giết người gớm ghiếc sau hối hận trở về tự thấy phải hối cải. Có người thì cho lão là một tên tù vượt ngục nay tìm đường lẫn trốn. Có người nói chừng như lão là kẻ thất trí, lão không phải là một kẻ tầm thường nhưng nhiều lần thi không đậu vì sự gian lận chốn trường thi lão nhà nghèo không có tiền chạy chọt nên đành bỏ đường công danh, người khác nói không phải vậy, chính lão đỗ đạt, đã từng ra làm quan nhưng sau thấy mình không thi thố được tài, không được tin dùng và nhiều kẻ trong triều ghét vì không biết nịnh bợ hãnh không muốn bị dơ nên từ bỏ mọi điều... Nhưng chừng như lão vẫn chờ thời sẽ đến với lão...

Tất cả những bàn tán về lão ăn mày mỗi lúc một lan ra, sai lạc đi khiến cho người nghe không biết đâu là sự thực, đồng thời tạo ra nhiều giai thoại ngộ nghĩnh. Có điều người ta đều thấy lão là một người tốt, ngay thật, không ham cuộc sống

phồn hoa, khép mình vào những tự chế khó khăn đạo hạnh. Lão cũng không sợ kẻ quyền quý, luôn luôn bên vực những người bị hàm oan, những người gặp tai nạn nghèo khó. Một lần lão đã ở trần truồng đến ngôi nơi cửa phủ Hàng Châu, khi ấy có viên tri phủ mới tới, không hiểu nguyên do, bọn lính đuổi đi không được, lão ngồi đó nhất định không chịu đi. Việc bám vào quan phủ, ông này phải ra hỏi nguyên cớ:

– Tại sao lão lại ăn mặc khinh xuất như vậy?

– Vì tôi không có quần áo.

– Tại sao không có quần áo?

– Tôi là kẻ ăn xin, kẻ nghèo nhất, chỉ có một cái khố rách, nhưng tôi còn thấy có người tội nghiệp hơn sống ở đây khiến tôi phải cho người đó.

– Tại sao người đó không có quần áo?

– Thưa vì đó là một người dân của quan lớn đã bị những lính của quan cướp hết. Họ sợ sai nha khiến cho nên không dám tới đây xin quan.

Tôi chỉ có một thân già nên liều mà đến để xin một cái khố rách khác vì bọn lính họ nói vì lệnh quan là cướp của dân nhưng tôi không tin, mà đâu phải một người, cả đến gái điếm cũng phải chia tiền cho quan phủ nữa, nếu không không được hành nghề... Tiếng oán than trong phủ thật vô cùng thảm thiết, nhưng quan ở trong hào sâu, thành cao không nghe thấy, tôi thấy có bốn phạm đến để thừa cùng quan, rồi sau đó có chết cũng được...

Viên tri phủ xấu hổ phải mang ra cho lão quần áo, lão không mặc ngay, lão xé ra làm nhiều cái khố mang lên người rồi từ tạ viên tri phủ, khi viên quan cho lão tiền thì lão từ chối:

– Xin quan dùng tiền đó giúp cho những kẻ nghèo không thiếu trong phủ, tôi là kẻ tu hành không cần tiền, chỉ xin cho ít gạo ăn qua ngày...

Kể lại câu chuyện này nhiều người cười khúc khích, nhất là có một anh nguyên là lính canh cổng phủ đã mô tả hình dáng lão lại cho mọi người nghe, khi câu chuyện đang kể, những cô gái phải kêu lên, líu ríu nhau bỏ chạy mặt đỏ

lên vì gương. Có người từ đó kể lại chuyện Nễ Hành thời tam quốc đã cưỡi truồng đánh trống trong dinh Tào Tháo, nhưng cũng chính vì quá ngạo mạn khiến bị chết.

– Ai mà giết lão, không ai giết được lão đâu, có người nói chừng như lão già có ma thuật...

– Ma thuật, tôi không tin...

Cứ như thế, vô số những câu chuyện vừa trang nghiêm vừa đứng đắn, vừa đùa cợt khôi hài được mọi người nói đến, nhưng dù thế nào đi nữa người dân trong trấn Hàng Châu thực tình mến yêu lão, và cũng vì thế khiến cho những câu chuyện được nói đến lúc nào cũng bao hàm một vẻ gì thương mến.

Nói về lão ăn mày như thế cũng chưa hết, đối với dân chúng vốn đã quen thuộc, đối với những bọn bất chính trong thủ phủ Hàng Châu thì lão ăn mày là một cái gai nhọn chọc vào mắt, đâm vào thịt. Dựa vào những sự thực diễn ra trước mắt, với những điều mắt thấy tai nghe những chuyện dơ bẩn trong thủ phủ, lão ăn mày cóp

nhặt những chuyện đó lại thành những bài về châm chọc, chỉ trích những kẻ giàu có bất lương, những kẻ nịnh hót, ăn hối lộ, cậy quyền cậy thế trong chính quyền, mỗi lần trở xuống thị trấn lão ăn mày lại ngẫu nhiên hát những bài về đó giữa chốn đông người, nhiều bài về khiến người ta thuộc miệng đọc lại cho nhau nghe.

Chính những bài về đó làm cho bọn sai nha, những kẻ cậy quyền thế lo sợ. Đã có người tìm cách mua chuộc lão, muốn lão dùng những bài về đó vu khống cho người khác, bêu xấu người khác, nhưng lão đã không làm. Tiền để làm gì. Đó là câu nói lão thường dùng để nói với kẻ khác. Cũng có những kẻ làm chuyện bậy bạ bị chỉ trích tìm lão để xin tha cho bằng cách cho lão thật nhiều tiền, nhưng lão chỉ cười không nhận, lão còn nói:

– Hãy mang những tiền đó cho người nghèo và đừng làm bậy nữa.

Chính nhờ lão, nhiều người nghe được những chuyện bậy bạ liền nói cho lão nghe để lão làm về, tuy nhiên không bao giờ lão hồ đồ trong việc ấy.

186 | Dương Nghiễm Mậu

Có những lần xuống Hàng Châu lão tuyệt nhiên không nói một tiếng, ai nói gì lão chỉ mỉm cười rồi đi, khi đã có lương thực lão trở lại khu rừng của mình... Lão ăn mày đang tiến qua từng nhà một và nhận những đồ ăn của hai bên hàng phố. Lão ta đã trở lại đúng với mùa trăng tròn. Nhiều người có vẻ hài lòng với sự đúng hẹn không giao ước này.

– Trong tháng qua có gì lạ không ông lão.

– Có gì lạ — lão cười — không, có gì lạ đâu...
Thế ở dưới này có gì lạ không?

– Có thêm một nhà điểm mới rất to, có đến hàng ngàn con gái mới từ nhiều nơi tới làm ăn, có thêm nhiều trộm cướp trong thủ phủ, một ông Quản binh ban đêm bị mặt dẫn đàn em đi ăn cướp bị dân chúng bắt đánh chết ngoài phố... Người có của đang lo chạy vì nghe đâu có bọn giặc biển đã chiếm cứ cả một vùng duyên hải và sắp tiến vào thủ phủ, ông lão không hay biết gì sao?

Lão ăn mày lặng thinh nghe, lúc sau lão nói:

– Giặc cướp đến? Sống như thế này không phải chịu giặc cướp đó sao?

– Dạ nhưng là giặc cướp mập.

Nghe người ta nói lão ăn mày cười lên ha hả.

– Sao không trốn vào rừng mà ở. Xưa kia ta nghe nói có nhà hiền triết đi ngang qua một khu rừng đầy cọp dữ gặp một bà già sống ở đó mới hỏi:

– Không sợ cọp ăn thịt sao.

Bà già thưa sợ. Nhà hiền triết bảo sợ sao không tới vùng an ninh mà sống. Bà già thưa:

– Tôi không muốn chết, muốn về lắm nhưng ở đó quan quân hung ác khiến tôi không về.

Nghe xong câu chuyện nhà hiền triết nói với bọn đệ tử: quan quân hung ác khiến cho dân sợ hơn cọp dữ, thật tội nghiệp. Vậy dù sao ở đây bọn quan lại sai nha cũng chưa đến đổi nào. Giặc cướp mà còn mập với gầy nữa.

– Dạ mập ăn ít, gầy ăn nhiều, khi mới đến thì

gây sau đó thì mập, thay đổi nhiều giấc thì khổ bọn tôi.

– Lão gây hay mập?

– Gây nhưng mập...

Lão ăn mày nghe nói cười khoái trí hơn bao giờ hết, cái đầu ngắc ngư, cái miệng mở rộng khiến cho lão có một vẻ khôi hài hết sức kỳ cục. Giấc mập, giấc gây. Giấc nhưng cũng có nhiều loại. Về tin có đám giấc biển quấy phá vùng duyên hải thì lão đã biết từ lâu, nào phải riêng một đám giấc này, trong những năm gần đây giấc già nổi lên tứ tung, vô số kẻ xưng hùng xưng bá với những chiêu bài này khác, kẻ nói phục hưng cái này, kẻ nói bảo vệ cái khác cho đến có những kẻ tu hành cũng kết bè kết đảng, khua chiêng khua trống nổi thành giấc, có những tên du côn du kê kết bè kết đảng cầm dao cầm búa một hôm đủ sức mạnh cũng tự ý lên ngôi thiên tử...

Trong những vùng hẻo lánh, dân chúng phải sống hết sức cơ cực, hết kẻ cờ vàng tới kẻ cờ xanh, hết kẻ cờ xanh tới kẻ cờ đen... bọn giấc cướp thay

nhau ức hiếp dân chúng, thay nhau tranh giành chém giết... Triều đình thì không còn sức mạnh nữa, đất Giang Châu, Hàng Châu nhà nước đứng ra khai thác nhà điếm, tổ chức cờ bạc, dung túng bọn làm càn, kẻ sĩ có liêm khiết, nhân phẩm thì dòi khỏi cửa công quyền lấy ẩn dật an thân, kẻ tu hành không còn trông coi tới giáo lý, trên xã hội chỉ còn trò nhăng cuội, người dân lành nhắm mắt sống cho qua ngày không còn biết trông cậy vào ai.

Trong tình cảnh ấy, có ai hỏi thì lão ăn mày cười:

– Thôi đi ăn mày đi, làm thẳng cùng đình sung sướng biết bao...

Nói thế nhưng trong thâm tâm lão ăn mày cũng có lúc muốn cầm dao mà làm một kẻ ăn cướp giết người cho đỡ hận. Nếu làm được chắc hẳn lão sẽ giết đi không biết bao nhiêu người: giết kẻ làm giàu bất chính, kẻ cậy quyền thế, kẻ không giữ liêm sỉ phẩm cách... nhưng giết như thế thì nhọc công biết bao. Có lúc lão nghĩ: sao không có một tai ương nào từ trời giáng xuống

190 | Dương Nghiễm Mậu

một lần cho tất cả những kẻ ấy chết đi, có lẽ trong những người phải chết có cả lão, nhưng chắc lão sẽ hài lòng... sống trong một xã hội như thế này... làm một tên giặc cướp cho ngay thẳng, giết kẻ đáng giết, cướp của kẻ đáng cướp trong thời này có khác chi hành động của một anh hùng, một bậc thánh nhân...

Lão ăn mày vừa bước đi trong phố vừa nghĩ vu vơ những điều, mà có lẽ là, những điều tầm bậy, lão lắc đầu như xua đuổi những điều không đâu. Nghĩ chi, làm một thằng ăn mày là hết rồi... làm thằng ăn mày không đủ xấu cho thiên hạ sao...

Trên đường phố những kẻ qua lại ăn mặc lỗ lã, cười nói, mọi lần lão không chú ý đến những nay bỗng lão phải quan tâm. Chợt lão già bị một người chặn lại. Người này béo tốt, mập mạp, mặt tròn, hai má phính, trán hói, da mặt bóng nhẫy, đôi mắt ti hí, lão đứng chặn lão ăn mày:

– Người ta nói lão tu phải không, lão tu đạo gì?

Lão ăn mày ngạc nhiên, nhưng như một thói quen, lão mỉm cười, lão nghĩ tới những lần đã từng bị kẻ này kẻ khác, những tên ngang ngược đùa nghịch trêu chọc lão, lão cười rồi nói:

– Thưa ngài, tôi theo đạo của tôi, đạo ăn xin chẳng hạn...

– Đạo ăn xin, hừ...

– Thưa không được sao?

– Làm gì có đạo ăn xin, vậy giáo chủ của đạo ăn xin là ai?

Lão già thấy người trước mặt cau có, lão cười:

– Dạ thưa ngài tôi cũng không được rõ nhưng chúng tôi thờ một vật tượng trưng?

– Không rõ giáo chủ mà còn thờ, thờ cái gì?

– Dạ, một cái bị, một cái gậy.

Nghe nói người kia bỗng cười lên một cách khả ố, lão già cũng cười theo không lý do. Người kia lại nói:

- Còn tôi, lão biết tôi theo đạo gì không?
- Dạ không rõ, xin lỗi cho tôi đoán thử?
- Đoán coi?
- Xin lỗi ngài, nếu tôi nói sai thì cũng khoan dung cho.
- Không sao mà, cứ nói đi.
- Chắc ngài thờ thần Bạch Mi.

Người kia lại cười ngặt nghẽo hết sức kỳ cục, những người qua đường thấy vậy đứng vây quanh nghe câu chuyện giữa hai người với tất cả vẻ hiếu kỳ, nhất là thấy có lão ăn xin ở đó. Có người ngoài nghe lão ăn mày nói vậy thì nói lớn:

– Bậy, cái lão ăn mày này bậy quá, trông người ta thế mà nói bậy, lão làm như ai cũng làm chủ chứa với gái điếm cả, nhốt lão ấy lại...

Một người khác nói chen vào:

– Người ta nói chuyện với nhau, ăn nhằm gì, mình không làm thì thôi chứ, việc chi mà la lối vậy...

Đám người kẻ nói thế này người nói thế khác, bàn tán om sòm như chợ vỡ. Người đàn ông la lớn:

– Thôi đi, để nghe lão ta nói nghe thử, lão nghĩ như vậy thật sao, lão già dịch?

– Dạ không, tôi đã thưa với ngài tôi đoán thử, làm sao để tôi biết ngài tôn thờ cái gì.

– Lão này ăn nói nghe được lắm, lão bạn không, tôi muốn mời lão lại nhà để tôi chỉ cho coi cái bàn thờ của tôi, lão đi không?

– Dạ cảm ơn ngài, tôi bạn đi ăn xin, cho tôi được tới hầu ngài khi khác, ngài có thể nói cho nghe cũng đủ rồi...

Mọi người im lặng theo dõi câu chuyện, chừng như ai cũng chờ đợi nghe người đàn ông nói xem người đó thờ gì. Lão già cũng chờ đợi. Một lúc người kia mới nói:

– Ở nhà tôi có cái bàn thờ, trên đó có một đồng tiền vàng.

Mọi người nghe nói thì ồ lên, có người cười, có người tỏ vẻ tức giận, lão già ăn xin cũng cười. Riêng người đàn ông thì có một nét mặt rất nghiêm trang. Một người ở ngoài nói:

– Cái mặt thẳng cha trông vậy mà nhảm nhí, tầm bậy, một mình nó thờ tiền chứ đâu phải cả thiên hạ đều thờ tiền.

– Thưa ông bạn — người đàn ông vừa nói vừa tiến tới người nói trong đám đông — ông bạn hãy ăn nói cho phải phép. Thằng cha với nó là thế nào. Tôi thờ tiền nhưng tôi có lễ độ, như vậy thua hay hơn ông bạn. Tôi thờ tiền nhưng tôi sống đường hoàng đã sao. Tiền sao lại không đáng thờ nếu mình kiếm tiền một cách chính đáng, không phải cướp giật, không bán đồ giả đồ xấu, không ăn hối lộ, gian lận... Thưa ông bạn, tiền

